



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Văn đề trong tháng

Quân Mỹ đổ bộ vào Haiti

Sau cùng quân đội Mỹ đã đổ bộ bình yên vào Haiti lập lại chế độ dân cử của tổng thống Jean-Bertrand Aristide. Pháp sẽ gửi một lực lượng cảnh sát hỗ trợ cho cố gắng của Hoa Kỳ.

Tập đoàn quan phiệt Cedras, mặc dù từng nhiều lần tuyên bố huyễn hoang thà chết chứ không nhượng bộ, đã thỏa thuận đầu hàng với một phái bộ cao cấp Hoa Kỳ do cựu tổng thống Jimmy Carter cầm đầu, gồm cả tướng Collin Powell, cựu tổng tham mưu trưởng quân lực Mỹ, vào lúc được biết cuộc đổ bộ của quân đội Mỹ đã thực sự bắt đầu. Một lần nữa, người ta thấy bộ mặt thật của các tập đoàn bạo ngược: hung hăn với người dân không vũ khí bao nhiêu, họ hèn nhát và khiếp nhược trước thử thách thực sự bấy nhiêu. Họ chỉ ngang ngược khi nghĩ là không bị đe dọa. Họ không phải là những người có thể hy sinh tính mạng. Vả lại họ có thể chết cho cái gì? Người ta chỉ có thể tử đạo nếu có đạo.

Dĩ nhiên không ai có thể tiếc là chiến tranh đã không xảy ra. Nhưng nếu chiến tranh thực sự xảy ra - nếu Cedras không nhượng bộ kịp thời - thì đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới mà một chế độ bị quân ngoại quốc đánh gục nhân danh tự do và dân chủ với sự đồng tình của Liên Hiệp Quốc. Và sự kiện đó sẽ đặt ra một cách thực hùng hồn một tiền lệ quan trọng trong bang giao quốc tế. Nhưng đâu sao thì đây cũng là lần đầu tiên mà Liên Hiệp Quốc biểu quyết tán thành dùng quân lực để đánh đổ một chế độ độc tài. Lần đầu tiên dân chủ và tự do được nhìn nhận là cao hơn cái mà các tập đoàn độc tài gọi là chủ quyền quốc gia để lấy làm lý cơ tự tung tự tác trên đầu trên cổ nhân dân trong nước. Triết lý bang giao quốc tế đã thay đổi, dù đã không thay đổi một cách thực ngoạn mục.

Tuy nhiên, cũng cần tương đối hóa biến cố này. Nếu nói rằng phải nhân danh dân chủ đánh đổ chế độ Haiti vì nó độc tài và hung bạo thì còn biết bao nhiêu chế độ đáng đánh: Cuba, Bắc Triều Tiên, Miến Điện, Việt Nam và ngay cả Trung Quốc, và nếu đánh thì cả thế giới sẽ bị chìm trong biển lửa.

Hoa Kỳ đã chỉ quyết định hành quân đánh đổ chế độ Cedras vì nó đã tạo ra một làn sóng người vượt biển trốn sang Hoa Kỳ gây bối rối cho nước này. Hoa Kỳ đã hành động trước hết vì quyền lợi của mình. Dân chủ là lý cơ hơn là lý do. Nhưng ngay cả như vậy, vẫn có cái gì không ổn. Chế độ Castro tại Cuba cũng bạo ngược không kém, và cũng tạo ra một làn sóng người tị nạn sang Hoa Kỳ. Nhưng Hoa Kỳ không đánh mà chỉ thương thuyết với Castro để tìm thỏa hiệp chấn làn sóng thuyền nhân mà thôi, bởi vì Castro có quân lực mạnh và đánh gục ông ta không phải là chuyện dễ. Tóm lại, mặc dù hành động của Hoa Kỳ tạo ra một tiền lệ tích cực trong bang giao quốc tế, xác nhận chỗ đứng hàng đầu của những giá trị dân chủ và nhân quyền, nhưng trong thực tế Hoa Kỳ đã chỉ hành động vì quyền lợi của chính mình, khi thấy có thể thành công dễ dàng.

Tình hình Haiti còn rất phức tạp và những khó khăn của Hoa Kỳ chỉ mới bắt đầu. Uphold Democracy (Hỗ Trợ Dân Chủ) có lẽ là một cái tên quá lạc quan cho cuộc can thiệp của Hoa Kỳ. Vấn đề thực sự của Haiti là phải sáng lập một nền dân chủ chưa hề có,

Trong số này

1. Văn đề trong tháng
3. Chính trị quốc tế:
Cuba
4. Ba chướng ngại lớn...
7. Đề nghị một thái độ...
8. Từ xuất khẩu lao động...
10. Kontum: miền đất đau khổ
11. Thư ngỏ
12. Dân số và phát triển
13. Đức trị hay đảng trị
15. Uẩn khúc của uẩn khúc
17. Vài nhận định...
22. Tạp ghi...
23. Lại chuyện đá sạn
24. Quan hệ Việt Nhật...
25. Thời sự - Tin tức
31. Độc giả viết
32. Sổ tay: *Tin tức*

Thông Luận

- | | |
|-------------------|--|
| Diệp Tường Bảo | |
| Tôn Thất Thiện | |
| Nguyễn Văn Việt | |
| Vương Sử | |
| Nguyễn Văn Huy | |
| Bà Đoàn Viết Hoạt | |
| Vũ Thiện Hân | |
| Vũ Khánh Thành | |
| Trần Thanh Hiệp | |
| Lê Phục Thủy | |
| Nguyễn Gia Kiêng | |
| Nguyễn Hữu Thành | |
| Nguyễn Minh | |

Phù Du

và trước đó phải xây dựng một quốc gia Haiti chưa thực sự là một quốc gia. Những hỗn loạn và bắn giết từ hai tuần vừa qua là một bằng chứng.

Haiti là một nước rất nhỏ, chiếm 1/3 diện tích hòn đảo Ayti trong vùng biển Caraïbes tại Trung Mỹ. Diện tích của Haiti (27.750 km²) bằng 1/12 diện tích của Việt Nam và dân số của Haiti (hơn 6 triệu người) cũng xấp xỉ bằng 1/12 dân số của Việt Nam. Quốc gia nhỏ bé tuy mới thành lập từ hai thế kỷ này đã có cả một lịch sử chông chát khổ đau và thảm kịch. Vào thế kỷ 16, những người mạo hiểm Tây Ban Nha đầu tiên đã đặt chân lên hòn đảo này đã thẳng tay tàn sát thổ dân, vơ vét tài nguyên rồi bỏ đi. Trong hơn một thế kỷ sau đó, hòn đảo này trở thành đất dung thân của các băng đảng buôn lậu và cướp biển. Đám thực dân Pháp dần dần già tăng thế lực và từ cuối thế kỷ 17 thiết lập tại đây một chính quyền thuộc địa tàn bạo, dựa trên sự khai thác tài nguyên và bóc lột dã man những người nô lệ da đen và những người cùng khổ được tuyển làm phu tù Pháp qua. Trong suốt thế kỷ 18, hòn đảo nhỏ này trở thành trạm buôn nô lệ từ Châu Phi qua Bắc Mỹ và số người nô lệ da đen già tăng nhanh chóng để trở thành đại đa số. Khi cuộc cách mạng Pháp nổ ra năm 1789, hơn 90% dân số trên đảo này là người da đen. Họ sống với nhau, chia sẻ cơ cực và uất hận với nhau và dần dần đạt tới một ý thức cộng đồng. Lợi dụng cuộc cách mạng Pháp với những xáo trộn trọng đại tại chính quốc, họ đã vùng lên tranh thủ được độc lập năm 1804. Đó là quốc gia da đen độc lập đầu tiên trên thế giới. Nhưng người Haiti đã mở đầu một cách vinh quang cuộc giải phóng đồng loại da đen của họ. Ngay sau đó, họ còn đương đầu và đánh tan một đạo quân thiện chiến cực kỳ hung bạo của Napoléon -với 35.000 thủy quân lục chiến và 40 tướng lãnh-, buộc đám tàn quân còn lại phải đầu hàng. Để có một ý niệm về chiến thắng rực rỡ này ta nên nhớ lại là năm 1872, viên đại úy Francis Garnier với một đạo quân không tới 200 người đã đánh tan quân Việt Nam, bắt sống tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương, chiếm Hà Nội và nhiều tỉnh tại miền Bắc.

Nhưng nếu người Haiti có thừa dung cảm thì họ lại rất thiếu văn hóa để có thể xây dựng nên một quốc gia. Các phe đảng kế tiếp nhau cầm quyền đã chỉ biết ngòi vào địa vị thống trị của người da trắng để quay lại hà hiếp đồng loại của họ. Hòn đảo nhỏ bé đã là sân khấu của vô số tranh chấp đâm máu để rồi từ giữa thế kỷ 19 trở đi bị chia làm hai nước. Nước Haiti ngày nay tuy là chủ nhân của một quá khứ đấu tranh giải phóng huy hoàng chỉ chiếm 1/3 diện tích của đảo. Haiti chưa bao giờ có được một chế độ bình thường. Lúc nào người dân Haiti cũng phải chịu đựng một tập đoàn cầm quyền霸道. Chế độ độc tài của cha con Duvalier kéo dài 29 năm và kết thúc năm 1986 đã nhường chỗ cho một tình trạng hỗn loạn cùng cực.

Một tia hy vọng đã tới năm 1991 khi linh mục Jean-Bertrand Aristide đắc cử tổng thống. Linh mục Aristide đã mau chóng chứng tỏ ông là một con người tầm thường. Ông không những không có tầm vóc của một nhà lãnh đạo quốc gia lại còn tỏ ra say mê bạo lực. Ông không có kiến thức mà chỉ có những công thức mị dân rỗng nghĩa. Ông tuyên bố bừa bãi và hành động một cách vụng dại, rồi bị tập đoàn Cedras lật đổ 9 tháng sau đó. Nước Haiti chưa bao giờ thực sự thành hình nhưng đã tan rã hẳn, không phải vì ngoại xâm mà do các chế độ độc tài kế tiếp nhau. Cái mà ta gọi là quốc gia Haiti thực ra chỉ là một mảnh đất nhỏ với những con người đại đa số mù chữ, không tin tưởng ở bất cứ một giá trị

nào, không nhận nhau là đồng bào, và lúc nào cũng sẵn sàng tàn sát lẫn nhau. Lịch sử ngắn ngủi của Haiti nhắc lại một chân lý đơn giản: không thể xây dựng và gìn giữ một quốc gia nếu không có văn hóa đạo đức, tinh đồng bào và sự chấp nhận chia sẻ một tương lai chung. Chân lý đơn giản này đáng để cho người Việt Nam chúng ta suy nghĩ, và lo âu, cho đất nước vào giữa lúc mà một chế độ độc tài ngoan cố đang làm băng hoại đi những giá trị nền tảng: lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và niềm tin vào tương lai.

Đây không phải là lần đầu tiên Hoa Kỳ đổ bộ vào Haiti. Hoa Kỳ đã từng đổ bộ và chiếm đóng Haiti từ 1915 đến 1934. Nhưng lần trước vấn đề rất giản dị: Hoa Kỳ đến đó để bênh vực các tập đoàn cường hào và đàn áp thẳng tay mọi chống đối từ quần chúng. Nhưng thế giới ngày nay đã văn minh hơn nhiều và lần này Hoa Kỳ đến Haiti với một sứ mạng khó khăn gấp bội: xây dựng ra một quốc gia dân chủ bắt đầu từ một tình trạng đổ vỡ hoàn toàn về vật chất cùng như về tinh thần.

Liệu chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ có đủ kiên nhẫn không còn là một nghi vấn lớn. Điều chắc chắn là Haiti thiếu hẳn yếu tố cần thiết nhất để xây dựng một quốc gia - chưa nói là một quốc gia dân chủ -, đó là một nhân sự chính trị. Linh mục Aristide dù đã được giáo dục lại tại Hoa Kỳ từ một năm qua về tinh thần hòa giải dân tộc cũng khó có thể là con người của tình thế. Hơn thế nữa, Haiti không phải chỉ cần một con người mà còn cần cả một ê-kíp lãnh đạo. Cộng đồng hải ngoại Haiti tuy khá đông đảo tại Pháp và tại Mỹ nhưng đã từ lâu hội nhập vào quê hương mới, tách rời khỏi mọi hoạt động chính trị nên chỉ có thể đóng góp một cách rất khiêm nhường về một số mặt chuyên môn. Tương lai của Haiti còn rất nhiều ẩn số.

Tình trạng bi đát của Haiti gợi ra cho người Việt Nam chúng ta một số suy nghĩ. Chúng ta chưa lo âu đúng mức rằng sự băng hoại của các giá trị nền tảng chắc chắn sẽ dẫn tới sự giải thể quốc gia. Chúng ta cũng chưa ý thức được một cách đầy đủ rằng sự kéo dài quá lâu của một chế độ độc tài ngoan cố có thể làm chết một quốc gia và chúng ta cũng chưa hiểu rõ rằng mọi quốc gia, nhất là những quốc gia gặp thử thách, đều cần một nhân sự chính trị. Văn còn quá nhiều trí thức không quan tâm tới chính trị.

Cuộc đổ bộ của Hoa Kỳ cũng không khởi dem lại cho chúng ta những cảm nghĩ mâu thuẫn. Làm sao giải thích được sự kiện, một mặt, Hoa Kỳ đổ bộ vào Haiti nhân danh dân chủ và nhân quyền, một mặt lại vẫn tiếp tục cho Trung Quốc hưởng qui chế tối huệ quốc? Làm sao giải thích được sự kiện Pháp tán thành và hợp tác với Mỹ trong cuộc đổ bộ này nhưng cùng một lúc lại trái thầm đổ chảo mừng Giang Trạch Dân? Các cường quốc Phương Tây quả thực đã hành động một cách quá tùy tiện. Khi muốn và có thể họ lấy dân chủ và nhân quyền làm danh nghĩa; khi không muốn hay không thể họ nhân danh chủ nghĩa thực dụng. Kết quả là chính các giá trị phổ cập của loài người trở thành ngờ vực và các nước mạnh muốn làm gì tùy ý.

Dĩ nhiên chúng ta không bị quan bối vì đâu sao loài người nói chung cũng đang văn minh hơn, dân chủ và nhân quyền càng ngày càng được cống cao, nhưng chúng ta phải thực tế mà nhìn nhận rằng lối thoát của các dân tộc không may chịu ách độc tài, trước hết, là ở sự phấn đấu của chính mình.

Thông Luận

CUBA

Ngày 4-8-94 liệu sẽ được ghi nhận như ngày khởi đầu sự sụp đổ của chế độ Cộng Sản ở Cuba hay không? Trong hiện tại, lịch sử chỉ ghi lại rằng ngày đó, lần đầu tiên, suốt trong 36 năm thống trị của Fidel Castro, hàng ngàn người dân Cuba đã xuống đường biểu tình chống chánh phủ. Biến cố này đã làm giảm uy tín chế độ Castro, tuy nhiên, ông đại lãnh tụ (Lider Maximo) đã không có phản ứng nào khác hơn là tố cáo Hoa Kỳ giựt giây và hăm dọa sẽ cho người tị nạn Cuba tràn ngập vào Mỹ. Đó là một thủ đoạn quen thuộc của những chế độ toàn trị: chừng nào không làm chủ được tình hình nữa, họ chỉ biết lấy dân chúng làm công cụ đồi thắc. Việt Nam đã thử nghiệm thủ đoạn ấy trong thập niên 80. Và quốc tế, trước thảm cảnh, trên biển hoặc trên các đảo, của những thuyền nhân Việt Nam, đành phải thương lượng việc hồi hương những người tị nạn. Trong vụ đó chính quyền Việt Nam đã thu hoạch được chút đỉnh ngoại tệ nhưng nó đã đánh dấu một thời kỳ đen tối nhất của lịch sử quốc gia.

Nhưng chưa chắc gì điều này có thể tái diễn tại Cuba. Trước hết, vì quốc gia bị đe dọa tràn ngập dân tị nạn là Hoa Kỳ, một nước có đủ phương tiện để chế ngự Castro. Tưởng cần nhắc lại rằng Hoa Kỳ còn duy trì một căn cứ quân sự trên đất Cuba, đó là căn cứ Guantanamo. Một khác Hoa Kỳ vẫn chưa giải tỏa lệnh cấm vận Cuba. Vài ngày sau khi Castro thông báo sẽ không ngăn cấm việc dân chúng di tản, tổng thống Clinton đã quyết định giới hạn số tiền mà các gia đình Cuba định cư tại Hoa Kỳ có thể gửi về thân nhân còn bị kẹt lại.

Trái với những lời tuyên truyền của chính quyền Cuba, những người Balseros (thuyền nhân Cuba) không phải là những kẻ sống bên lề xã hội. Họ chỉ ra đi bởi vì cuộc sống ở Cuba trở nên quá ngọt ngạt. Từ ngày Đông Âu sụp đổ và bị Hoa Kỳ cấm vận, kinh tế Cuba đã xuống dốc khủng khiếp. Cách mạng Cuba, từ trước đến nay vẫn tự hào về những thành quả xã hội của họ, bỗng nhiên khám phá rằng họ đã sống vượt khả năng của mình: Cuba đã trở thành quốc gia nợ nhiều nhất trên thế giới với ba mươi tỷ tiền nợ. Chế độ Castro không còn tìm được thi trường như ngày xưa khi còn có mò ma tơ chức COMECON trao đổi sản phẩm kỹ nghệ và dầu hỏa với nông phẩm Cuba. Khả năng nhập cảng đã giảm sút 80% và tổng sản lượng nội địa của đảo đã giảm tới 40% vì thiếu đồ phụ tùng, nhiên liệu. Tại nông thôn, bò đã bắt đầu thay thế máy cày. Mức sản xuất mía (một nguồn ngoại tệ chính), từ 8,2 triệu tấn năm 1989 chỉ còn 4 triệu tấn năm 1993 tức là mức thấp nhất kể từ 1962. Dân chúng phải xếp hàng để chỉ được 900 calo-ri mỗi ngày theo sở tiêu chuẩn lương thực. Thế là nếp sống xã hội đã trở nên hỗn loạn: chợ đen bành trướng, phạm pháp gia tăng. Nạn mài dâm xưa được coi là biểu tượng của tệ đoan xã hội của chính phủ Batista (tổng thống Cuba cho đến năm 1958) nay đã gia tăng gấp bội. Nhiều nhà xã hội học coi sự gia tăng đồng tình luyến ái ở Cuba như một thách thức đối với chế độ Castro.

Tình hình chính trị cũng không khả quan hơn. Đầu thập niên 90, Fidel Castro đã phải thanh trừng nội bộ Đảng. Tướng Ochoa, người hùng chiến trường Angola, đã bị đem ra xử bắn. Fuentes, trước đây là cây bút thần tượng của chế độ, nay đã tuyệt thực để đòi xuất ngoại. Sự sa sút của chế độ còn rõ rệt hơn khi chính con gái của Castro đã trốn "thiên đường xã hội chủ nghĩa" của cha cô. Nếu trong những năm 70, so sánh với những nước Nam Mỹ khác, Cuba còn có nhiều ưu điểm thì ngày nay, tình hình đã hoàn toàn thay đổi: Argentina, Chile, Nicaragua đang vững tiến trên con đường dân chủ. Vì thế, chế độ độc tài ở Cuba ngày càng tỏ ra lỗi thời.

So với Trung Quốc và Việt Nam, Cuba không mở cửa kinh tế mà chỉ có một vài cải cách rời rạc. Sau khi nổi loạn chớm nở, Fidel Castro đành phải chấp nhận cho dân chúng tiêu xài đô la Mỹ. Nhưng do đó, những người có thân nhân ở ngoại quốc lại trở thành những người có đặc quyền mua sắm trong các thương xá dành cho ngoại quốc. Đối với chính quyền, tình trạng bất bình đẳng ấy xâm phạm đến "đạo đức" xã hội chủ nghĩa nên họ đã đàn áp những người làm giàu "quá nhanh". Một mâu thuẫn nữa là: Castro đã chấp nhận cho các nông trại của nhà nước đổi thành hợp tác xã nhưng lại không chịu cho những người có vài mảnh đất nhỏ bán nông phẩm họ sản xuất.

Trong khi đó, ở Hoa Kỳ, càng ngày càng có nhiều người phản đối việc Mỹ cấm vận Cuba. Họ cho rằng, nghĩ cho cùng, Trung quốc đã được Mỹ gia hạn quy chế tối huệ quốc, Việt Nam được giải tỏa cấm vận, Bắc Hàn được viện trợ và thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ trong khi các nước này đều không phải là những nước tiến bộ gì hơn Cuba về mặt nhân quyền. Chủ tịch ủy ban ngoại giao của Hạ viện Mỹ, Lee Hamilton, đã nhận định rằng lợi ích lâu dài của Hoa Kỳ là tạo điều kiện cho Cuba trở thành một quốc gia dân chủ bằng những phương thức ôn hòa hơn là tìm mọi cách để truất phế Fidel Castro. Sự thật, thái độ cứng rắn của các tổng thống Hoa Kỳ là do nơi họ không tha thứ Castro đã chọc ghẹo Mỹ (Vụ vịnh con heo, hỏa tiễn Liên xô). Một yếu tố khác là lập trường cực đoan của cộng đồng người Cuba tại Mỹ, một cộng đồng rất có uy thế ở miền nam Florida (Miami). Bởi vậy từ nay đến cuộc bầu cử Hội đồng thành phố, không nên chờ đợi một sự thay đổi quan trọng nào trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Cuba mặc dù đã có những dấu hiệu hòa dịu giữa chính phủ và đối lập Cuba, qua cuộc gặp gỡ ngày 2-9-94. Thỏa ước được ký sau đó ngày 9-9-1994 chứng tỏ sự đậm chất tại chỗ trong quan hệ Mỹ-Cuba. Chính phủ Cuba cam kết ngưng việc làm ngơ để dân Cuba trốn sang Hoa Kỳ. Đổi lại, Hoa Kỳ hứa sẽ cấp 20.000 chiếu khán mỗi năm cho những người Cuba muốn di tản. Rốt cuộc, kết quả của một tuần thương thuyết là trở lại tình trạng cũ.

Diệp Tường Bảo

Ba chương ngại lớn trên đường tiến của dân tộc Việt Nam

Tôn thất Thiện

Những người Việt Nam ở ngoài nước, và nhất là những người ngoại quốc, đã thăm viếng Việt Nam trong thời gian gần đây đều nói rằng "Việt Nam nay thay đổi rất nhiều". Điều này đúng, nhưng nó chỉ đúng theo nghĩa: nếu ta so sánh với tình trạng Việt Nam cách đây 5 hay 10 năm. Thật ra thì hiện nay Việt Nam đang ở trong tình trạng dẩm chán, nếu không nói là tụt hậu, nếu so sánh với các nước láng giềng Đông Nam Á. Việt Nam không hội đủ điều kiện căn bản để phát triển như các nước này vì lô trình phát triển của Việt Nam rất khác lô trình của họ. Các nước đã phát triển mạnh từ lâu, đã đạt đến trình độ sung túc, và có đủ điều kiện căn bản để tiếp tục phát triển mạnh và vững chắc trong những thập niên tới nhờ những sự lựa chọn chiến lược đúng. Trong khi đó, Việt Nam đã và đang bị nhiều chương ngại chiến lược chặn đường tiến của mình.

Ba chương ngại lớn nhất là: 1/ đấu tranh giai cấp; 2/ dân chủ tập trung; 3/ đảng lãnh đạo tập thể. Đó là ba nguyên tắc mà ban lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản Việt Nam coi là "cơ bản nhất, quyết định nhất" trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nay đến năm 2000 và sau nữa. Lập trường này được công bố trong hai tài liệu rất quan trọng đã được phổ biến trong thời gian gần đây. Đó là báo cáo chính trị của ban lãnh đạo đảng do Tổng bí thư Đỗ Mười đọc trước Đại Hội giữa hai nhiệm kỳ (Đại Hội VII-B) hồi tháng 1, và bài nói chuyện, cũng của ông này, tại Hội Nghị cán bộ đảng hồi tháng 3 năm nay tại Hà Nội.

Tại Hội Nghị cán bộ (ngày 3-3-94) ông Đỗ Mười nói rằng "bên ngoài thì ta ... không cần nói gay gắt" nhưng "phải có quan điểm giai cấp cho vững". Ông ta nhấn mạnh: muốn đánh giá tình hình mới cho chính xác "cán bộ phải quán triệt các quyết nghị của đảng", và ông giải thích rằng điều này có nghĩa là: "Trước hết phải đứng vững trên quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp". Tưởng cũng nên nhắc ở đây là, theo quyết nghị của Đại Hội VII (tháng 6 năm 1991), "Đảng lấy chủ nghĩa Marx Lénin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động... Kiên trì chủ nghĩa Marx Lénin là vấn đề có tính cách nguyên tắc số một đối với đảng ta."

Muốn hiểu rõ sự kiện "đấu tranh giai cấp" và "kiên trì chủ nghĩa Marx Lénin" có quan hệ gì với tình trạng Việt Nam hiện tại và trong tương lai ta nên nhìn ngược giòng lịch sử, lùi lại thời kỳ Stalin kế vị Lénin và năm Đệ Tam Quốc Tế (DTQT).

Lénin mất năm 1924. Năm đó là năm cuối cùng mà DTQT họp (đại hội V) dưới ảnh hưởng của Lénin, tuy ông ta vẫn mặt vì bệnh. Những lãnh tụ cao cấp của tổ chức (Zinoviev, Radek, Bukharin) vẫn là người thân cận của Lénin. Đại Hội này cũng là Đại Hội đầu tiên mà Hồ Chí Minh tham dự, và tại đó ông ta được công nhận là cán bộ Leninít xuất sắc hạng nhất.

Tiếp đó trong 4 năm liền, Stalin không triệu tập đại hội DTQT. Lý do là ông ta bận thanh toán đò đẽ của Lénin. Đến năm 1928, ông ta mới triệu tập Đại Hội VI. Qua đại hội này ông ta ra lệnh thành lập đảng cộng sản khắp toàn cầu với khẩu hiệu "giai cấp chống giai cấp". Các đảng hội viên của DTQT được chỉ thi "bôn-sê-vích hóa" triệt để, đấu tranh giai cấp kịch liệt, loại bỏ

những thành phần tư sản và trí thức, và chỉ đưa những thành phần lao động vào chức vụ lãnh đạo. Đường lối này sẽ được duy trì, dù rằng năm 1935 Stalin triệu tập Đại Hội VII để đưa ra đường lối "mặt trận dân chủ": quyết định này chỉ là thủ đoạn chiến thuật về ngoại giao, còn về mục tiêu chiến lược và nội bộ đường lối không có thay đổi. Dù sao, những phần tử "lao động" đã được đưa vào cấp lãnh đạo rồi, vì có nhiều tuổi đảng, sẽ tiếp tục nắm các địa vị then chốt trong Đảng, với quyền thâu nạp đảng viên vào hàng ngũ lãnh đạo của Đảng và bổ nhiệm nhân viên vào các chức vụ điều khiển của quốc gia khi cướp được chính quyền.

DCSVN (hồi đó là DCS Đông Dương) ra đời trong những điều kiện nói trên. Năm 1929 các nhóm cộng sản tập hợp thành ba đảng. Ông Hồ, theo lệnh của DTQT, gom họ lại thành một đảng duy nhất, DCSD, với những tôn chỉ, thành viên và đường lối chính sách do DTQT án định. Theo các văn kiện chính thức của Đảng đã được phổ biến, trong những năm sau đó, với tư cách là đại diện của Ban Chấp Hành DTQT, ông ta không ngừng nhắc nhở DCSVN phải làm "cho đúng ý nguyên của DTQT" và "bôn-sê vích hóa" hàng ngũ của Đảng. Các văn kiện đó cũng nhấn mạnh là, trong suốt thời gian từ ngày thành lập, Đảng "tuyệt đối trung thành" với chủ nghĩa Marx Lénin. Điều này đang được nhắc lại trong các văn kiện ngày nay. Cùng với "tư tưởng Hồ Chí Minh" nó nói lên tính chất bôn-sê-vích chủ nghĩa "trong sáng" của ông Hồ và của DCSVN.

Dưới chế độ bôn-sê-vích "trong sáng" trong hàng ngũ lãnh đạo không có chỗ cho trí thức hoặc tiểu tư sản. Hai thành phần này không được tín nhiệm vì họ có tư tưởng, biết suy nghĩ thực hư, tính toán lợi hại chớ không nhầm mắt đi theo người khác. Vì vậy, những người trí thức hoặc tiểu tư sản phải chịu "cải tạo tư tưởng" nếu muốn được thu nạp vào đảng và hy vọng được giữ những chức vụ quan trọng.

Thế nào là chịu cải tạo tư tưởng"? Ông Hồ đã đích thân giải thích thái độ của Đảng về điểm này trong buổi "nói chuyện" (ngày 6-2-1953) dành riêng cho vấn đề trí thức. Theo ông trí thức "đáng trọng" là trí thức "hết lòng phục vụ cách mạng" (ta nên hiểu: hết lòng phục vụ DCSVN, đặc biệt là lãnh đạo đảng đó). Ông Hồ nói, hay đúng hơn, ông ta đe dọa trí thức (lúc này, năm 1953, không còn cựa quậy gì được): không thể đứng ngoài giai cấp lao động, vì đứng ngoài tức là "bị kẹp, như cây mía giữa máy ép", là "bị đè bẹp", se "bị gạt ra". Cho nên trí thức phải cải tạo tư tưởng, phải có "lập trường và ý thức lao động", phải "lao động hóa", phải đứng về phe cách mạng". Đảng sẽ dùi dắt, giúp đỡ" để đưa họ về phe cách mạng" (ta nên hiểu: ép họ vào khuôn của Đảng). Như vậy có nghĩa là những người trí thức phải hoàn toàn từ bỏ tất cả những tư tưởng, thái độ, hành vi không được Đảng, nghĩa là lãnh đạo Đảng, chấp nhận, phải tự biến mình thành những người phục tùng Đảng tuyệt đối, theo nguyên tắc dân chủ tập trung (sẽ được bàn đến ở đoạn sau).

Người trí thức chấp nhận những điều kiện trên đây tất nhiên trở nên người tù của Đảng, như Nguyễn Hộ đã giải thích trong

Quan điểm và cuộc sống. Như Đỗ Mạnh Tri đã phân tách rất sâu sắc trong một bài về "Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Hộ" (Tin, số 16, tháng 7, 1994), vì lý tưởng, họ theo Đảng, nhưng từ đây họ không còn thuộc về họ mà thuộc về Đảng, và Đảng có quyền sinh sát trên họ và đòi hỏi họ một sự phục tùng tuyệt đối. Và như Hà Sĩ Phu đã nhận xét trong Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ, họ sẽ đóng góp vào sự nói dối và ngụy biện và không còn là trí thức nữa. Trong những năm 1945-1975, biết bao nhiêu trí thức Việt Nam đã theo DCSVN vì lý tưởng, trở thành người tú của Đảng, và không còn là trí thức nữa!

Qua những sự kiện nêu trên, ta hiểu rõ tại sao lãnh đạo DCSVN ngày nay lại yếu kém như mọi người đều biết. Mà khi lãnh đạo đã yếu kém như thế thì cán bộ cấp trung và thấp lại càng yếu kém hơn nữa.. Sự kiện này tạo ra một tình trạng bế tắc vĩ đại. Cái tệ hại hiện tại, như Nguyễn Khắc Viện, tuy là một đảng viên trung kiên, nhưng đã than thở, không phải là lãnh đạo và cán bộ Đảng vô sản, mà là họ "vô học". Tuy vô học nhưng họ chiếm tất cả những chức vị then chốt trong các cơ quan chính quyền và xã hội. Như thế làm sao nước Việt Nam tiến được? Muốn tiến tới phải có thay đổi triệt để. Nhưng làm sao thay đổi triệt để được khi đường lối chính sách nằm trong tay những người mang nặng thực chất bôn-sê-vích? Những người có quyền quyết định thay đổi lại là những người không đủ khả năng trí tuệ và kiến thức để hiểu rõ các vấn đề rất phức tạp của thế giới ngày nay; họ không ý thức được sự cần thiết của những thay đổi cơ bản; cho nên họ không chấp nhận những thay đổi đó, và "kiên trì" đường lối Stalin "giai cấp chống giai cấp", mà hình thức mới, như ông Đỗ Mười nhắc nhở cán bộ phải áp dụng triết lý trong buổi nói chuyện ngày 3-3-94, là "đấu tranh giai cấp".

Phản khác, báo cáo chính trị tại Đại Hội VII-B cũng nhấn mạnh rằng "Việc đánh giá, lựa chọn, và sử dụng cán bộ lãnh đạo các cấp phải... đặc biệt chú ý bản lãnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng..."; đánh giá cán bộ "phải do cấp ủy quản lý cán bộ..." và lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng.... là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên".

Trong cương lĩnh hiện tại của Đảng (Đại Hội VII, tháng 6, 1991) và hiến pháp mới (tháng 4, 1992), trí thức có được đề cập đến, nhưng họ vẫn chỉ được nằm trong "khối đoàn kết dân tộc" liên minh nông dân lao động trí thức. Khối này chịu sự kiểm soát của Đảng, và những trí thức vào đó, nếu được sử dụng, chỉ được sử dụng như thư lại hoặc cán bộ chuyên môn thừa hành, chứ không hy vọng gì lọt được vào hàng ngũ lãnh đạo có quyền tham dự vào những quyết định quan trọng có tính cách chiến lược trong công cuộc điều hướng quốc gia. Những tiết lộ của Hà Sĩ Phu, Bảo Cự cho ta thấy rõ là những người có kiến thức rộng, có tư tưởng đặc thù và cá tính, không thể nào được "thu nạp" vào, hoặc duy trì địa vị trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng được. Ngay cả những nhân vật cộng sản gốc như Võ Nuyễn Giáp, Trần Xuân Bách, Nguyễn Cơ Thạch, hoặc hết mình với Đảng như Phan Đình Diệu, Hoàng Chí Bảo, còn bị loại huống hồ những người khác. Như vậy trong tình trạng hiện tại, không có hy vọng gì thấy trí tuệ, thay vì "tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng", được dùng làm nguyên tắc chỉ đạo căn bản trong việc tri.

Trong thế giới ngày nay, sự yếu kém về trí tuệ trong hàng ngũ lãnh đạo là một nguy cơ lớn hơn trong thế giới của thời Marx nhiều. Marx chỉ đói chiếu bắp thịt với trí tuệ, và cho rằng bắp thịt sẽ thắng trí tuệ. Nhưng thế giới ngày nay không còn là thế giới

của bắp thịt nữa mà là thế giới của trí tuệ. Khoa kỹ, đặc biệt là khoa kỹ cao tầng, là sản phẩm của trí tuệ, không phải của bắp thịt. Chính quyền nào chỉ lấy bắp thịt -- "bạo lực cách mạng" và chuyên chế vô học - làm nguyên tắc chỉ đạo trong việc trị quốc sẽ kèm hàm dân tộc và xú sở mình trong sự dốt nát nghèo nàn trong khi nhân loại ào ạt tiến tới những chân trời mới. Đó là điều mà những người cộng sản còn ít nhiều lương tri và lương tâm phải suy ngẫm thật kỹ để lấy những quyết định thích ứng với nguyện vọng thiết tha của toàn dân và của chính họ: ít nhất là chấm dứt tình trạng thua kém các nước lân bang Đông Nam Á.

Như đã trình bày ở trên, đường lối Stalin "giai cấp chống giai cấp, đấu tranh giai cấp" hiển nhiên đưa đến những hậu quả cực kỳ tai hại cho xú sở và cho dân tộc Việt Nam. Trong Đảng tất nhiên cũng có người ý thức được nguy cơ đó. Nhưng họ không làm gì được vì họ không nằm trong hàng ngũ lãnh đạo và nắm thực quyền trong Đảng. Tình trạng này thêm trầm trọng vì nguyên tắc "dân chủ tập trung". Nguyên tắc này được ban lãnh đạo hiện thời của Đảng coi là một nguyên tắc bất di bất dịch và đồng hoá với sự tồn tại của Đảng.

Cùng như nguyên tắc "giai cấp chống giai cấp/dấu tranh giai cấp", nguyên tắc "dân chủ tập trung" dẫn đến sự gạt bỏ các phần tử trí thức ra ngoài hàng ngũ lãnh đạo. Đằng khác, nó tách biệt giới lãnh đạo Đảng khỏi giới trí thức, và cách biệt giới trí thức đối với Đảng. Hậu quả là giữa hai giới có sự đồ kỹ, nếu không nói là đối kháng. Giới lãnh đạo sử dụng trí thức một cách dè dặt, hạn chế, và giới trí thức hợp tác với họ một cách miễn cưỡng, cầm chừng. Giữa hai giới không có một sự hợp tác thành thực, tối đa. Do đó, cái vốn trí tuệ của xú sở không được toàn dụng, bị lãng phí, trong khi khắp nơi trên thế giới trí tuệ được nâng lên hàng yếu tố quý báu nhất, cần thiết nhất, và hiếm có nhất trong mọi lãnh vực của phát triển quốc gia.

Để hiểu tại sao DCSVN lại chìm đắm trong tình trạng này, và buộc xú sở phải chìm đắm theo nó, ta phải đi ngược giờ lịch sử, trở lại thời Lénine, vì Lénine là người đã phát minh nguyên tắc dân chủ tập trung, và cách suy diễn và cách áp dụng nguyên tắc này của DCSVN là cách suy diễn và áp dụng của ông ta, tất nhiên qua sự giáo huấn rất kỹ lưỡng của Hồ Chí Minh.

Lénin là một người chủ trương chuyên chế tuyệt đối cho những tổ chức ông ta tham gia và tất nhiên cho chính bản thân ông ta. Trong đảng Xã Hội dân chủ Nga (tiền thân của Đảng Cộng sản Nga), ông ta là thủ trưởng phe thiểu số nhưng lại muốn nắm quyền chỉ huy nên ông ta dùng thủ đoạn tự xưng là phe đa số, bôn-sê-vích (trong tiếng Nga, "бонсевич" là đa số, trong khi thiểu số là "мен се вич"). Trong phong trào xã hội chủ nghĩa Quốc tế (Đệ Nhị Quốc Tế) cũng vậy. Phe ông ta cũng thuộc về thiểu số, nên ông ta tách rời ra và lập một Quốc Tế khác (Đệ Tam Quốc Tế) trong đó ông ta là thủ trưởng có thể áp dụng chuyên chế tuyệt đối.

Chuyên chế tuyệt đối kiểu bôn sê vích là nguyên tắc tổ chức và điều hành những tổ chức chính trị Léninist: Đảng Xã Hội Dân Chủ (Cộng Sản) Nga, Đệ Tam Quốc Tế và các đảng thành viên của nó, trong đó có DCSVN. Tất cả đều phải theo thể chế bôn-sê-vích. Đây là thể chế mà Lénin đề xướng từ năm 1903 trong tác phẩm *Phải làm gì?* (Que faire?). Theo thể chế này đảng Cộng Sản phải tổ chức như một đảng "cách mạng chuyên nghiệp" và sinh hoạt như một đạo quân với "kỷ luật sắt" của nhà binh. Tất nhiên đã là quân đội thì không thể dân chủ được, chỉ có thể có hệ thống chỉ huy quân sự: lệnh từ trên đưa xuống, mọi cấp thi hành, không có bàn cãi gì hết. Nhưng những phong trào cách

mạng thời đó là những phong trào đòi dân chủ. Vì nhu cầu này, Lénin cũng phải nói dân chủ, nhưng ghép thêm vào đó hai chữ "tập trung". Đây là một thủ đoạn đặc biệt Lénin - có tính cách ma giáo, thả khói mù - luôn luôn hai mặt, hai lưỡi. George Orwell, tác giả của hai tiểu thuyết trứ danh *Năm 1984* và *Animal Farm*, gọi thủ đoạn đó là "double talk" (kiểu nói luôn luôn có hai nghĩa).

Mới nhìn thì "dân chủ tập trung" xem cũng có lý. Dân chủ rất cần, nhưng hữu hiệu cũng rất cần, nhất là ở những nước chậm tiến. Những nước này cần đi nhanh để bắt kịp các nước tiên tiến, mà muốn đi nhanh thì phải quyết định nhanh, không thể nhì nhăng được. Như vậy quyền hành cần tập trung vào một chính phủ mạnh có nhiều quyền. "Dân chủ tập trung" vừa bảo đảm được dân chủ, vừa bảo đảm được hữu hiệu. Có gì hay hơn nữa!

Khái niệm dân chủ tập trung có hai phần: dân chủ và tập trung. Theo quan niệm thông thường, dân chủ là một chế độ trong đó người dân dân có quyền lựa chọn người đại diện của mình để lập chính phủ qua những cuộc bầu phiếu tự do, trong đó mọi công dân đều có quyền ứng cử, bỏ phiếu; các cuộc bầu cử được tổ chức theo định kỳ, theo những thể thức rõ ràng, lương thiện. Nguyên tắc đa nguyên, đa đảng được tôn trọng. Hơn nữa, đó là nguyên tắc căn bản. Dân chúng được tự do lập đảng và các đảng đều được tự do tranh cử, có cơ hội luân phiên lập chính phủ, nắm chính quyền. Như thế, theo định kỳ, dân có thể đổi thay chính phủ nếu họ muốn thay đổi đường hướng. Nhưng dân chủ tập trung theo kiểu lê-nít bôn-sê-vích không như vậy.

Trong hai phần, Lénin thoả phỏng phần tập trung lên cho nó chiếm hết ruột, chỉ dành cho phần dân chủ cái vỏ. Dân chủ chỉ còn là bầu bán có tính cách hình thức. Bầu ai thì không phải do đảng viên quyết định mà do lãnh tụ quyết định. Đường lối chánh sách cũng hoàn toàn do lãnh tụ quyết định. Đảng viên phải có bốn phận tôn trọng "kỷ luật sắt" và thi hành tất cả những gì lãnh tụ quyết định. Quyền dân chủ của họ là bỏ phiếu bầu theo chỉ thị của lãnh tụ, và thảo luận về phương thức thi hành hữu hiệu nhất chánh sách đã do lãnh tụ quyết định.

Lénin quan niệm rằng lãnh tụ đảng phải có quyền tuyệt đối, như tổng tư lệnh một đạo quân. Đảng Cộng Sản Liên Xô là một đạo quân. Đảng trưởng, tất nhiên là Lénin, tất nhiên là tổng tư lệnh của đạo quân đó. Đệ Tam Quốc Tế cũng là một đạo quân, mà Lénin lập ra để toàn quyền điều động trong công cuộc cách mạng thế giới. Tổ chức này, cũng như Đảng Liên Xô, là một tổ chức bôn-sê-vích. Các đảng quốc gia chỉ là đảng viên của nó, phải tuyệt đối tuân lệnh lãnh tụ của nó. Lãnh tụ của nó là Đảng Cộng Sản Liên Xô. Và lãnh tụ Đảng Cộng Sản Liên Xô là Lénin, và sau Lénin, từ 1924 đến 1953, là Stalin. Mà Stalin còn chuyên chế và tàn bạo hơn Lénin, và ghét trí thức và tiểu tư sản còn hơn Lénin. Trong tác phẩm *Nguyên tắc chủ nghĩa Lénin* của ông ta, phần nói về tính chất bất khả tín của hai thành phần này được nói rất mạnh. Trong những năm trước 1945, bản Pháp văn của quyển sách này, *Principes du Léninisme*, (lúc đó chưa dịch ra tiếng Việt), là quyển kinh thánh của những người cộng sản sê là lãnh đạo sau này. Đây là một yếu tố về lịch sử của DCSVN ta cần biết để hiểu rõ tại sao ban lãnh đạo DCSVN hiện tại lại bám chặt vào nguyên tắc dân chủ tập trung và áp dụng nguyên tắc này như họ đã làm, và đang làm: đúng như Lénin và Stalin đã quan niệm và áp dụng cách đây 70 năm.

Tự nó, nguyên tắc dân chủ tập trung đã là một chướng ngại lớn trên đường tiến của dân tộc Việt Nam vì nó hoàn toàn ngăn chặn không cho bất cứ ai lọt vào hàng ngũ lãnh đạo đương quyền của

Đảng chấp nhận. Trí thức không phải là đảng viên, mà ngay cả trí thức đã được thâu nạp vào đảng, ở trong tình trạng này. Cộng với nguyên tắc "giai cấp chống giai cấp/ đấu tranh giai cấp" như đã trình bày ở trên, tác động của nguyên tắc dân chủ tập trung trong sự ngăn chặn các cải tổ căn bản, không cho dân Việt Nam đi tới, lại càng tai hại hơn nữa, nhất là nếu nguyên tắc đó được áp dụng song song với nguyên tắc "Đảng tập thể lãnh đạo" như Đại Hội VII-B đã quyết định.

Đại Hội VII-B nghị quyết như sau: "Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên, lãnh đạo bằng các quyết định tập thể ...".

Điều đáng chú ý ở đây là nguyên tắc "Đảng tập thể lãnh đạo" đã được nêu lên từ năm 1975, sau khi Đảng chiếm được miền Nam. Nhưng chỉ tại Đại Hội VII-B nó mới được làm nổi bật và văn kiện hóa như vậy. Tính chất tập thể của lãnh đạo, của các quyết định của Đảng, của tổ chức được nhấn mạnh. rõ ràng là lúc này người ta sợ và muốn ngăn chặn những hành động, những sáng kiến cá nhân, dù là hay và đúng đến mấy, ngược với quan điểm của họ. Đặc biệt người ta sợ những chủ trương cải tổ có thể tồn tại cho sự "kiên trì đường lối xã hội chủ nghĩa" theo Mác Lê trong sáng và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghĩa là đường lối bôn-sê-vích "giai cấp chống giai cấp / đấu tranh giai cấp" như đã trình bày ở trên.

Người ta đây là ai? Là những phần tử cộng sản bảo thủ hạng nặng chống lại cải tổ thực sự, nghĩa là cải tổ có tính chất cấp tiến và qui mô, cải tổ căn bản kể cả cơ cấu lâm định hướng. Những phần tử bảo thủ hiện nay đang nắm đa số và thực quyền trong Đảng. Họ muốn dùng đa số và thực quyền đó để ếm nhẹm tất cả những quan điểm có tính chất tiến bộ. Họ cho ghi rõ trong nghị quyết: "Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà Nước, không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng". Theo nguyên tắc dân chủ tập trung, Đảng là họ. Quan điểm của họ là đường lối của Đảng. Chỉ quan điểm đó được phổ biến.

Trong hiện tình tổ chức và đường lối sinh hoạt của DCSVN - theo chủ nghĩa Mác-Lê "trong sáng", nghĩa là theo chủ nghĩa bôn-sê-vích - không có hy vọng gì cải tổ thực sự được. Loại cải tổ này chỉ có chính người trong DCSVN mới làm được một cách êm thắm, không dùng bạo lực và không gây xáo trộn. Những người cầm thực quyền trong Đảng hiện nay là những người có đủ tư cách nhất để thực hiện những cải tổ đó. Họ có trách nhiệm cải tổ để cho dân tộc và xứ sở đi tới. Nhưng lại khu khu dùng địa vị của họ để chặn đường tiến của dân tộc và xứ sở. Cho nên những cải tổ nói trên phải thực hiện bằng cách đi ra ngoài khung cảnh tổ chức và mối sinh hoạt hiện hữu của Đảng. Trong trường hợp này những người thực hiện cải tổ sẽ là những người trong Đảng đang còn lương tri và lương tâm để chấp nhận những thái độ và hành động nhằm dẹp bỏ ba chướng ngại lớn đã nêu trên: đấu tranh giai cấp, dân chủ tập trung, lãnh đạo tập thể, và thay thế nó bằng: lợi ích dân tộc, dân chủ đa nguyên, lãnh đạo theo lương tri và lương tâm. Những thành phần phản động trong Đảng, căn cứ trên tổ chức và sinh hoạt hiện tại của Đảng, sẽ chụp cho họ cái mũ "phản Đảng". Nhưng có "phản Đảng" như vậy mới cứu được dân và nước, và có thể nói, ngay cả Đảng nữa. Thật ra thì những kẻ phản Đảng không phải là họ, mà chính là những lãnh tụ bảo thủ triệt để chống lại cải tổ thực sự và chặn đường tiến của dân tộc và xứ sở.

Tôn Thất Thiện Ottawa, 20-8-1994

Thông Luận 75 - Tháng 10.94

Đề nghị một thái độ trước tình hình đất nước

Sự phát triển kinh tế Việt Nam, sự thành công ngoại giao của chính quyền Hà Nội, sự tham gia của ngoại quốc vào môi trường Việt Nam, sự gia nhập của Việt Nam vào ASEAN, sự "hợp tác" của Việt kiều, cụm từ "nhà nước pháp quyền" cũng như các vấn đề giáo dục, y tế, xã hội làm cho người Việt hải ngoại có những suy tư và lập trường trái ngược. Có lẽ chúng ta nên phân tích một số vấn đề cơ bản khác trước để có nhận định và lập trường rõ ràng. Các vấn đề ấy là bản chất người cộng sản Việt Nam, bản chất chế độ cộng sản Việt Nam, chiều hướng biến chuyển của lịch sử. Từ đó vạch ra thái độ cần có.

Bản chất người cộng sản Việt Nam

Tất cả những ai đã từng sống và hiểu biết thời cuộc Việt Nam từ năm 1945 đến 1975 cũng phải thấy rõ bản chất bịa bợm của hàng ngũ lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Chúng tôi xin miêu tả ra những bằng chứng và cung miêu bàn vì đó là điều quá rõ ràng. Ngày nay, bản chất ấy đã không hề thay đổi mà vẫn còn đang tiếp tục. Chúng ta chỉ cần xem Thông Luận số 74 kỳ rồi cũng đã thấy rõ một số các vụ đánh lừa của họ. Có khi họ trơ trên nói láy được như điện rò (bài phát biểu của Đỗ Mười chẳng hạn), bất chấp mọi sự thật, bất chấp luật pháp của chính họ đề ra. Nhiều điều khoản của luật pháp cũng chỉ là bánh vẽ để đánh lừa. Những từ ngữ mập mờ, lời hứa cuội, nụ cười xã giao v.v... đều có chủ tâm bịa bợm. Phương châm "bằng mọi giá bảo vệ chính quyền" đặt quyền lợi của họ lên trên quyền lợi của dân tộc. Cho nên khi hai quyền lợi mâu thuẫn nhau, họ phải hy sinh quyền lợi dân tộc. Bịa bợm và ích kỷ tuyệt đối là hai trong những đặc tính của cộng sản Việt Nam.

Bản chất chế độ cộng sản Việt Nam

Bản chất của chế độ cộng sản Việt Nam thay đổi lại nhiều lần từ 1945. Khi tiến, khi lùi, đảng cộng sản Việt Nam xây dựng từng bước chế độ trên nền tảng chuyên chính toàn diện. Đông Âu sụp đổ buộc họ tạm thời lui bước. Chuyên chính ngày nay không còn là vô sản, nhưng vẫn toàn diện. Mọi sinh hoạt trong xã hội vẫn bị kìm kẹp không khác gì xưa. Sự khác biệt là mọi sinh hoạt xã hội trước kia do đảng và nhà nước sáng lập, dài thọ và quản lý, bây giờ tư nhân có thể thay thế họ trên bình diện ấy. Nhưng bao giờ cũng có sự hiện diện của đảng dưới hình thức này hay hình thức khác trong công việc lãnh đạo và quản lý. Thế là đảng khai thác được nguồn tài chính, tài năng và nhân lực của tư nhân mà vẫn nắm chắc các tổ chức, các đoàn thể! Cái bóng của đảng và của công an trùm phủ lên trên đời sống hằng ngày của cá nhân và lên mọi hoạt động của xã hội. Sở dĩ đôi khi người ta có cảm giác vắng bóng họ vì đảng viên say mê "làm ăn", dồn hết tâm trí và sức lực vào công việc kiếm chác, chơi bời và bỏ quên nhiệm vụ của mình. Vì vậy không khí đờ ngột ngạt hơn trước, nhưng hãy còn ngột ngạt hơn thời Pháp thuộc gấp bội.

Ngay về mặt kinh tế, trong năm thành phần, thành phần quốc doanh vẫn chính thức là cốt lõi. Trong quan hệ tư bản và chính quyền, lợi nhuận của tư nhân đến từ mồ hôi nước mắt bị cư xử tồi tệ vì bị coi như không bình thường. Dễ hiểu! Đó là cái nhìn theo xu hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế của ta vẫn theo xu hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi nhuận chỉ được bình thường hóa và "công

bằng" hóa sau khi đã được chia sẻ với quyền lực.

Chính quyền vẫn rêu rao là ở các nước Đông Nam Á cũng có độc tài và báo chí Phương Tây cũng hay nói như vậy. Thật ra, hai bản chất khác hẳn nhau. Một bên mang tính toàn diện như mới trình bày và một bên chỉ làm áp lực lên các hoạt động liên quan đến sinh hoạt chính trị (điều mà mọi người tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ đều không chấp nhận), các đảng phái và chính quyền không trực tiếp xen vào việc quản lý các tổ chức tư nhân. Ngay dưới chế độ quân nhân ở miền Nam cũ, trong thời chiến chống Cộng, các lực lượng chính trị đối lập vẫn được hoạt động, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cộng sản.

Chiều hướng biến chuyển lịch sử

Hệ tư tưởng Mác-Lê cáo chung. Các chế độ cộng sản sụp đổ. Mạng lưới các nước cộng sản tan vỡ. Nước Việt Nam không còn cách nào khác là phải gắn liền với sinh hoạt thế giới và hệ thống kinh tế thị trường của toàn cầu. Nói một cách khác, Việt Nam không có cách nào khác là phải chuyển mình, lột xác. Đó là một tất yếu của lịch sử. Bộ máy chính quyền cộng sản Việt Nam là lực lượng cản trở sự chuyển mình ấy, nhưng nó chỉ có thể làm điều này trong một giới hạn nào đó. Vấn đề đặt ra là phải rút ngắn thời gian chuyển tiếp, thực hiện kinh tế - chính trị thật sự tự do để sớm đem lại phồn vinh cho đất nước và hạnh phúc cho dân tộc. Cộng sản Việt Nam không tự nguyện theo khuynh hướng cần thiết ấy vì nó sẽ đưa đến chế độ đa đảng đa nguyên. Cuộc tranh đấu chính trị cho chế độ đa nguyên ấy chỉ có thể thành công khi hội đủ điều kiện của xã hội, đáp ứng nhu cầu trước mắt của quần chúng.

Theo quan điểm của chúng tôi, điều kiện ấy chỉ có thể có được nếu xã hội Việt Nam phát triển một cách toàn diện đến một mức độ quyết định. Vì vậy tham gia các sinh hoạt trong nước để thúc đẩy biến chuyển xã hội để có biến chuyển chính trị là một đòi hỏi. Thoạt đầu, chúng ta có cảm tưởng như tiếp tay cho cộng sản Việt Nam. Nhưng sự thật thì ngược lại. Cũng vì vậy mà khi cộng sản muốn củng cố quyền lực bằng phát triển, họ cảm thấy nguy hiểm. Họ run sợ, gào thét chống lại "diễn biến hòa bình", hàng ngũ bảo thủ trong đảng chống lại "Đổi Mới". Dưới hình thức hay hình thức khác "diễn biến hòa bình" là một sự kiện không thể đảo ngược được. Do đó đảng viên chỉ lo vơ vét và không đếm xỉa gì đến tương lai của chế độ và của đất nước. Những người lãnh đạo còn thấy rõ điều này trước và hơn ai hết. Nhưng họ không có con đường nào khác trước bối cảnh của lịch sử. Con bệnh đang kéo dài những hơi thở cuối cùng.

Thái độ cần có

Chúng ta cần phân biệt hai loại hoạt động. Một là các hoạt động cần thiết cho "diễn biến hòa bình", cuối cùng đánh đổ chế độ chuyên chính. Đó là các hoạt động xây dựng đất nước, làm phát triển xã hội. Hai là các hoạt động chỉ nhằm củng cố chính quyền. Theo quan điểm của chúng tôi, đó là các hoạt động củng cố tổ chức đảng, nhất là củng cố hàng ngũ bảo thủ của đảng và các tổ chức của hệ thống công an đàn áp dân chúng và đối lập. Khi phân biệt rõ ràng như vậy, mỗi người trong chúng ta mới thoải mái hoạt động và đối xử đúng đắn với các thành phần và đối tượng trong môi trường Việt Nam.

Nguyễn Văn Việt

Tù xuất khẩu lao động đến xuất khẩu Mafia

Vương Sứ

LTS: Vương Sứ là một chuyên viên tốt nghiệp tại Nga, hiện đang tị nạn tại Pháp. Anh ghi lại cảm nghĩ sau một chuyến đi thăm bạn tại Đức.

Người Việt Nam từ lâu đã có tiếng trên thế giới là những con người can đảm, cần cù, chịu khó và rất thành công ở hải ngoại. Chính vì vậy cộng đồng người Việt ở nước ngoài, đặc biệt là ở Pháp, được người bản xứ rất quý trọng.

Từ ngày có xuất khẩu lao động Việt Nam sang các nước xã hội chủ nghĩa cũ, chúng ta có thêm một cộng đồng mới ở nước ngoài. Cộng đồng này cũng lớn, thành phần và sinh hoạt của họ rất phức tạp và ngày càng trở thành một vấn nạn khó giải quyết cho các nước đã tiếp nhận họ.

Để góp phần giúp đỡ Việt Nam về mặt kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa cũ đã đồng ý tiếp nhận lao động Việt Nam. Từ ngày có xuất khẩu lao động, Bộ Lao Động Việt Nam đã thành lập "Cục Hợp Tác Quốc Tế". Chính quyền cộng sản đã đạt đến đỉnh cao của sự dùng từ. Họ không gọi là "xuất khẩu lao động" mà gọi là "hợp tác lao động". Bởi vì trong kinh tế chính trị Marx Lenin, sức lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa không được coi là hàng hóa, do vậy mà không thể xuất khẩu, chỉ có thể hợp tác lao động được thôi. Cục Hợp Tác Quốc Tế là cơ quan tuyển chọn và tổ chức người đi lao động ở nước ngoài. Vì số người muốn đi quá đông nên Cục này đã trở thành một cơ quan ăn hối lộ nổi tiếng ở trong nước, người ta gọi Cục này là Cục Xôi Thịt.

Gần đây cộng đồng người Việt lao động ở Đức có nhiều tiếng tăm, nên mùa hè năm nay tôi quyết định đi một vòng nước Đức để tìm hiểu thêm về cộng đồng này.

Tôi đi xe lửa đến Frankfurt thăm các bạn cũ, sau đó chúng tôi dùng xe hơi đến một số thành phố lớn của Đức, nơi có nhiều người Việt sinh sống.

Theo một nhật báo của Đức ngày 24-8-1994, trước đây ở Đức có khoảng 100.000 lao động Việt Nam, trong số đó 48.000 đã về nước. Nhưng hiện nay con số người Việt này vẫn là 100.000 người, ngoài những anh em ở lại xin tị nạn thực sự vì lý do chính trị, nhiều người bằng cách này hay cách đó tìm cách trở lại Đức. Thêm vào đó có rất nhiều người đã vượt biên bán chính thức sang Đức. Trong cuộc đàm phán cuối tháng 8-1994 về việc đưa người Việt Nam trở về nước, chính phủ Đức đã phản nàn chính phủ Việt Nam vẫn ngầm ủng hộ việc đưa người trái phép sang Đức.

Đức là một nước giàu có, làm ăn bất chính tại đây tương đối dễ dàng, chính vì vậy ở Việt Nam cho đến nay vẫn tồn tại một đường giây mafia đưa người sang Đức. Chỉ cần bỏ ra 2.000 USD là sẽ được cấp hộ chiếu để đi sang các nước lân cận của Đức, rồi từ đó vượt biên vào Đức xin tị nạn. Tất cả những người đến Đức xin tị nạn đều được đưa vào các trại và được cấp dưỡng lương thực đầy đủ. Đó là một điều kiện lý tưởng cho những người muốn xin tị nạn vì trước mắt họ được cấp nhà ở, thức ăn, thậm chí còn được phát tiền. Tuy nhiên tị nạn không phải là mục đích thực sự của một số khá đông người. Nhiều người tới đây chủ yếu là để buôn bán. Họ xin nhập vào một trại tị nạn nào đó tại Đức để có giấy chứng nhận xin tị nạn, sau đó tìm đến các thành phố khác để làm ăn, buôn bán.

Trước đây một số khá đông người lao động Việt Nam ở Đức chủ yếu kiếm tiền bằng sức lao động của mình trong các nhà máy. Thỉnh thoảng họ có buôn bán thêm qua việc chịu khó đứng xếp hàng trước các cửa hàng hay hối lộ nhân viên cửa hàng để mua được một khối lượng hàng lớn rồi bán qua bán lại cho nhau hoặc gửi về Việt Nam. Hiện nay sinh hoạt chính của người Việt trên đất Đông Đức cũ là buôn bán thuốc lá lậu. Ở bất cứ thành phố

nào người ta cũng nghe nói chuyện về thuốc lá. Đi đâu cũng chỉ thấy nói về chủ đề thuốc lá.

Thuốc lá các loại đều xuất phát từ Ba Lan được các băng mafia chở lậu vào Đức. Họ chở từng xe tải có nhiều xe nhỏ hộ tống dằng trước, dằng sau. Họ dùng điện thoại không giây để liên lạc, bảo vệ lẫn nhau và đưa xe tải tránh sự kiểm soát của cảnh sát. Xe tải hẹn giờ với các xe nhỏ ban đêm trong các khu rừng sát biển giới Đức để giao hàng. Không thiếu gì những vụ đánh chém, bắn giết nhau để có được hàng hay để cướp hàng của nhau. Sau khi lấy được hàng, các xe nhỏ chạy tỏa khắp nước Đức để giao cho các chủ thầu nhỏ, rồi các chủ nhỏ này bán lại cho những tay buôn thuốc lá lè đứng bán ở các chợ trời, cửa hàng, bến tàu xe.

Xe của chúng tôi đi qua nhiều tỉnh và thành phố của Tây Đức. Những nơi đây cuộc sống bình yên, chúng tôi không cảm thấy có gì đặc biệt. Khi chúng tôi vừa đến một thành phố nhỏ, nơi mà nhà cửa xám ngoét, đường sá nứt nẻ cỏ hoang mọc đầy, tôi bất chợt trông thấy một người Châu Á đứng cạnh một cửa hàng, tay cầm mày bao thuốc lá. Tôi biết ngay là mình đã đến Đông Đức cũ. Từ đó trở đi, càng lúc chúng tôi càng thấy nhiều người A Châu khác đứng bán thuốc lá ở các bến tàu xe, gần các cửa hàng. Đến Đông Đức cũ nếu gặp một người Châu Á đứng bán thuốc lá ngoài đường thì đó đúng là người Việt Nam.

Đa số những người Việt này không có xu hướng hội nhập vào xã hội. Mục đích của họ là kiếm tiền và kiếm tiền bằng đủ mọi cách. Họ đã mất nhiều tiền để ra đi nay phải tìm cách gỡ lại và để dành một ít vốn khi trở về. Nói chung họ kiếm được cũng khá, nếu so với thu nhập trong nước thì quả là một khoản lớn. Trung bình mỗi ngày một người kiếm được khoảng 100 DM.

Xe của chúng tôi dừng lại thành phố Halle một ngày. Chúng tôi đến một khu phố mà người Việt tập trung ở đó nhiều nhất và cũng là phố nổi tiếng nhất về các hoạt động buôn bán của người Việt. Tại đây chúng tôi hết sức ngỡ ngàng và không nghĩ rằng mình đang ở trên đất Đông Đức cũ - thiên đường của chủ nghĩa xã hội. Đó là một khu phố cũ kỹ, bẩn thỉu, nhà cửa đen xì, tường vôi nham nhở. Người Việt tập trung nhiều ở đây để buôn bán thuốc lá là vì tiền thuê nhà rất rẻ. Một người lao động nào đó có giấy tờ hợp lệ đứng ra thuê một căn phòng, hàng chục người khác tập trung đến ở. Cầu thang đầy rác rến, lối đi bẩn thỉu, mùi hôi thối bốc ra từ các nhà vệ sinh bay tỏa khắp các hành lang. Họ cứ sống với nhau như vậy. Ngày đi buôn thuốc lá, tối về tụ tập. Tại Halle, họ phân công cùng nhau buôn bán: người đứng bán, kẻ đứng canh cảnh sát, người khác tiếp tế và giấu tiền. Thuốc lá thường được giấu ở một nơi gần chỗ bán, bên cạnh thùng rác hay trong các hố mà họ đào như hầm cá nhân.

Ở Berlin số lượng người bán thuốc lá quá đông nên họ tranh giành khách của nhau, cãi lộn ầm ĩ ngoài đường phố. Tại một cửa ga xe điện ngầm, tôi thấy có đến hai mươi người tranh nhau mua bán, cãi lộn, văng tục bừa bãi. Trời thì nóng mà ai cũng mặc quần áo rét lụng thụng, bên trong giấu đầy thuốc lá. Chợ này không khác gì chợ thuốc lá Lương Văn Can hay Hàng Hành tại Hà Nội trước đây, nhưng mức độ tranh giành mua bán quyết liệt hơn nhiều. Cảnh tượng ở đây thật kỳ lạ. Giữa trung tâm một nước Châu Âu lại hiện lên một cái chợ Việt Nam với những người buôn bán có bộ mặt trông rất dữ dằn, cãi lộn, đánh nhau ầm ĩ. Nhiều người bản xứ và khách du lịch đi ngang qua đây chắc không ai hiểu nổi cảnh tượng này.

Thành phần những người buôn bán này rất đa dạng. Không phải chỉ có những tay giang hồ, tú chiến mà còn có những người bản tính tốt nhưng vì nhu cầu tiền bạc cho gia đình họ bắt buộc phải chấp nhận một tình trạng mà họ rất ghét. Nhờ có dịp chuyện trò với nhiều người, tôi biết được trong số đó có nhiều người đã là cán bộ, công nhân viên, công an, bộ đội, có cả những người đã từng là cấp tá trong quân đội. Biết làm thế nào được khi một xã hội chỉ còn có tiền là thước đo duy nhất, khi họ không còn kiếm được tiền ở cương vị cũ nữa thì cũng tìm cách nộp tiền cho Mafia như bao người khác để sang Đức buôn bán kiếm thêm tiền. Nhiều người đau buồn nói với tôi là họ không thể nào ngờ được sự hy sinh của họ trên chiến trường lại vô nghĩa và nghịch lý đến như thế. Họ đã bị động viên để chiến đấu chống lại chủ nghĩa tư bản để rồi lại phải đi buôn thuốc lá lậu ở một nước tư bản, bị dân Đức chửi mắng, bị cảnh sát Đức rượt đuổi, đá đít, còng tay, tống vào ngục.

Họ có kiếm được tiền thật nhưng cũng rất là vất vả và nhục nhã. Cảnh sát Đức thường xuyên vây bắt, rượt đuổi, săn lùng họ. Những cảnh bợt tai, đá đít, còng tay là chuyện thường. Cùng lầm là bị giam một vài hôm rồi được thả ra, họ lại tiếp tục.

Bị cảnh sát bắt cùng chưa đủ, họ còn phải nộp tiền cho một mạng lưới mafia Việt Nam. Tất cả những người bán thuốc lá đều phải "tự nguyện" nộp tiền hàng tháng cho một đại diện mafia ở thành phố mà họ buôn bán. Mạng lưới mafia này có tổ chức cao, nhân viên của họ đều có chức vị hân hoan. Nhiều tay đám thuê, chém muôn được tuyển mộ từ Việt Nam đưa sang Đức và được huấn luyện để lái xe, sử dụng súng ngắn và hoạt động công khai trong cộng đồng; những người buôn bán chỉ có mỗi một cách là cút đầu nộp thuế. Ngoài mạng lưới mafia này còn có nhiều nhóm mafia khác chuyên đi trấn lột. Cứ thấy ai có nhiều tiền là chúng chọn thời cơ đến trấn lột sạch. Đa số trường hợp người bị trấn lột đều biết rõ tông tích kẻ trấn lột mình nhưng không ai dám đi khai báo. Và cũng không thiếu gì cảnh những các băng đảng mafia Việt Nam dùng súng, dao, kiếm thanh toán lẫn nhau. Ở Berlin, trung bình mỗi tuần có một vụ đâm chém bắn giết nhau. Cảnh sát Đức gần như làm ngơ trước những vụ như vậy.

Tôi có đến hai chung cư lớn của người Việt tại Berlin. Tại đây có đầy đủ các loại dịch vụ, có chỗ bán đầy đủ các thứ nhu ở Việt Nam. Điều đáng ngạc nhiên là mỗi căn hộ (một phòng duy nhất 15 m²) đều trở thành một cửa hàng nhỏ. Người bán thứ này, kẻ bán thứ khác. Phở, bún... được nấu và bán ngay trong nhà. Có điều rất lạ nữa là tất cả các hoạt động buôn bán đều bất hợp pháp nhưng lại được quảng cáo công khai. Người ta đọc thấy ở khắp nơi những quảng cáo như: "Tại phòng số... bán phở, đồ ăn Việt Nam, điện thoại về Việt Nam...".

Điện thoại về Việt Nam là một dịch vụ hái ra tiền. Họ tìm cách mua chuộc các nhân viên bưu điện của Đức để có điện thoại không giấy với tên giả, số tài khoản giả. Họ dùng điện thoại đó cho người khác thuê để gọi đi khắp thế giới, nhất là về Việt Nam, giá 60 DM/giờ. Đến cuối tháng Telekom không đòi được tiền, cắt số máy đó đi thì họ lại làm tên khác. Cứ như vậy dịch vụ cho thuê điện thoại của họ hoạt động liên tục mà chỉ tốn một khoản tiền hối lộ ban đầu.

Tại Berlin có dịch vụ làm giấy tờ giả: bằng lái xe, giấy kết hôn, giấy ly hôn, giấy khai sinh... Cứ 70 DM một tờ giấy giả. Họ làm rất công khai không sợ gì cả.

Nếu có dịch vụ đưa người từ Việt Nam sang Đức thì cũng có dịch vụ làm ngược lại. Trên nguyên tắc, người tị nạn hay đang xin tị nạn không có quyền trở về cố quốc của mình. Vậy mà người Việt đang xin tị nạn tại Đức vẫn cứ về Việt Nam phơi phới. Buôn bán được, kiếm được tiền thì về Việt Nam chơi, thậm chí có người còn di Bangkok, Hồng Kông.

Những người muốn về thì được một mạng lưới mafia dùng xe

hở đưa qua Tiệp. Tại đây mạng lưới này ăn cánh với sứ quán Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cấp cho đương sự một cuốn hộ chiếu khác, với tên khác. Với cuốn hộ chiếu thật-mà-giả này, họ nghiêm nhiên trở thành một công dân Việt Nam hợp lệ. Thêm một tí tiền nữa, họ sẽ trở thành cán bộ với hộ chiếu công vụ, có visa đi các nước khác.

Trước kia ra khỏi Việt Nam là một công việc cực kỳ khó khăn. Đã có biết bao nhiêu người tài giỏi muốn được đi du học, hoặc được cấp học bổng mà không được đi chỉ vì họ không phải là đảng viên hoặc con cháu các cụ. Qua sự thật trên đây, tôi thấy rằng ngày nay đi nước ngoài bây giờ dễ hơn bao giờ hết, chỉ cần满足 một điều kiện là tiền. Chính quyền cộng sản Việt Nam đang bước qua một giai đoạn khác. Phải chăng đây là một sáng tạo mới của Việt Nam trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa: thị trường Đức cần người buôn thuốc lá, xuất sang đó người buôn thuốc lá; thị trường Đức cần Mafia, xuất sang đó Mafia. Thực là một chính sách linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu của thị trường quốc tế.

Chính quyền Hà Nội thừa biết tình trạng trên đây của người Việt tại Đức. Mặc cho chính phủ Đức phản nản việc ngầm ngầm đưa người trái phép sang Đức, họ vẫn cứ làm ngơ. Càng nhiều người sang Đức, họ càng đòi được nhiều tiền nếu chính phủ Đức muốn trả số người này về nước.

Về một khía cạnh nào đó, những người buôn bán ở Đức có mang lại ích lợi cho kinh tế Việt Nam vì họ đem về ngoại tệ. Tuy nhiên đã đến lúc phải nghĩ đến những khía cạnh khác: thể diện quốc gia chẳng hạn. Những người Việt có lương tâm suy nghĩ thế nào khi thấy cảnh người Việt bị người ngoại quốc chửi mắng, ném đá, chặn đánh hay cảnh bị cảnh sát ngoại quốc săn lùng, bợt tai, đá đít, còng tay... Những cảnh đó diễn ra hàng ngày trên đất Đức và chắc chắn là sẽ có ảnh hưởng bất lợi đối với những anh em đứng đắn đang xin được tị nạn. Theo tôi, đây có thể là chủ ý của nhà nước cộng sản Việt Nam: nhất cử lưỡng tiện, vừa được tiền vừa gây khó khăn cho những anh em tị nạn thực sự vì phản đối chế độ độc tài. Tôi rất mong các hội đoàn người Việt tại Đức có biện pháp bênh vực các anh em này.

Theo nhiều người cho biết thì chính phủ Việt Nam từ trên xuống dưới đều cố tình trì hoãn việc đưa người Việt Nam về nước. Bên trên thì cố nèo thêm tiền, bên dưới thì tìm mọi cách để kéo dài thời gian đàm phán. Có như vậy họ mới được đi lại nhiều lần sang Đức. Và mỗi chuyến đi là một dịp để kiếm thêm tiền theo cách riêng của mỗi người trong phái đoàn đàm phán. Nếu cứ giải quyết xong quách đi thì chẳng còn gì để đàm phán với Đức nữa và như vậy thì sẽ họ mất dịp kiếm thêm theo cách riêng nữa.

Có nhiều người trong số những người buôn bán rất muốn trở về Việt Nam nhưng họ cũng không thể về được nữa. Đã có lần phía Đức trực xuất một số người Việt Nam về đến sân bay Nội Bài, nhưng phía Việt Nam lại "trục xuất" họ ngay trở về Đức. Chính phủ Việt Nam không muốn có một thông lệ để Đức muốn trực xuất ai cũng được, nếu như vậy Đức sẽ trả hết người Việt Nam về nước, còn đâu là nguồn ngoại tệ lớn.

Sau chuyến đi này, chiếc xe chở của chúng tôi cũng mang nhiều thương tích. Chúng tôi đã đi qua và nghỉ lại tại nhiều thành phố bên Tây Đức, chiếc xe vẫn nguyên lành. Nhưng ngay đêm đầu tiên dừng nghỉ trên đất Đông Đức cũ, chiếc xe lành mòn Mercedes đã bị bê gãy và nước sơn xe bị nhiều vạch rách nát. Cứ sau mỗi một đêm dừng nghỉ trên đất Đông Đức cũ, chiếc xe lành mòn vết vạch mới. Những người Đông Đức phá xe như vậy có lẽ là để giải trí trong một cuộc sống mà thàn kinh luôn căng thẳng.

Vương Sứ

Kontum: miền đất đau khổ

Kontum là một thị xã lớn nằm trong một thung lũng rộng, tả ngạn sông Dak Bla, chung quanh có nhiều núi rừng bao bọc, dân số hơn 200.000 người. Về hành chính, thị xã Kontum trực thuộc tỉnh Gia Lai - Kontum, Tây Nguyên, với hơn 900.000 dân.

Kontum được một người Việt Nam, thầy phó tế Do, khám phá năm 1848. Sau đó, năm 1850, thầy Do dẫn bốn giáo sĩ Pháp thuộc dòng Thừa Sai Paris (Combes, Fontaine, Dourisboure, Besombes) đi từ An Khê theo hướng tây-bắc đến khu vực Kontum (lúc đó mang tên Kon Köxam) để truyền đạo. Tại đây phái đoàn tiếp xúc với các bộ lạc Bahnar, Rengao, Sedang. Hội truyền giáo Kontum được thành lập năm 1851. Những năm kế tiếp, từng đợt nhỏ giáo dân các tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, trốn chạy các cuộc ruồng bắt và giết đạo dưới thời các vua Thiệu Trị và Tự Đức, lên Kontum lập nghiệp. Năm 1898, người Pháp thiết đặt nền hành chánh cai trị trực tiếp Kontum. Nhưng người Việt chỉ thực sự tiến lên Kontum lập nghiệp bắt đầu từ thập niên 1940, kể từ đó Kontum trở thành nơi cộng sinh giữa người Thượng (Bahnar, Djarai, Sedang và các bộ lạc cùng hệ ngôn ngữ) và người Kinh.

Chưa đầy năm mươi năm sau ngày thành lập, Kontum đã gánh chịu nhiều hậu quả thảm khốc của chiến tranh qua hai cuộc chiến 1946-1954 và 1960-1975. Kontum đã mất đi rất nhiều người con và đang tiếp tục chịu đựng những hậu quả của chiến tranh: trẻ mồ côi, người già cả cô đơn, người tàn phế.

Kontum không phải là vùng đất có nhiều tài nguyên, đời sống của dân chúng rất nghèo nàn. Ngoài những trao đổi hàng hóa từ đồng bằng lên cao nguyên, nguồn lợi chính của Kontum là khai thác nông nghiệp, các đồn điền và lâm sản. Người Việt thường định cư trong trung tâm thị xã và các xã huyện lân cận các trục lộ giao thông chính: quốc lộ 5 và 14. Người Thượng sinh sống ở các vùng ngoại ô, xã huyện xa xôi, cạnh những dòng sông, những trục lộ giao thông phủ (các đường liên tỉnh), đời sống còn rất hoang sơ. Nghèo đói và bệnh tật là mối đe dọa thường xuyên đối với cộng đồng này, người Thượng lâm vào cảnh thiếu đói triền miên, thêm vào đó họ còn thiếu mặc. Những bộ lạc sinh sống trong những thung lũng ẩm thấp, đa số đều mang di chứng bệnh sốt rét và bại liệt, rất nhiều người mắc bệnh cùi. Những lúc thiếu đói, dân chúng ở những buôn làng xa xôi phải bắt mối, ong, kiến, bò rầy, dế, cáo cáo, hái lá rừng, cỏ non để ăn. Do thiếu dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong trung bình của người Thượng khá cao: 3,8% (tỷ lệ sinh: 4,2%), mức tăng trưởng trung bình khoảng 0,4% (tỷ lệ tăng trưởng dân số toàn quốc: 2,3%).

Theo số liệu thống kê, cho đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh Kontum có 108.860 trẻ em dưới 15 tuổi, trong đó 50% là trẻ em Thượng, đa số không được đến trường. Số trẻ em Thượng đến tuổi đi học (mẫu giáo) chưa được vào lớp là 21.600, trong đó có 492 trẻ em mồ côi nhưng chỉ 69 em được

các cơ quan từ thiện tôn giáo và xã hội mang về nuôi dưỡng. Như vậy, số trẻ em Thượng mồ côi còn lại chưa được chăm sóc nuôi dưỡng trên 300 em. Kontum còn có 212 trẻ em Thượng bị tàn tật do bại liệt bẩm sinh và di chứng sốt rét, trong số này mới chỉ có 27 em được đưa đi về Sài Gòn điều trị. Số còn lại được dòng họ, thôn xóm, buôn làng nuôi dưỡng. Các em nhỏ phải lao động cực nhọc cùng với người lớn sống qua ngày, khép mình chấp nhận mọi sự tủi nhục trên đời.

Kontum còn có rất nhiều trẻ em mồ côi người Kinh, phần lớn những em này được đưa về nuôi dưỡng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh. Bà Sperling, chủ tịch hội nhân đạo trẻ em Việt Nam của Đức, nhận bảo trợ 294 trẻ em mồ côi toàn tỉnh, mỗi em được trợ cấp 30.000 đồng/tháng.

Công việc nuôi dạy trẻ em mồ côi tại Kontum hiện nay do các dòng tu Công giáo đảm nhận. Trước 1975, Tòa giám mục địa phận Kontum có thành lập Cơ sở tu viện Kontum (cạnh Nhà thờ trên đường Nguyễn Huệ) và đã nuôi dạy hàng trăm em mồ côi. Sau 30-4-1975, cơ sở này không còn nữa. Năm 1981, một số người già, tàn tật không nơi nương tựa đến tu viện Ánh Vầy xin các nữ tu giúp đỡ. Dần dần tiếng đồn vang xa, trẻ em mồ côi từ các thôn xóm xa xôi cũng kéo về đây xin nương tựa. Số người cần cứu giúp ngày càng đông, các nữ tu mặc dù đời sống có chất vật vẫn dang rộng cánh tay đón nhận số người bất hạnh này. Theo gương tu viện Ánh Vầy, các dòng tu ở các địa phương khác trong tỉnh cũng lập nhiều cơ sở nuôi dạy trẻ em mồ côi, trẻ em nghèo (cả Kinh lẫn Thượng) và người già không nơi nương tựa. Hiện nay tỉnh Gia Lai - Kontum có 7 cơ sở từ thiện nuôi dạy khoảng 300 em nhỏ và hơn 40 người già yếu.

1. Tu viện Ánh Vầy (56, đường Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thị xã Kontum) nhận nuôi dưỡng 98 người, trong đó có 23 người già cô đơn, tàn tật, số còn lại là các em nhỏ từ sơ sinh đến 13 tuổi. Đa số các em đều mồ côi cả cha lẫn mẹ, không còn người thân thích. Nơi đây các cháu được các nữ tu sắp xếp ăn ở tại chỗ, mời bác sĩ đến chăm sóc sức khỏe, mời giáo viên về dạy học.

2. Tu viện Phao Lò (đường Trần Phú, thị xã Kontum) mở hai lớp mẫu giáo bán trú (60 em).

3. Tu viện Tòa giám mục (44, đường Trần Hưng Đạo, Kontum) thuộc dòng Quan Phòng đã tổ chức lớp mẫu giáo bán trú cho 50 cháu. Các lớp này chỉ thu nhận các em nhỏ trong thị xã.

4. Tu viện làng Krong Na, xã Ngọc Bay nhận nuôi 13 trẻ em dân Thượng.

5+6. Tu viện Hòa Bình 1 (dòng Quan Phòng) và tu viện Hòa Bình 3 (dòng Phao Lò) thuộc xã Hòa Bình, Kontum, đã mở bốn lớp mẫu giáo bán trú cho 148 trẻ em.

7. Điểm nuôi dạy trẻ tại làng Kon R'chot (thị xã Kontum) do chị Y H'mốt (50 tuổi) độc thân, tàn tật tự đứng ra tổ chức nuôi tại nhà, có 45 em, trong đó có 5 em bị tàn tật. Chị chăm sóc các cháu với tất cả tấm lòng nhưng không đủ khả năng cho các em học chữ.

Tòa Giám Mục Kontum còn quản lý 4 trại cùi trong tỉnh Gia Lai - Kontum, do các tu sĩ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng những người Thượng mắc bệnh cùi.

1. Trại Dak Kia (huyện Dak Kla, Kontum) do các nữ tu

dòng Phao Lò phụ trách, nuôi dưỡng 300 người mắc bệnh cùi.

2. Trại Gia Lai (huyện Hòa Bình, Kontum) do các nữ tu dòng Phao Lò phụ trách, nuôi dưỡng 250 người Djarai mắc bệnh cùi đến từ huyện Ayunpa, Đắc Lắc.

3. Trại Pleigol Mailing (xã H'neng, huyện Mang Yang, Pleiku) do các nữ tu dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiêm Nguyên Tội, Pleiku, phụ trách nuôi dưỡng 28 gia đình (98 người) và 27 người cùi.

4. Trại Kon Thup (huyện Mang Yang, Pleiku) nhận nuôi 23 gia đình (105 người), 15 người cùi và 19 người tàn phế.

Một điều mà ai cũng công nhận là đa số các lớp học này được các nữ tu tổ chức nuôi dạy chu đáo, tận tình, vô điều kiện. Những địa điểm nuôi dạy trẻ mồ côi nói trên đã tồn tại từ nhiều năm nhưng vẫn chưa được sự thừa nhận của chính quyền địa phương, cơ quan xã hội và ngành giáo dục. Thêm vào đó việc cứu trợ, giúp đỡ các em cũng không phải dễ dàng. Mọi tiếp tế gạo, bột sắn, bắp, phổi lợn, kín đáo. Chính quyền địa phương theo dõi và kiểm soát mọi sự đi lại, nhất là những người lạ mặt đến Kontum liên lạc với các dòng tu và người Thượng, kể cả những người đến vì mục đích nhân đạo. Mặc dù gặp nhiều khó khăn đến từ phía chính quyền, sự kiên trì và lòng bao dung của các tu sĩ Công giáo tại đây xứng đáng được tuyên dương. Họ làm việc trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, thiếu đủ phương tiện để giúp đỡ những người bất hạnh. Nhiều tu sĩ chỉ xin nâng đỡ bằng lời cầu nguyện để họ có thêm nghị lực phụng sự Thiên Chúa và những người đau khổ.

Đến với người nghèo khổ bằng những tấm lòng chưa đủ, phải có phương tiện: tiền và thuốc men. Cứu trợ trẻ em mồ côi, người tật nguyền tại Gia Lai - Kontum là một công việc cấp bách và nhân đạo. Đời sống của những người khốn khổ này rất là bấp bênh, tất cả đang trông chờ sự đóng góp của đồng bào hải ngoại.

Quí vị hảo tâm có thể liên lạc và gửi tiền, thuốc men về thẳng các dòng tu thay trại cùi theo địa chỉ kể trên. Quí vị cũng có thể liên lạc với:

- Chị (sœur) Vương Thị Linh, 284/18 đường Lê Văn Sỹ, quận 3, Sài Gòn - Việt Nam.

- Chị (sœur) Trần Thị Quỳnh Giao, 80/5 đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, Sài Gòn - Việt Nam.

- Chị (sœur) Trần Thị Đỏ, 56 đường Trần Hưng Đạo, thị xã Kontum - Việt Nam.

Khi gửi tiền (mandat-lettre) xin quí vị nói rõ là muốn gửi dòng tu hay trại cùi nào.

Nguyễn Văn Huy

Dính chính

Trong hồi ký Thời "Thơ Áu-Vào Đời" của tôi, xuất bản năm 1990, trang 203, đoạn nói về ông bà Lê Đình Trân, bố mẹ nuôi tôi, vô tình có một câu xúc phạm đến cái chết của anh họ tôi là tri phủ Phạm Gia Định, mà tôi không biết rõ căn nguyên. Vậy tôi xin dính chính và xin cáo lỗi cùng hương hồn anh Phạm Gia Định, cháu Phạm Minh Châu và gia đình.

Phạm Duy

Thư ngỏ

của bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thúc

Tôi đã tới Hoa Kỳ từ ngày 1-8-1994. Trong thời gian một tháng qua tôi đã rất cảm động về sự quan tâm mà nhiều thân hữu và tổ chức dành cho trường hợp của chồng tôi. Tôi cảm thấy có bốn phần đáp lại thịnh tình đó.

Từ ngày đất nước thống nhất dưới chế độ cộng sản, trong gần hai mươi năm nay Đoàn Viết Hoạt đã bị tù đày mười sáu năm. Đó là một đày đọa vô lý và vô nhân đạo bởi vì Đoàn Viết Hoạt không chủ trương bạo động, không ám mưu lật đổ chính quyền và cũng không đe dọa trật tự an ninh. Dù không hoạt động chính trị, tôi cũng biết rằng lý tưởng mà anh theo đuổi là xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng đường lối bất bạo động. Lý tưởng đó đã đủ cao đẹp để anh hy sinh cả tuổi đời thanh xuân, nó cũng đã đủ mạnh để giúp anh giữ vững tinh thần và tiếp tục phấn đấu ngay cả trong điều kiện giam cầm nghiệt ngã. Tôi chia sẻ với anh lý tưởng đó và không tiếc đã phải chia sẻ với anh nhiều chịu đựng.

Nhà nước cộng sản buộc tội anh ám mưu lật đổ chính quyền nhân dân chỉ vì anh đã đòi tự do, dân chủ, đa nguyên và nhân quyền cho toàn dân Việt Nam. Những điều Đoàn Viết Hoạt đã làm và chắc chắn sẽ còn làm hoàn toàn phù hợp với quyền lợi của đất nước và với lương tâm của một người yêu nước và trách nhiệm. Hoạt động của anh không vi phạm luật pháp nào, kể cả Hiến Pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Đối xử thô bạo với anh, cũng như với những người tranh đấu cho dân chủ đa nguyên bằng đường lối bất bạo động khác, chính quyền cộng sản đã vi phạm mọi công ước quốc tế về nhân quyền và ngay cả luật pháp của chính họ. Đoàn Viết Hoạt sẽ không bao giờ khuất phục.

Trong những lần gặp tôi, anh hoàn toàn tin tưởng rằng các chí hữu của anh và mọi người dân chủ sẽ phấn đấu để thắng lợi của dân chủ đến sớm. Trên thực tế, xã hội Việt Nam đang chuyển mình nhanh chóng. Không cần phải có nhiều khả năng về chính trị cũng có thể nhận thấy là niềm tin của anh có cơ sở và đang thành sự thật.

Dự định của tôi là sau khi đã thu xếp xong một số việc riêng sẽ trở lại Việt Nam chăm lo cho Đoàn Viết Hoạt. Tình cảm nồng hậu nhất của tôi xin được gửi tới mọi người đang đấu tranh cho dân chủ, nhất là những người không may đang bị trù dập hay, đau đớn hơn nữa, đang mắc vòng lao lý. Tôi cũng xin được gửi lời chào gắn bó tới gia đình các tù nhân lương tâm.

Một lời cảm ơn thành thực xin được gửi đến các chí hữu của Đoàn Viết Hoạt, đến các tổ chức đấu tranh cho dân chủ, đến mọi người Việt Nam yêu chuộng công lý và ưu tư đến tiền đồ đất nước, đến các chính phủ dân chủ, các tổ chức thiện nguyện, và các nhân vật đã tích cực yểm trợ chúng tôi trong những ngày khó khăn. Tôi hy vọng sự yểm trợ đó sẽ tiếp tục và tôi chắc chắn Đoàn Viết Hoạt sẽ không làm thất vọng những tấm lòng quý báu đó.

St Paul, ngày 5 tháng 9 năm 1994

Bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thúc

Dân số và phát triển

Hội nghị về dân số của Liên Hiệp Quốc, tổ chức vào đầu tháng 9 vừa qua tại thủ đô Cairo của Ai Cập, đã đưa ra nhiều con số đáng sợ về nạn nhân mâu thuẫn trên thế giới. Số người trên trái đất hiện nay là 5,1 tỷ. Nếu không giảm được mức độ tăng trưởng dân số tại các nước chậm tiến ở Phi Châu và Á Châu thì đến năm 2025 số người trên thế giới sẽ lên tới 8,5 tỷ. Mất cân bằng hiện có về kinh tế, xã hội, mức sống giữa "Nam và Bắc bán cầu" sẽ trầm trọng hơn vì nạn nhân mâu thuẫn và có thể đưa đến bùng nổ, đe dọa nền hòa bình và phát triển kinh tế của nhân loại. Hội nghị cũng đưa ra nhiều biện pháp và quan niệm mới nhằm ngăn chặn đà tăng trưởng dân số. Đầu tư cần thiết cho mục tiêu này được ước lượng là 17 tỷ USD.

Việt Nam là một trong những nước chậm tiến có tỷ lệ tăng trưởng dân số cao nhưng chính quyền hiện tại lại có vẻ coi thường vấn đề này. Trong các chương trình và dự án ưu tiên của chính phủ ông Kiệt đăng trong "Tài liệu dùng cho hội nghị các nhà tài trợ" vào tháng 9 năm 1993, người ta không thấy có một dự án nào về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Phải chăng các người trách nhiệm không có ý thức thực sự về tầm quan trọng của vấn đề cũ này? Chính sách dân số vẫn chỉ gồm các khẩu hiệu suông và vài biện pháp cũ, rất ít hiệu quả?

Giảm bớt tốc độ tăng trưởng dân số là điều kiện cốt yếu để cải thiện kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, nhà ở...hầu nâng cao mức sống và dân trí. Cho phép thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn: nghèo đói lác hậu nên dân trí thấp, từ đó tăng trưởng dân số quá nhanh nên lại thêm thất nghiệp, nghèo đói... Vấn đề hết sức nghiêm trọng và cần những cố gắng lớn, liên tục và dài hạn.

Trước hết xin nhắc lại một vài dữ kiện. Theo thống kê tháng 9 năm 1989, dân số Việt Nam là 64,41 triệu người. Con số này có thể tin được vì đã được thực hiện với sự trợ giúp của các chuyên gia Liên Hiệp Quốc và vì nó trùng hợp với ước lượng của một vài quan quốctế, chuyên môn về A Đông. Mức độ tăng trưởng neo các tài liệu trên nằm trong khoảng (2,23-2,29%). Tài liệu chính thức của Việt Nam công bố hồi tháng 9 năm 1993 cho biết dân số Việt Nam năm 1992 là 69 triệu; tỷ lệ tăng là 2,3% và 39% dân số dưới 15 tuổi. Đến năm 2000 dân số Việt Nam sẽ là 80 triệu. Hiện nay mỗi năm thêm hơn 1,5 triệu người. Những con số kỷ lục ngược này là một đe dọa cho sự phát triển của Việt Nam. Không phải là chính phủ hiện tại cũng như các chính phủ trước đó đã không tìm cách giải quyết vấn đề nhưng các chính sách đều không đi đôi với phương tiện, không được áp dụng nghiêm chỉnh, không có đầu đuôi rõ rệt. Người ta có cảm tưởng là các nhà cầm quyền Việt Nam cái gì cũng nói đến, nói giỏi nhưng trên thực tế thì không làm gì đến nơi đến chốn. Chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình cũng vậy. Xin lấy một số thí dụ: Các biện pháp ngừa thai theo thống kê chỉ có ít nhiều hiệu lực ở các tỉnh lớn trong khi đó 78% dân số Việt Nam là nông dân, sống ở thôn quê với truyền

thống thích đồng con, không phù hợp với chính sách hạn chế sinh đẻ. Thiếu phương tiện y tế về kỹ thuật ngừa thai cũng như trình độ cán bộ và tính cương bách của chính sách này cho nên đã bị nông dân phản đối và vô hiệu hóa chương trình áp dụng. Ngay cả tại các thành phố lớn, việc phá thai bừa bãi và đặt vòng xoắn không đủ tiêu chuẩn y tế, vệ sinh tối thiểu đã gây ra nhiều tai nạn, có tác động phản tuyên truyền về chính sách phòng ngừa thai. Chính sách di dân trước đây cũng vậy, tự nó không phải là một điều xấu nhưng được áp dụng với cách "đem con bỏ chợ" nên không những không giải quyết được gì mà lại còn gây xáo trộn trong các thành thị. Cách làm việc tắc trách đó có hại lâu dài là biến các vấn đề nghiêm trọng thành trò đùa, làm dân chúng mất tin tưởng, gây thêm một khó khăn tâm lý.

Kinh nghiệm của các chương trình kế hoạch hóa gia đình trên thế giới đã chứng minh là chúng chỉ có kết quả thực sự khi biết tôn trọng con người, tôn trọng phụ nữ nghĩa là để họ làm chủ thân xác của mình bằng thông tin, giáo dục và nhất là nâng cao ý thức và mức sống. Không những thế trong một quốc gia có nhiều thành phần dân tộc, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau như trường hợp Việt Nam, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình phải gồm có nhiều biện pháp khác nhau để phù hợp với những niềm tin khác biệt của các thành phần dân tộc. Niềm tin của người kinh khác người thường, người theo đạo Thiên Chúa Giáo khác người theo đạo Phật...Muốn làm được việc này thì Nhà Nước phải động viên được sự tham gia của các tổ chức dân sự, tôn giáo... để các tổ chức này tự đưa ra các biện pháp thích hợp. Điều này đảng cộng sản cầm quyền hiện nay không làm được vì quan niệm độc tôn sai lầm họ đã muốn kiểm soát tất cả. Ngay cả các tổ chức tôn giáo lớn như các Giáo Hội Công Giáo, Phật Giáo, Hoa Hảo...cũng bị họ dùng chính sách "chia để trị" bằng các tổ chức tôn giáo "quốc doanh". Do đó quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo, dân sự trở thành đối kháng thì làm sao có sự công tác, ủng hộ tích cực được. Mặt khác, các biện pháp cương bách thường chỉ có hiệu quả rất giới hạn và ngắn hạn.

Nói tóm lại giáo dục, thông tin để thay đổi quan niệm sống, để xây dựng một tương lai chung là một vấn đề khó khăn, phải làm liên tục và dài hạn. Ở Việt Nam trong những năm gần đây, y tế, giáo dục và xã hội bị bỏ rơi. Tất cả các phương tiện thông tin thì chỉ được dùng để tuyên truyền cho Đảng, cung cấp chế độ độc tài. Xã hội dân sự bị Đảng kiểm soát không cho phép phát triển bình thường để lo các việc mà chắc chắn Nhà nước một mình bao biện sẽ không bao giờ làm được. Trong hoàn cảnh như vậy làm sao giảm được đà gia tăng dân số hữu hiệu? Chính phủ Việt Nam nói nhiều đến việc "đầu tư vào con người" nhưng trên thực tế coi thường con người Việt Nam, chỉ trông đợi viện trợ, giúp đỡ của ngoại quốc hay các cơ quan quốc tế. Vì vậy, vấn đề giảm mức gia tăng dân số, kế hoạch hóa gia đình của Việt Nam không những còn nguyên mà sẽ mỗi năm một nghiêm trọng hơn.

Vũ Thiện Hân

Thông Luận 75 - Tháng 10.94

Đức trị hay Đảng trị?

Vũ Khánh Thành

Cụ Nguyễn Xiển trong thư gửi Đỗ Mười đã kêu gọi: "Xin Đảng phải sáng suốt hơn các đảng khác, phải thay chế độ "đảng trị" bằng chế độ "đức trị" (Thông Luận 73, tr.6)".

Báo Thông Luận trong lời tòa soạn viết: "chia sẻ quan điểm của những độc giả coi đề nghị "thay đảng trị bằng đức trị" là mơ hồ và lầm cảm. "Đức trị" không những là một khái niệm chưa được định nghĩa rõ rệt mà còn gợi lại cái thời quân chủ "thay trời lấy đức trị dân". Tuy nhiên ông Nguyễn Xiển đã đề nghị bỏ đảng trị để thay bằng đức trị thì ít ra ta cũng có thể đồng ý với ông 50%".

Cụ Nguyễn Huy Bảo trong số báo tiếp đó (Thông Luận 74, tr.31) viết: "Tôi rất lấy làm lạ là một chính trị gia đã có nhiều trách nhiệm quan trọng, đã sống trong một bầu không khí Mác-xít, Lê-nin-nít gần nửa thế kỷ mà vẫn duy tâm như vậy. Thật cùng đáng tiếc. Thế mới biết xú mình thiếu người suy nghĩ, thiếu tư tưởng già."

Phải hiểu quan điểm của cụ Nguyễn Xiển về đức trị và đảng trị như thế nào?

Phải rất đáng mừng thay vì đáng tiếc một người cộng sản đã viết ra quan điểm này. Đáng mừng vì "văn hóa là cái gì còn lại sau khi ta đã đập hết", "văn hóa là cái gì còn lại khi ta tưởng đã quên hết cả". Đáng mừng vì cả đời đảng cộng sản đã tẩy não các đảng viên, các con dân nước Việt, thế mà họ cũng không thể nào tẩy được tinh hoa văn hóa Việt, đã ngấm vào máu huyết người Việt, tạo nên chính bản chất con người Việt Nam xưa và nay. Vì gần với cái truyền thống văn hóa dân tộc mà người Việt đã tạo nên sự nghiệp dựng nước và giữ nước của tổ tiên, từ hai bà Trưng, đến Lý, Trần, Quang Trung, Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương... Ngược lại, càng xa truyền thống càng tệ: từ cách đức độ cá nhân Ngô Đình Diệm hơn hẳn Nguyễn Văn Thiệu - càng hàn Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Đỗ Mười, những người đã rước lý thuyết ngoại lai về làm hủy hoại cả quê hương...

Cái đức trị và đảng trị mà cụ Nguyễn Xiển nói đây chính là quan niệm vương đạo và bá đạo trong thuật trị nước của người xưa hay nói bằng danh từ thời đại là dân chủ và độc tài.

Cái đức trị trong văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ gia đình, người vợ được coi trọng ngang hàng với người chồng (Ở Tàu và Án: chồng trên vợ) - thiếu vợ thì lẽ gia tiên bất thành. Mất khát thì thầy trên cha, sau vua (quân sự phụ), làng trên nước (phép vua thua lệ làng). Lý trưởng là người được bổ nhiệm do chính quyền nhưng còn dưới Hội Đồng Kỳ Mục, gồm những cụ già khi đã tối hay trên sáu mươi tuổi. Bất kể giàu nghèo hay quan tước, các cụ khi đã về hưu (trường hợp Nguyễn Khuyến chẳng hạn) đều vào Hội Đồng Kỳ Mục để điều hành việc làng xã. Lệnh vua nếu không hợp lệ làng cũng không được thi hành. Chính làng Việt Nam là yếu tố mạnh nhất bảo vệ văn minh, văn hóa Việt Nam nên qua hàng ngàn năm nô lệ Tàu, Tây, văn hóa Việt, dân tộc Việt vẫn trường tồn. Sau này bọn thực dân và tay sai... tìm cách bôi nhọ làng Việt Nam với những tệ đoan Lý Toét, Xã Xệ, hà hiếp, bối

công. Chính chúng tạo nên những chênh lệch xã hội, chia để trị. Bao nhiêu ruộng vườn đã vào tay bọn cường hào ác á, người dân chỉ còn là kẻ làm thuê, trái hẳn với chế độ bình sản trong xã hội ta xưa. Thời đó, mọi người khi đến tuổi 18 đều được làng cấp cho một miếng đất để làm nhà, một miếng ruộng để cày cấy. Cho đến đầu thế kỷ 20, tỷ lệ công điền công thổ ở miền Bắc và Trung vẫn còn chiếm đến 48% trong khi tại miền Nam thuộc Nam Kỳ Tự Trị, địa chủ chiếm đến 90% đất. Đến thời cộng sản thì địa chủ là Đảng, toàn dân phải làm nô lệ cực khổ trăm lần hơn, dưới họng súng và tù đầy, "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm", mà vẫn đói rách.

Qua làng đến nước. Nước được cai trị bằng một ông vua như bao nước khác trên thế giới, chẳng có gì xấu hổ để gợi lại cái thời quân chủ "thay trời trị dân", trái lại phải hành điện vì người dân Việt từ thời lập quốc không có hàng triệu người phải chết để di xây lâu dài cho vua chúa như xây Vạn Lý Trường Thành, Kim Tự Tháp, Đền Đế Thiên Đế Thích... Biết bao vị quan đã dám liều chết can vua như Chu Văn An chẳng hạn. Tại Trung Quốc do ảnh hưởng của du mục phương bắc, bọn Hán nho đã bẻ quặt quan niêm tôn quân sang "quân xử thần tử, thần bất tử bất trung" để cung có chế độ quân chủ chuyên chế cũng như đưa ra quan niệm "tam tòng" để xiết cổ người dân bà để rồi sau này phải "đoan tuyệt" với gia đình như trong tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn rồi "theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự" - "theo mới tức là Âu hóa". Tư bản hay cộng sản cũng cùng một bình diện. Tư bản sinh ra cộng sản và cả hai cùng là con đẻ của văn hóa Tây Âu với ba tệ đoan lớn nhất là chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa cộng sản và kỳ thị chủng tộc.

Trở lại với Việt Nam, lịch sử đã hơn một lần chứng tỏ rằng nhiều vị vua, theo dòng truyền thống, đã dựng nước và giữ nước một cách kiêu hùng: nào Hội Nghị Điện Hồng, nào thế chế thi cử, chọn nhân tài theo đức độ tài năng hơn là máu huyết dòng tộc. Cái học xưa dựa trên Tứ Thư Ngũ Kinh đã đào tạo ra biết bao nhân tài cho đất nước, văn võ kiêm toàn. Căn bản cái học ấy có thể tóm gọn trong ba đức nền tảng là Trí, Nhân, Dũng. Có cả ba mới được gọi là chính nhân quân tử. Anh là nhà quân sự, tốt lắm. Đức trỗi vượt của anh là Trí nhưng anh không thể thiếu Nhân để những kế hoạch của anh hướng về nhân sinh, phục vụ xã hội chứ không phải chỉ nghĩ kế vinh thân phì gia, sống chết mặc bay tiền thày bỏ túi. Rồi cũng phải có Dũng để vượt mọi khó khăn thi hành kế hoạch của mình, không mị dân để đắc cử. Anh là nhà tu hành, đức của anh là Nhân nhưng cũng cần có Trí và Dũng. Tu cho mình, làm điều thiện không thôi, không đủ, còn phải có Dũng để

Anh là người trí thức ư? Là chính trị gia ư? Tốt lắm. Đức trỗi vượt của anh là Trí nhưng anh không thể thiếu Nhân để những kế hoạch của anh hướng về nhân sinh, phục vụ xã hội chứ không phải chỉ nghĩ kế vinh thân phì gia, sống chết mặc bay tiền thày bỏ túi. Rồi cũng phải có Dũng để vượt mọi khó khăn thi hành kế hoạch của mình, không mị dân để đắc cử. Anh là nhà tu hành, đức của anh là Nhân nhưng cũng cần có Trí và Dũng. Tu cho mình, làm điều thiện không thôi, không đủ, còn phải có Dũng để

ngăn cản kẻ khác làm điều bậy, can đảm nói lên lẽ phải và công bằng, sáng suốt (Trí) để điều Nhân được thực hiện.

Theo nghĩa như vậy, thì "thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu ch! thứ ba tu chùa". Tu tại gia là làm trọn bổn phận làm cha, làm chồng làm con trong gia đình. Tu chợ là làm trọn bổn phận người công dân trong xã hội, người dân trong làng xã, thành viên trong cộng đồng đoàn thể, chịu khó hy sinh một chút thì giờ của mình cho công việc chung... Cuối cùng mới là tu chùa, cho những người ẩn dật hay vì lý do riêng...

Nói tóm lại, cụ Nguyễn Xiển, có thể do tiếc thức mà cụ không hề nghĩ tới, đã kêu gọi Đỗ Mười và đảng cộng sản Việt Nam dùng đức trị tức là dùng chữ Nhân, tôn trọng nhân quyền, tôn trọng quyền sống, quyền làm người của mọi người dân để rồi đi đến dân chủ. Văn hóa là gì còn lại sau khi cụ Xiển đã quên hết cả! Nói một kiểu khác, Nguyễn Xiển hỏi thẳng Đỗ Mười: Nếu anh có đủ sáng suốt (Trí) để nhìn ra con đường phải theo thì phải thấy rằng, chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời, đã bị loại người ruồng bỏ. Để cứu lấy chính anh và cứu cả đảng cộng sản để đảng có thể còn chỗ đứng như tại các nước Đông Âu hiện tại, kể cả nǎm lại chính quyền dưới cái tên mới là Đảng xã hội chẳng hạn, thì phải chấp nhận đa nguyên, đa đảng, cho tự do ngôn luận và chấp nhận cho các đảng khác cùng được hoạt động. Anh có đủ Trí và Nhân để thả Nguyễn Hộ, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế... Dũng giết hại những người đã và đang tranh đấu cho lý tưởng tự do và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Nếu quả thật tâm anh còn một chút gì cho Việt Nam thì anh cần phải có Dũng để thi hành.

Trên đây là một vài lý giải quan điểm của cụ Nguyễn Xiển về đức trị. Phần thứ hai là một vài ý kiến về nhận xét của cụ Nguyễn Huy Bảo: "Xứ mình thiếu người suy nghĩ, thiếu tư tưởng gia".

Nếu hiểu tư tưởng gia là những người viết ra những lý thuyết này, chủ nghĩa kia như chủ nghĩa hiện sinh J. P. Sartre, chủ nghĩa duy vật biện chứng Hegel, Marx... thì quả thật nước ta thiếu. Nhưng nước ta không thiếu những người biết suy nghĩ. Nhưng cách biểu lộ những suy nghĩ kia, tư tưởng nọ khác với nền văn minh "nhiều lời" tây phương (đa thư loạn tâm).

Lấy một thí dụ: Âu Châu đã tồn biết bao nhiêu giấy mực sách vở chứng minh có Thiên Chúa. Với A châu thì lối chứng minh trung thực nhất chính là kinh nghiệm trong cả sự siêu thoát huyền nhiệm lần trong lối hành sử ở đây và bây giờ, ngay trong thời gian này. Không cần tìm Thượng Đế ở đâu cả. Không cần đợi đến lúc chết mới về Thiên Đàng gặp Chúa. Chúa đang ở ngay trong lòng ta: "Thiên lý tại nhân tâm". Chỉ cần chí thành (trung với tâm) là như thần. Sách Đại Học viết: "Đại học tri đạo tại minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện" (cái học của bậc đại học, của người chính nhân là làm sáng cái Đức Sáng ở trong mình, gần Dân, và hướng mọi việc về điều Thiên). Chỉ một câu nói phát ph! như vậy thôi mà tiềm ẩn biết bao chân lý cao siêu diệu vời, chỉ có người thánh, người đạt đạo mới nói ra được. Tây phương đã tồn biết bao nhiêu tranh cãi, kể cả máu đổ thịt rơi, chỉ vì hai ý niệm có Thượng Đế hay không có Thượng Đế. Cùng công nhận một Thượng Đế nhưng Thượng Đế đó theo lối giải thích của tôi, Công Giáo, hay của anh, Tin Lành, mà máu vẫn còn chảy mỗi ngày tại Bắc Ai Nhĩ Lan! Đông Phương bỏ suy luận theo lý trí, có và không ra một bên, mà sống "chí thành như thần".

Văn hóa Tây Âu hiện đang trải qua cái mà Keyserling kêu là

hỗn loạn và bất hạnh (chaos et malheur). J. P. Sartre coi đời là buồn nôn, tha nhân là kẻ thù. Berdiaeff, nhà triết gia có tiếng của Nga nói: "thời đại chúng ta là thời đại bước vào đêm tối" Âu Châu đang thối nát, những người ý thức đang lo âu đến mức độ hấp hối (l'Occident est en train de mourir, les meilleurs hommes éprouvent une angoisse mortelle - Sens et Histoire, p.189). Trong khi đó Á Châu sống an nhiên tự tại vì hòa với mọi người (Nhân) hòa với cả trời (Thiên - kính quý thần nhi viễn chi, có trời mà cũng có ta) hòa với cả đất (Địa - không cần quá lo lắng về vật chất, sống đạm bạc, biết đủ thì là đủ). Mọi việc ở đời muốn thành công thì phải hội đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Sống phải chí trung (với mình) để có chí hòa (với người).

Còn gì đau khổ hơn cảnh nước mất nhà tan, cải tạo dã man, chết chóc khi vượt biển... thế mà người Việt vẫn vui và còn đùa được kiểu "đăm đò tiên thầy rửa trôi". Ai cũng khóc lóc khổ đau nhưng vẫn cố tìm ra một lý để tự an ủi mà vui sống. Mất quê hương Việt Nam yêu dấu vào tay cộng sản, lại được thêm một nước Việt Nam hải ngoại trải rộng khắp hoàn vù. Người ngoại quốc làm việc trong các trại ty nạn rất đối ngạc nhiên khi tỷ lệ người Việt bị loạn thần kinh rất ít trước thảm cảnh họ đã phải gánh chịu. Họ đã có một quan niệm sống rất tài tình và quân bình. So với người tây phương chỉ cần sai ngân sách (budget) là có thể loạn tâm thần liền! Lối sống người Việt kỳ lạ như vậy nên ông Paul Mus, một nhà nghiên cứu về văn hóa Việt Nam, đã nhận xét rằng nước Việt đầy đầy những triết gia, càng về nhà quê càng nhiều, tới nỗi ông cho là xã hội lý tưởng mà Platon mơ ước, đã hiện thực ! Việt Nam từ lâu rồi.

Vũ Khánh Thành
An Việt.Anh Quốc

Giới thiệu sách

* **Dọc và tặng thân nhân trong nước hai văn bản luật quốc tế không thể bỏ qua:**

- Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948)
- Tuyên ngôn về quyền được phát triển (1986)

Bản dịch của Trung Tân Việt Nam về Nhân Quyền với sự cộng tác của Vương Văn Bắc, Trần Thanh Hiệp, Huỳnh Hùng, Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Thị Xuân Sương, Từ Trì.

Muốn có hai tài liệu trên xin gửi thư về tòa soạn Thông Luận, kèm theo 4,40 FF tem gửi mà thôi.

* **Nửa đời nhìn lại, truyện của Tiêu Dao Bảo Cự, tựa của Dặng Tiến, bạt của Hà Sĩ Phu, 350 trang, Thế Kỷ xuất bản, giá 120 FF**

Chỉ còn rất ít, có thể đặt mua tại tòa soạn Thông Luận nếu không muốn chờ tái bản lần thứ hai.

* **Thông Luận vừa nhận được quyển The Tradition of Human Rights in China and Vietnam, sách nghiên cứu về truyền thống nhân quyền tại Trung Hoa và Việt Nam do hai tác giả Stephen B. Young và Nguyễn Ngọc Huy biên soạn.**

Sách dày 480 trang, Yale Southeast Asia Studies xuất bản, giá 18 Mỹ kim. Hỏi mua tại Yale Southeast Asia Studies, box 13A Yale Station, New Haven, CT 06520 USA.

Uẩn khúc của những uẩn khúc

Trần Thanh Hiệp

Cách đây mấy ngày, trong lúc hướng dẫn tôi sử dụng "logiciel Sycomore" để tự động đăng ký việc mượn sách, một nhân viên của BN (Thư viện quốc gia), qua lời lẽ đượm nhiều thiện cảm, nói với tôi: "Tôi biết ngay ông là người Việt Nam vì ông họ TRAN... Có lẽ nước Việt Nam - xin lỗi ông nếu tôi sai lầm - là một trong những nước đời nọ qua đời kia phải gánh chịu đủ thứ cực hình, bất hạnh, ngoại xâm, nội chiến, độc tài, nghèo đói... Vì công việc hàng ngày, tôi tò mò đọc lịch sử nước ông và tôi có cảm tưởng như vậy. Nhưng nhìn ông, hình như tôi không thấy dấu vết gì của bất hạnh...". Câu nói bị cắt ngang vì sách tôi mượn đã được đăng ký. Tôi chỉ còn kịp nói với người đối thoại tình cờ một câu ngắn, nhỏ nhẹ vừa đủ nghe: "Cảm ơn ông về những lời lẽ ân cần, tôi không muốn làm phiền những người đang đứng chờ, mong có dịp gặp lại ông để nói về chuyện đó".

Trở về chỗ ngồi, tôi liên tưởng tới những lời chất vấn của một người bạn già, hơn tôi tới mươi mấy tuổi, người cách đây gần hai mươi năm, tuy chẳng biết gì về việc đi biển, đã lái một tàu nhỏ "bốn lốc" đem cả đoàn con cháu vượt đại dương tìm nơi tị nạn. Ông có thể cắt nghĩa cho tôi vì sao dân ta phải đợi tới hàng mươi thế kỷ mới thoát khỏi đô hộ của Tàu. Nhiều người thường nhắc tới điều này để tự hào về tinh thần bất khuất của người Việt Nam, bị người ngoài đe dọa trên một ngàn năm mà vẫn không mất gốc. Tôi sợ rằng nghĩ như vậy là chưa hết lẽ. Ông có cho rằng mươi thế kỷ là quá lâu không. Và tại sao lại lâu như vậy? Tim được nguyên do có thể giúp ích cho việc chống độc tài hiện nay... Âm thanh đầy thương cảm của người bạn vong niên vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức tôi. Vì tôi chưa tìm thấy, hãy nói cho riêng tôi thôi, câu trả lời thỏa đáng.

Quả thật trong cái gọi chung là vấn đề Việt Nam có rất nhiều uẩn khúc.

Phải đào bới trong trí óc, tâm tư mình để tìm cho ra manh mối của sự việc. Phải đo dò, thám hiểm tâm địa người khác để nhận diện những ý đồ được dấu kín dưới những bè ngoài lừa lọc. Và cũng cần phải cảnh giác cao trước sức lôi cuốn của ngôn ngữ, để khôi sa chân xuống hố cách biệt giữa danh và thực, để khôi măt phương hướng vì những trượt nghĩa..

Có lẽ nhân quyền ở Việt Nam là một trong số những "điều trông thấy" chưa đựng quá nhiều uẩn khúc. Tuy được xếp đồng hạng thấp nhất về mặt nhân quyền với ba nước Bắc Hàn, Cuba và Trung Quốc nhưng riêng tương lai nhân quyền ở Việt Nam xem chừng đèn tối nhất. Cuba tuy vẫn còn là cộng sản trái mùa nhưng nằm trong sân sau của Bắc Mỹ, trung tâm tự do bậc nhất của thế giới; Bắc Hàn ở sát nách Nam Hàn tất sóm muộn cũng bị hút vào quỹ đạo dân chủ như Đông Đức trước đây. Trái lại Việt Nam không có những triển vọng của Cuba và Bắc Hàn. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy Việt Nam bao giờ cũng đi sau Trung

Quốc; đảng cộng sản Việt Nam trước sau cũng vẫn chỉ là một sao chép mờ nhạt của đảng cộng sản Trung Quốc. Chừng nào hơn một tỉ người dân Trung Quốc còn nằm dưới móng vuốt cộng sản thì mấy chục triệu dân Việt Nam chưa có hy vọng gì thấy được ánh sáng bình minh dân chủ.

Gần đây, Giang Trạch Dân, nhân vật số một - sau Đặng Tiểu Bình - của đảng cộng sản Trung Quốc khi được phỏng vấn ở Paris về nhân quyền đã nói với báo giới Pháp, đại ý, rằng ở Trung Quốc quyền có cơm ăn, áo mặc của hơn một tỉ người là những nhân quyền cơ bản, ưu tiên. Năm ngoái tại Hội nghị quốc tế về nhân quyền ở Vienne cũng như tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ở Nữu Ước, tiếng nói của đảng cộng sản Việt Nam cũng chỉ là những tiếng vọng của những luận điệu tương tự có kèm thêm mấy công thức "độc lập dân tộc", "truyền thống dân tộc", " ổn định", "trật tự", hàm ý rằng "nhân quyền" là sản phẩm đặc thù của phương Tây, không mấy thích hợp với người Việt Nam.

Khó có thí dụ sinh động hơn để trực tiếp hiểu ngay được thế nào là uẩn khúc.

Nhưng xin được mở một dấu ngoặc đâ. Một độc giả Thông Luận ở trong nước nhấn ra "nên bớt phần đả kích chủ nghĩa cộng sản vì vô ích, chẳng còn ai, kể cả chính những người cộng sản, tin vào chủ nghĩa này nữa". Chủ nghĩa cộng sản đã phá sản, đế quốc cộng sản đã sụp đổ, các chế độ cộng sản lần lượt suy tàn, điều này đã quá hiển nhiên. Nhưng phương pháp, thủ đoạn, tác phong cộng sản vẫn còn, chẳng kể nơi những người cộng sản mà cả ở nơi những người chống cộng sản. Tại vùng đất tự do "hải ngoại" này thiếu gì cách sử sự bạo hành, gian dối, độc đoán như cộng sản. Còn ở trong nước thì khôi nói! Có điều nhắc tới những thứ đó, từng việc một, hay một cách tổng quát qua tên gọi cộng sản, là kêu đích danh và lột mặt nạ tội ác, là gọi dậy những hối hận nên tất nhiên phải gây khó chịu, co giật, thảng thốt như trong giấc mộng du của nhân vật Macbeth của Shakespeare. Thuốc đắng đât. Người trị bệnh không vì thấy con bệnh vật vã đỗ mò hỏi khi uống thuốc mà phải chùn tay. Tiếp tục nói đến cộng sản, nói về cộng sản không phải để "chống cộng đến chiểu" mà để thấy lòng người "trở ngoan về thuần", cách đổi đời cơ bản nhất. Xin đóng ngoặc.

Nhà cầm quyền Việt Nam không ngót nhắc lại rằng Đảng và Nhà nước đã lo hết mức cho nhân quyền của dân, nại lý do tất cả mọi nhân quyền đều đã được ghi vào Hiến pháp 1992. Mặt khác, họ còn đưa ra nhân hiếu "Nhà nước pháp quyền" để tố về cho chế độ có một bộ mặt pháp định. Sự thật, nhân quyền của người dân Việt Nam đã bị dày xéo không còn lấy một e dè, kiêng nể.

Thảm trạng ấy đã kéo dài một nửa thế kỷ nên đã trở thành một thảm kịch nhiều hồi chưa biết bao giờ mới đến hồi kết thúc.

Có người hỏi: "Tại sao cộng sản chà đạp lên nhân quyền tới mức độ đó?". Lời giải đáp thường nghe là: tại vì cộng sản độc tài. Nói như vậy đúng nhưng cũng không đúng. Đúng, bởi vì cộng sản quả thật là độc tài. Nhưng lại không đúng, bởi vì trên diện nhân quyền, chính vì phủ nhận nhân quyền nên cộng sản mới độc tài. Đầu là nhân, đầu là quả; tìm cho ra nhân ra quả là tìm những uẩn khúc. Và tìm uẩn khúc là lần theo đường dây nhân duyên tạo nghiệp thăm thẳm. Để tìm đến uẩn khúc của những uẩn khúc!

Tiếp tục cuộc hành trình ấy người ta lại phải đặt câu hỏi: "Tại sao cộng sản phủ nhận nhân quyền?". Tại vì Lenin! Với cộng sản Việt Nam tư tưởng Lenin là kinh thánh, như tư tưởng Mác (chủ nghĩa Mác-Lê là linh hồn của đảng cộng sản Việt Nam). Nhưng tư tưởng Lenin "vĩ đại" quá, làm sao ngốn hết được bộ sách "Lê Nin toàn tập", chưa nói tới nhiều sách khác! Chỉ cần nhớ "đòi điều" là đủ để đánh những miếng vỡ cẩn bẩn cộng sản. Với Lenin, phải có đảng, chỉ có đảng, cá nhân không đáng kể nên không thể có nhân quyền mà chỉ có đảng quyền. Với Lenin, ngôn ngữ là một sức mạnh, một vũ khí chỉ dùng nó để đánh bại kẻ địch giai cấp chứ không dùng nó với những thế năng để cho kẻ địch đánh lại mình. Mà "nhân quyền", nhất là những tuyên ngôn nhân quyền, là những vũ khí tư sản, sử dụng vũ khí ấy chỉ làm lợi cho địch tư sản.

Lenin, thưa hàn vi nghĩa là khi chưa trở thành "lê-nin-nít", là một luật gia, đã từng hành nghề luật sư trong một thời gian ngắn. Vậy tại sao một "luật gia" lại dày xéo lên nhân quyền? Tại vì luật gia ấy theo chủ nghĩa cộng sản. Và là cộng sản thì phải quy y tư tưởng Mác mà Mác thì kịch liệt chống "nhân quyền". Trong cuốn "La question juive, Vấn đề Do Thái", Mác đã luận bàn dài dòng về "nhân quyền" để bác bỏ toàn bộ tư tưởng về nhân quyền, dân quyền mà ánh hào quang bắt đầu chiếu sáng từ phần nửa cuối thế kỷ 18. Dưới mắt Mác, không làm gì có nhân quyền thực thụ mà chỉ có những nhân quyền "mạo xưng" (prétenus droits de l'homme), những "cái gọi là nhân quyền" (soi-disant droits de l'homme). Vì con người riêng rẽ, một cá thể như một chủ thể độc lập, không phải là con người chủng loại (homme générique) mà mà là một con người ích kỷ, phản xã hội. Và đó chính là con người tư sản, của xã hội tư sản. Cho nó "nhân quyền" là cho cá nhân tư sản có nhân quyền, có dân quyền nghĩa là đồng thời phế truất nhân quyền và dân quyền của vô sản. Vậy phải bác bỏ loại nhân quyền hư ảo đó để tìm cách thiết lập những nhân quyền thực thụ, những nhân quyền chỉ có được trong một xã hội không giai cấp, không còn xảy ra cảnh người bóc lột người, không cần có Nhà nước, luật pháp nữa. Đó là xã hội của những con người chủng loại, khăng khít ràng buộc nhau, phụ thuộc nhau vì sự liên đới xã hội. Một xã hội trong đó vấn đề nhân quyền không cần đặt ra nữa.

Mác không (hay chưa kịp) tiên đoán được bao giờ và làm thế nào để chắc chắn tạo ra được xã hội ấy. Mác chết đi, những người kế nghiệp ông như Lenin, Stalin, Mao, Hồ, Kim Nhật Thành v.v... vùng vẫy quay tròn chọc đất, gây chết chóc, đổ vỡ, tang thương cho loài người hơn 70 năm trường để rồi vẫn phải trở lại với cái mà Mác gọi là "nhân quyền tư sản"! Liên Xô, tổ quốc của những người cộng sản trên thế giới, đã chối bỏ tư tưởng Mác-Lê về nhân quyền khi họ đi vào con đường pháp trị. Các nước Đông Âu cũng lần lượt dứt khoát thanh toán tư tưởng này. Chỉ còn lại Trung Cộng và ba nước đàn em là vẫn còn giương lên ngọn cờ Mác-Lê.

Nhưng Giang Trạch Dân khi nói rằng quyền được có cơm ăn, áo mặc của người dân là nhân quyền cơ bản, ông chỉ nhắc lại những gì Khổng tử và các môn đệ của ông đã nói cách đây gần ba ngàn năm. Điều kỳ cục là những người cộng sản, một mặt trang tráo kết tội Khổng Tử là "chó giữ cửa cho địa chủ" mặt khác lại ráo khuôn tư tưởng nho giáo. Sự thật, cộng sản không chủ ý giải quyết vấn đề nhân quyền mà dốc lòng cướp quyền để khẳng định một cách vu vơ rằng chỉ cộng sản mới lo được cho nhân quyền.

Có người bàn rằng cộng sản Việt Nam tinh khôn, phút chót biết quay lại nấp bóng Trung Cộng. Ngoài ra còn tinh khôn dùng khẩu hiệu "pháp quyền" để lẩn tránh "nhân quyền". Nhưng tinh khôn cho ai? Lo cho nhân quyền không cần đến loại tinh khôn đó! Phải chăng đây là một trong những uẩn khúc của thảm trạng nhân quyền tại Việt Nam, những uẩn khúc mà chính một số người cộng sản không muốn biết đến, không muốn nhìn tới.

Khốn thay, không tìm được uẩn khúc thì không giải quyết được vấn đề. Mà tìm đến uẩn khúc thì nên tìm tận gốc rễ là tìm uẩn khúc của những uẩn khúc. Uẩn khúc ấy là nếu còn cộng sản thì không thể có nhân quyền. Pháp quyền mà không dựa trên nhân quyền thì chỉ là đảng quyền vì luật pháp do đảng làm ra để phục vụ cho đảng. Hơn nữa, đảng điên cuồng chống lại nhân quyền thì đề xuất "pháp quyền" làm gì nếu không phải là để chống lại nhân quyền? Con người mà mọi quyền hạn đã bị tước đoạt là bị đẩy lùi xuống hàng thú vật. Nếu những quyền ấy bị hạn chế, nó chỉ là con người thui chột. Không thể có dân chủ, tự do, phát triển nếu vắng thiểu số người.

Muốn thảm kịch nhân quyền Việt Nam đi tới hồi kết thúc, những người cộng sản phải chịu và những người chống cộng sản phải biết cách bài bỏ tất cả những đặc quyền tự phong của đảng cộng sản.

Bất giác tôi lại nhớ đến ông bạn vong niên. Tôi trọng ông như lòng riêng tôn kính Mác Dịch. Ông đức độ, hiền hâu. Đầu có họp là đỉ, ai kêu gọi cũng ủng hộ, tiền bạc, công sức, không tính toán. Thấy ai làm việc gì cũng giúp đỡ, tán thưởng. Quốc gia, chống cộng cả! Rút lại, như mó bòng bong, khó mà tìm ra được những uẩn khúc. Ông giống như người uống đủ các thứ rượu. Càng uống càng say, càng say càng uống vì mềm môi. Nước Việt Nam không hiếm người hiền lành, phúc hậu như ông. Phải chăng vì thế mà phải đợi tới muỗi thế kỷ, người Việt Nam mới làm hiển lộ được tính bát khuất của mình? Nguyễn Gia Kiểng mạnh dạn đi tìm các uẩn khúc. Bắt đầu ở khâu những người trí thức đi lên tới tầng các kẻ sĩ. Để quy trách cho "mẫu người kẻ sĩ". Nhưng có lẽ không - hay không muốn - phân biệt kẻ sĩ lúc tỉnh, lúc say, cho nên, như nhiều lần trước đây, Nguyễn Gia Kiểng đã phải chịu nhiều lời trách móc thậm tệ tuy cùng đón nhận được không ít điều khích lệ.

Việc phải tìm cho ra uẩn khúc của những uẩn khúc đã thành một thách thức của thời đại mà người Việt Nam bị dồn vào thế phải đương đầu, dù muốn hay không muốn.

Trần Thanh Hiệp
Tháng 9 năm 1994

Vài nhận định về cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ

Lê Phục Thủy

LTS. Với mục tiêu góp ý để xây dựng một cộng đồng người Việt vững mạnh tại hải ngoại, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài dưới đây của ông Lê Phục Thủy. Ông Thủy đã từng là chủ tịch cộng đồng người Việt tại San Diego; CA. Hoa Kỳ. Bài này cũng được đăng trên tờ Bách Việt số 5 tháng 8-1994. Phương pháp nhận định của tác giả đã phản ánh một xu hướng tương đối mới trong cách suy nghĩ của những người Việt Nam tranh đấu cho tự do dân chủ. Đặc điểm của phương pháp này là thái độ thận trọng của một người nghiên cứu dám lấy thực tế làm đối tượng quan sát và lý luận thay vì chỉ căn cứ vào thiên kiến, thành kiến để tuyên truyền cho một số định kiến.

Trong những tháng gần đây, vấn đề cộng đồng Việt Nam đã trở nên sôi động với những cuộc bầu cử Cộng Đồng Việt Nam miền Nam California (Santa Ana, CA 1993), Cộng Đồng Việt Nam tại Florida (1994), Cộng Đồng Việt Nam tại Los Angeles (1994), Cộng Đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ (Dallas, TX 1994), Cộng Đồng Việt Nam tại San Diego (1994)... Việc bài bỏ lệnh cấm vận và thiết lập ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng trong những ngày sắp tới là những biến cố bất lợi thúc đẩy chúng ta phải nhận định rõ rệt sinh hoạt của các tổ chức cộng đồng ngõ hầu có biện pháp hữu hiệu trước tình thế mới.

Trong bài này, chúng tôi sẽ nêu lên một số nhận định về tình hình cộng đồng năm 1994 và triển vọng cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ không đề cập tới các thành quả tốt đẹp của cộng đồng cũng như những khuyết điểm có tính cách cục bộ và cá nhân.

I. Cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ năm 1994

Trong phần A, chúng tôi sẽ xin trình bày các đổi thay về thành phần, về ưu tiên sinh hoạt, về hoàn cảnh cá nhân và về nhu cầu kết hợp. Sự thay đổi quan trọng trong sinh hoạt chính trị sẽ được trình bày ở phần B.

A. Sự thay đổi trong cộng đồng sau 19 năm tại Hoa Kỳ

1. Thay đổi về thành phần. Đây là sự thay đổi căn bản nhất của cộng đồng. Vào năm 1975, thành phần cốt cán là thành phần trung niên (30-50 tuổi): họ là lớp quân nhân, công chức Việt Nam Cộng Hòa cùng một số dân chúng sớm biết rõ chính sách tàn bạo của cộng sản. Trong thập niên 80, thuyền nhân tị nạn và lớp di dân theo diện nhân đạo (HO) và theo chương trình ra đi có trật tự (ODP) đã tăng cường cho lớp trung niên và thổi vào sinh hoạt cộng đồng một luồng gió mới trong việc chống cộng. Ngày nay, 19 năm sau, thành phần trung niên khi xưa đã già, con em họ đã lớn lên và chiếm đa số trong cộng đồng. Chiều hướng đó sẽ tiếp tục trong những năm tới. Lớp trẻ này cũng pha trộn với một thành phần trẻ khác thuộc lớp tị nạn tối sau đã hiểu biết khá nhiều về Việt Nam.

Trong tương lai, rường cột của cộng đồng sẽ là lớp trẻ, năm nay khoảng 20-30 tuổi. Trong hiện tại, sức mạnh của cộng đồng ở trong tay các người trẻ mới qua đây trong vòng vài năm, có sẵn kinh nghiệm sống nơi quê hương và số người trẻ sinh sống tại Mỹ nhưng sớm có ý thức trách nhiệm, lâu nay vẫn sinh hoạt tích cực trong cộng đồng.

2. Thay đổi về ưu tiên sinh hoạt. Năm 1975, ưu tiên hàng đầu là sống còn. Sau vài năm, trong các thập niên 70 và 80, ưu

tiên là phát triển cho gia đình và cho các cộng đồng nhỏ. Từ thập niên 90, rất nhiều gia đình đã tính chuyện xa hơn, hoạch định một ưu tiên sinh hoạt qui mô cho tương lai, hoặc ở Hoa Kỳ, hoặc ở Việt Nam khi việc trở về có cơ thực hiện. Cùng với sự thay đổi ưu tiên sinh hoạt, ta nhận thấy những sự thay đổi về văn hóa, xã hội, gia đình, học đường nhiều khi rất cay đắng cho thế hệ di dân đầu tiên. Dần dần, sự xung đột văn hóa (cultural shock) đã giảm thiểu rất nhiều, nhưng sự "bối rối thực văn hóa" (ăn quá nhiều những món ăn văn hóa Hoa Kỳ, nuốt vội vàng nên chưa tiêu hóa kịp để biến thành năng lượng) đang là một hiện tượng phổ biến, đang và sẽ gây ảnh hưởng lớn trong cộng đồng. Sự tan rã đáng e ngại của gia đình làm gia tăng sự xung đột già trẻ cố hữu của loài người. Lớp trẻ ngày nay đã tự do theo học nhiều ngành, nhất là luật khoa, tài chánh, thương mại, khoa học nhân văn, không nhất thiết theo lời người lớn để theo ngành y tế hoặc kỹ sư như hồi mới qua năm 1975. Đây là một sự thay đổi rất quan trọng, có ảnh hưởng rất tốt cho sự phát triển cộng đồng người Việt tại Mỹ và sự xây dựng một nước Việt Nam hậu cộng sản.

3. Thay đổi về hoàn cảnh cá nhân. Sự thay đổi rõ rệt nhất là cộng đồng giàu thêm rất nhiều! Quả vậy, vật lực của cộng đồng gia tăng quá nhanh. Cứ xem sự giúp đỡ thân nhân ở Việt Nam, và sự đóng góp cho chùa chiền, họ đạo, ước tính trên 500 triệu Mỹ kim một năm, ta mới thấy sự phồn thịnh của cộng đồng. Giác mơ của người Mỹ là làm chủ một căn nhà. Giác mơ đó rất nhiều người Việt di dân đã thực hiện được sau một thời gian ngắn. Trong tiến trình phát triển tài chánh, có người thành công lớn, có người thất bại, một số khác vẫn chưa vượt thoát khỏi hệ thống an sinh xã hội (welfare). Tình trạng đó tạo nên sự khác biệt về tài sản, là mầm mống cho sự phân hóa, ghen tị, đua đòi... làm mờ nhạt mục tiêu tranh đấu chung là đòi quyền sống tự do, quyền theo đuổi hạnh phúc cho mình và cho bà con bên nhà.

4. Thay đổi về nhu cầu kết hợp. Người Việt ở hải ngoại vốn sẵn có nhu cầu kết hợp. Trong một thời gian rất ngắn, cộng đồng đã được kết hợp bởi cả trăm ngàn người cùng đến nước Mỹ một lúc, phần nào cùng một hoàn cảnh, cùng lo âu trước cuộc sống mới. Nhu cầu kết hợp để sống còn của dân tị nạn dần dần được thay thế bởi nhu cầu kết hợp của từng nhóm nhỏ, có quyền lợi riêng, khó khăn riêng. Vì thế các hội chuyên gia càng ngày càng nhiều. Lớp người lớn tuổi cũng có khuynh hướng lập hội lấy việc cùng tôn giáo, cùng quê, cùng họ, cùng tuổi tác, cùng hoàn cảnh, cùng chí hướng làm sợi dây gắn bó. Các hội đoàn tư (civic organization) thường có hoạt động cục bộ, và chưa được kết nạp và điều hợp để thực hiện những công tác lớn cho cộng đồng.

Điều nguy hiểm nhất cho cộng đồng là sự thất thoát chất xám. Thật vậy, trong 10-15 năm nữa, thành phần cốt cán của cộng đồng sẽ là lứa tuổi 20-40, sinh trưởng ở Hoa Kỳ. Những người trẻ tuổi này cảm thấy ít có nhu cầu kết hợp trong cộng đồng sắc tộc, chỉ lấy "người Việt Nam" làm mẫu số chung. Để thỏa mãn nhu cầu xã hội, họ có thể tham gia các tổ chức của Hoa Kỳ mà không nhất thiết phải hoạt động trong cộng đồng người Việt. Một số sẽ dần dần tách khỏi cộng đồng mà họ cho là một thứ "ghetto" cấu kết với nhau của đám dân thiểu số hèn yếu! Nhìn chung, từ mấy năm nay, sự tham dự của sinh viên và chuyên viên trẻ trong cộng đồng càng ngày càng thưa thớt, có lẽ vì thể thức sinh hoạt quá xưa không còn thích hợp với lớp trẻ. Sinh khí của cộng đồng chưa có sự tiếp sức của thành phần trẻ mà lớp già ngày càng mòn mỏi sức lực vì tuổi tác, vì thất bại. Nhiều người lý luận rằng tình trạng đang xảy ra là hậu quả của việc lớp già không tin lớp trẻ, trọng hư danh, không chịu lui vào hậu trường. Có người lại qui tội cho lớp người trẻ mất gốc, không có kiến thức về Việt Nam, không có kinh nghiệm chính trị, không chịu tập sự. Theo ý chúng tôi, các lý do cực đoan đó chỉ đúng một phần rất nhỏ, trong ít trường hợp thật cá biệt. Sức mạnh của cộng đồng thiếu sự tiếp nối liên tục chính vị cộng đồng chưa có một cơ cấu tổ chức để tạo cho lớp trẻ luyện chí khí và khả năng phán xét và quyết định. Đây là một khiếm khuyết về cơ chế, không hẳn chỉ là khuyết điểm về nhân sự hoặc tư cách cá nhân. Việc hoàn thiện các cơ cấu này và việc khuyến dụ lớp trẻ ở lại với cộng đồng bằng cách gây tin tưởng và nâng cao ý thức trách nhiệm của anh em trẻ là một nhiệm vụ tối khẩn thiết và là một thách đố sinh tử của giới trí thức lớn tuổi ngày nay. Những kinh nghiệm cộng sản, những kinh nghiệm sống ở một nước cùng khổ vì chiến tranh, những giá trị đạo đức mờ nhạt quả đã mất hết khả năng thu hút lớp người trẻ. Tôi xin kêu gọi các vị thức giả cùng ra sức tìm kiếm những giá trị mới của cuộc sống mới, phát động những hình thức sinh hoạt cộng đồng mới, những hình thức hỗ trợ tinh thần mới, những hình thức sinh hoạt tâm linh mới, những sự hy sinh mới để đám trẻ trông vào quí vị, không nỡ rời bỏ cộng đồng. Ở lại và sinh hoạt với cộng đồng, lớp trẻ mới có cơ hội học hỏi về Việt Nam, từ đó họ sẽ tự tạo ra một nhu cầu kết hợp mới, nhiều khi khác hẳn nhu cầu kết hợp kiểu năm 1975. Cùng từ đó, lớp trẻ sẽ đóng góp cho cộng đồng và tiếp sức cho lớp đàn anh.

Tóm lại, sau 19 năm, cộng đồng Việt Nam Tại Hoa Kỳ đã có những thay đổi lớn, nhưng những thay đổi đó đã diễn ra theo 4 giai đoạn và chưa có đột biến. Đó là các giai đoạn thuần nhất, phân hóa, đa dạng và dân chủ. Trong giai đoạn thuần nhất lúc ban đầu, vì cùng là dân di tản, phần lớn đã đứng tuổi và có nhiều kinh nghiệm sống, người ta đã thực tâm muốn kết hợp lại để an ủi nhau, khuyến khích giúp đỡ nhau trong đời sống mới rất xa lạ nơi xứ người. Nhu cầu lúc này đơn thuần trong việc tương trợ tinh thần. Các vấn đề khác ít được bàn đến, thí dụ việc chống cộng là việc dĩ nhiên! Họ thường qui tụ quanh một số người có tuổi, có đạo đức hoặc có khả năng, chức vị, kể cả chức vị cũ ở Việt Nam. Tính chất thuần nhất thường làm mờ nhạt tinh thần dân chủ. Cùng với sự thành công về tài chánh và sự tương đối ổn định trong sinh hoạt là sự phân hóa trong giai đoạn hai. Mức độ thành công khác nhau đã làm cho một số người trở nên cay đắng, so bì, chia rẽ, chụp mũ nhau... Rất may, tuy hiện nay khuynh hướng đó vẫn còn nhưng không đủ mạnh để làm tan nát cộng đồng, vì nhiều nơi, giai đoạn phân hóa đang chuyển sang giai đoạn ba là giai đoạn đa dạng và tương lập. Đa dạng vì cộng đồng ngày nay gồm mọi thành phần, y như một xã hội Việt Nam thu nhỏ, và tương lập vì

mọi người đang dựa vào nhau để sống, rất ít người có khả năng vượt ra khỏi cộng đồng, ngoài nhóm trẻ tuổi, có học. Các cơ sở thương mại, y tế vẫn có đối tượng chính là dân Việt, và ngược lại dân Việt trên thực tế vẫn cảm thấy thoải mái hơn khi thụ hưởng dịch vụ của người Việt. Vì tính cách liên lập để sống còn nên người ta còn nể nang nhau, nói chung cái tốt nhiều hơn cái xấu.

Cộng đồng đa dạng là một môi trường cực kỳ thuận lợi cho việc phát triển của giai đoạn bốn, tức giai đoạn dân chủ trong những năm tới. Hình thức sinh hoạt dân chủ trong cộng đồng thực ra đã được áp dụng từ lâu, thể hiện qua cuộc bầu phiếu của một số ít người trong cộng đồng để bầu ban lãnh đạo. Nhưng trên thực tế, đồng bào vẫn chưa tin tưởng nhiều vào cơ cấu lãnh đạo và chưa thực thi quyền và bổn phận trực tiếp tham dự vào các quyết định liên quan tới cộng đồng. Trách nhiệm về những quyết định này thường đè nặng lên vai một vài người hoặc vài nhóm nhỏ. Kể từ nay, với một cộng đồng đa dạng, với các nhu cầu khác biệt trong dân chúng, việc thực thi dân chủ sẽ là điều cốt yếu cho sự phát triển của cộng đồng. Ban lãnh đạo phải tìm mọi cách để đồng bào thấy được việc làm có lợi ích chung. Hoa Kỳ là một nước có rất nhiều sinh hoạt giao tế (public relation). Chỉ có một hạ tầng cơ sở trong số đông người Việt, chứ không phải sự quên biết cá nhân một vài nhân vật Hoa Kỳ nhất thời, mới tạo được sức mạnh lâu dài cho cộng đồng, mới đủ sức đối phó với những áp lực từ mọi phía, mới tạo được một số "vốn" trong việc "mặc cả" với chính quyền cũng như với những cộng đồng khác khi có sự xung đột quyền lợi.

Bốn giai đoạn kể trên không có tính cách đứt khoát. Cộng đồng nào, vào lúc nào cũng có những hình thức ấy, nhưng mỗi hình thức sẽ nổi bật trong một thời kỳ.

B. Nhận định về sinh hoạt chính trị trong cộng đồng

1. Nhận định tổng quát. Nói chung trong những năm đầu sôi động, người Việt tỵ nạn chính trị lại quay về thái độ cố hữu của đa số dân mình: không đặt nặng vấn đề chính trị, chỉ lo làm ăn. Điều đó không thể trách cứ, vì thái độ phi chính trị (apolitic) là thái độ của dân ta đã lâu trước sự tranh đấu để sống còn trong một xã hội nghèo đói và bị ngoại thuộc quá lâu. Trong thời bình, nhất là sống dưới một chế độ quân chủ ít nghiệt ngã nhất trên thế giới, dân chỉ lo làm ăn. Khi bị xâm lăng, lòng yêu nước mới phát lộ trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh để hỗ trợ cho lực lượng quân sự. Ý thức chính trị về độc lập và tự do hình như lúc nào cũng bàng bạc trong dân chúng, nhưng ít khi thể hiện thành khuynh hướng và đảng phái chính trị. Điểm son của sinh hoạt chính trị kiểu này là dân ta không trải qua những biến cố chính trị đẫm máu, tàn sát nhau vì chính kiến, ngoại trừ thời cận đại vài chục năm gần đây với ý đồ thống nhất ý thức chính trị của đảng cộng sản. Cộng đồng tỵ nạn yêu tự do, gần đây lại thầm nhuần dân chủ, nhưng riêng tại Hoa Kỳ, tự do, dân chủ (tương đối) đã có sẵn, cộng đồng Việt Nam đương nhiên được thụ hưởng những lợi ích chính trị này nên ít ai để ý đến một khía cạnh đặc thù của xã hội Hoa Kỳ: sự tương quan chặt chẽ giữa ba khu vực, sinh hoạt chính trị, xã hội và kinh tế. Nếu cộng đồng Việt Nam không có sinh hoạt chính trị, thế tất sẽ bị lép vé trong xã hội và bị mất quyền lợi kinh tế. Ngược lại, kinh tế yếu kém sẽ làm mất tư thế chính trị và xã hội của cộng đồng. Xã hội Hoa Kỳ khác xa với tình thế nước ta hồi trước. Cùng với khuynh hướng phi chính trị nên dân Việt thờ ơ với các sinh hoạt tập thể, giao phó hay nói cho đúng, mặc kệ cho những người hoạt động (activist) làm việc miễn là đừng làm phiền tới họ! Chính sự tham dự quá ít của quần chúng

làm cho giới hoạt động (tôi không dùng chữ giới lãnh đạo để tránh ngộ nhận) mất uy thế và tệ hơn nữa, dân chúng ít có dịp thực tập dân chủ, rèn luyện tinh thần thượng võ trong các cuộc tranh chấp.

Mặt khác, cộng đồng chưa quen sinh hoạt của một xã hội tiền tiến: khu vực công (chính quyền) thu thuế, rồi chia một số tiền tài trợ cho vài chương trình khu vực tư, trong đó có các tổ chức cộng đồng Việt Nam. Tuy thuộc khu vực tư, nhưng nếu nhận tài trợ, cộng đồng sẽ hoạt động trong phạm vi công, chịu sự kiểm soát của chính quyền. Chính vì chính sách phức tạp công-tư của các hội đoàn dân tối rất nhiều sự hiểu lầm, và nhiều người dân sẵn sàng bối nhợ những người làm việc cộng đồng có linh lương, cũng như thái độ cậy công hạch sách của một số người đảm trách các chương trình này.

2. Bốn khuynh hướng chính trị. Trong bối cảnh sinh hoạt phức tạp kể trên, cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ hiện có bốn khuynh hướng chính trị: chống cộng triệt để, dân chủ tiến bộ, hợp tác với chế độ cộng sản và cộng sản.

a. Khuynh hướng chống cộng triệt để. Khuynh hướng này gồm có những nạn nhân cộng sản, những người đứng tuổi có kinh nghiệm sống tại quê nhà. Quan niệm của họ là phải thủ tiêu chế độ cộng sản, không chấp nhận liên hiệp và thề chéch chuyển tiếp sang chế độ tự do. Họ là những người rất có lòng yêu nước và hy sinh. Trong khi chưa thể lật đổ cộng sản, một số lo việc "thanh lý môn hộ", chỉ trích những người không cùng đường lối, và cố gắng vạch trần âm mưu của cộng sản. Tuy vậy, sau 19 năm, số thành viên giảm dần vì thiếu những biện pháp mới, những cơ sở lý luận mới để thu hút giới trẻ. Những lý luận về sự sai lầm trong lý thuyết cộng sản, về sự lừa bịp của cộng sản, về sự khả nghi của các phan tử chống đối cộng sản theo lối khác, về viễn ảnh một nước Việt tươi sáng như một phép lạ khi lật đổ cộng sản đều đã quá cũ, thuộc loại "biết rồi, khổ lắm, nói mãi", mất dần sức thu hút quần chúng. Tuy giảm ưu thế so với 1975, nhóm này vẫn có nhiều người ngưỡng mộ vì uy tín cá nhân của vài nhân vật thời danh. Gần đây, nhóm di tản mới qua diện nhân đạo (HO), và qua chương trình ra đi có trật tự (ODP) đã tăng cường nhân sự cho nhóm này. Hiệu năng sẽ tăng lên rất nhiều nếu họ tìm được các nhà lãnh đạo mới và đường lối thay thế cho chiến thuật cũ dùng suốt 19 năm nay với kết quả giới hạn.

b. Khuynh hướng dân chủ tiến bộ. Đây là khuynh hướng chính trong thời điểm 1994, trước khi có bang giao Mỹ-Việt. Nhóm này qui tụ đông đảo các người trẻ tuổi (tức thành phần then chốt của cộng đồng bây giờ và sau này). Họ cổ vũ cho dân chủ và việc tôn trọng nhân quyền. Họ không căm thù cộng sản, nhưng họ có khuynh hướng chống cộng vì biết cộng sản thiếu dân chủ và vi phạm nhân quyền. Họ có ý thức chống cộng, nhưng là một ý thức mờ nhạt và thứ yếu. Những người chủ động nhóm này chia làm hai nhóm nhỏ:

- Một nhóm muốn hòa mình vào đời sống Hoa Kỳ, lấy sức mình chứng tỏ cho người Mỹ biết khả năng của đám dân di tản. Từ đó, họ có thể giao thiệp (lobby) với chính giới Mỹ từ địa phương tới trung ương để tranh đấu cho phúc lợi của cộng đồng và gây áp lực cho chính quyền cộng sản ở Việt Nam phải cải thiện.

- Một nhóm tích cực dân thân sinh hoạt với cộng đồng người Việt để nâng cao dân trí, chỉ rõ được danh dự chính đáng, quyền hạn chính đáng, lợi nhuận chính đáng của dân thiểu số trong một xã hội hợp chung như Hoa Kỳ. Một cộng đồng mạnh ở hải ngoại sẽ có nhiều cơ hội đóng góp cho quê hương sau này.

Vì đâu óc phóng khoáng, nên họ nhìn chính trị theo quan điểm

Hoa Kỳ: người dân có quyền tuyệt đối trong việc tham gia chính trị, kẻ cả quyền không tham gia! Hơn thế nữa, họ nhận thấy tại Hoa Kỳ, từ phạm vi nhỏ đến phạm vi lớn, chính trị có thể tách rời kỹ thuật. Chỉ riêng phạm vi đầu não, nơi phát sinh ra những quyết định sinh tử cho kỹ thuật mới chịu ảnh hưởng chính trị. Vì dân ta chưa ai được vào "cấm cung" của các trung tâm quyền lực Hoa Kỳ, nên chính trị và kỹ thuật có thể và nên tách rời. Qua niêm này rất hợp lý trong sinh hoạt kỹ thuật tại Hoa Kỳ, nhưng rất nguy hiểm khi áp dụng vào trường hợp cộng đồng Việt Nam và chính quyền cộng sản hiện tại. Lợi dụng sự cởi mở, chấp nhận đối thoại vô điều kiện của nhóm người này, cộng sản đã thành công một phần nào trong công tác tri vận với chiêu bài "xóa bỏ ranh giới quốc-cộng", bỏ chuyện chính trị, lo việc phát triển đất nước trước đâ!

Nói cho cùng, trí thức Việt Nam ở hải ngoại, dù trẻ tuổi, cũng không phải là không biết đến các tính chất xảo trá của các chiêu bài đó. Nhưng họ thấy khuynh hướng cực đoan đã không mang lại kết quả khả quan, nên nhân cơ hội cộng sản ve vãn "cởi mở", họ thận trọng dấn thân để gieo mầm dân chủ, tự do trong lòng dân Việt tại quê nhà. Họ cũng sẵn sàng phản đối và bất hợp tác khi thấy bị cộng sản dùng họ làm con bài đánh lừa thế giới. Một số người lại đồng ý với đa số dân Mỹ là cộng sản đã chết, việc giải cộng ở Việt Nam cần nhiều thời gian, và chưa chắc phải qua giai đoạn diệt cộng. Họ quên chưa chú ý tới việc một tỷ ruồi dân Trung Hoa hay 1/4 dân chúng trên trái đất đang còn sống dưới chế độ cộng sản và Việt Nam chỉ là một nước nhỏ bé nằm cạnh Trung Cộng khổng lồ!

Theo thiển ý, ít nhất trong giai đoạn này (1994), kỹ thuật chưa thể tách rời khỏi chính trị, nhất là khi chỉ có một thiểu số khống chế chính trị như ở Việt Nam, trừ phi kỹ thuật cam tâm làm nô lệ, làm công cụ cho chính trị. Mặt khác, các kỹ thuật gia thường có khả năng rất giới hạn trong việc đấu tranh chính trị. Vì vậy, muốn làm chính trị là tùy khả năng chí hướng của cá nhân, nhưng bất cứ người dân nào, bất cứ kỹ thuật gia nào cũng phải có ý thức chính trị để khỏi bị lợi dụng hoặc đi lùn đường trong việc đóng góp cho đất nước.

Khuynh hướng dân chủ tiến bộ của nhiều người trẻ được sự hỗ trợ của xu hướng phi chính trị (apolitic), không thich dấn thân vào các tổ chức có màu sắc chính trị. Sự liên kết này làm giảm uy lực của cộng đồng tại Hoa Kỳ vốn là nước có sinh hoạt chính trị cao, nhưng mặt khác, họ cùng mặc nhiên trở thành một thành trì dân chủ, hóa giải sự tuyên truyền của các nhóm thân cộng.

c. Khuynh hướng hợp tác giới hạn với cộng sản. Nhóm này gồm những người hoạt động (activist) chủ trương hợp tác giới hạn với cộng sản, giao lưu văn hóa, xoa dịu vết thương xã hội, y tế, kinh tế ở quê nhà. Điểm quan trọng là nhóm này chủ trương chấp nhận quyền cai trị của chính quyền cộng sản hiện hữu, muốn "được" đối thoại song phương vô điều kiện với cộng sản để cải thiện một phần nào tình hình Việt Nam. Tuy vậy, nhóm này không tích cực tuyên truyền cho cộng sản như các nhóm thân cộng trước 1975. Hiện nay nhiều người thường xếp nhóm này vào nhóm thân cộng, tuy chưa có tiêu chuẩn phân biệt rõ bản chất những "hành động có lợi cho Việt Cộng" và "hành động thân cộng". "Hành vi có lợi cho Việt Cộng" có thể do việc chống cộng kém kỹ thuật, không hợp thời, hoặc nhằm mục tiêu cao xa hơn ảnh hưởng nhất thời. "Hành động thân cộng" dĩ nhiên phải do nhóm ủng hộ Việt Cộng. Vì chưa có tiêu chuẩn đó, nên dư luận nhiều khi quá chia rẽ, làm giảm tiềm năng học hỏi dân chủ của cộng đồng.

Một đột biến của khuynh hướng này rất đáng chú ý: trong những ngày gần đây, nhóm này càng ngày càng ra công khai, lên tiếng trên báo chí, hoặc tổ chức giao tiếp với các nhân vật cộng sản. Nhóm này tuy khá đông, nhưng trên thực tế là nhóm phức tạp nhất, nên chưa hữu hiệu và bị sự chống đối của cộng đồng. Phân tích kỹ, nhóm này gồm bốn thành phần:

1. *Những người thân cộng để cầu an*, mong tránh việc trả thù bà con, anh em ở bên nhà, thỉnh thoảng lại được trở về Việt Nam, có khi còn được đón tiếp nồng hậu.

2. *Nhóm người trực lợi*, dùng chiêu bài hợp tác, họ có thể hối lộ, giả vờ đi về Việt Nam vì lý do tham quan, nhân đạo, thực ra là tìm cách "mánh mung", làm ăn lén lút. Một số dựa vào tư bản ngoại quốc để làm cầu nối giữa mafia cộng sản và tư bản quốc tế.

Hai nhóm đó thời nào cũng có, nhưng những cấu kết quyền lợi chưa có tính cách qui mô để có thể làm tan vỡ cộng đồng.

3. *Nhóm trí thức chuyên gia*, phần lớn còn trẻ tuổi, bị bả tuyên truyền, nuốt "sinh tử phù cứu quốc" cũ rich của cộng sản, để hợp tác vô điều kiện, vô ý thức với cường quyền. Hiện nay, nhóm này còn ít, nhưng có thể gia tăng nhanh chóng một khi có bang giao và trao đổi văn hóa giữa Mỹ và Việt Nam. Muốn cảnh tỉnh họ, ta nên phổ biến những tài liệu phản kháng, phản tinh của những vị tiền bối trí thức đã đi qua con đường đó như bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, luật sư Nguyễn Mạnh Tường, các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Hà Si Phu, Bùi Minh Quốc, Phan Đình Diệu, Nguyễn Phan Cảnh... Tuy vậy, cộng sản hiện nay chưa thực tình cho phép nhóm này hợp tác, nên trên thực tế nhóm này mới nói nhiều ở hải ngoại, và rất thất vọng khi muốn làm việc gì có tầm vóc lớn ở quê nhà.

4. Thành phần đáng kể nhất, có ảnh hưởng nhất, là nhóm người phần lớn là *trí thức và văn nghệ sĩ* mong muốn đi tìm một giải pháp giải cộng phát xuất từ các phần tử cộng sản tiến bộ, có uy tín trong đảng như Gorbatchev và Yeltsin của Nga Xô. Trước sự sụp đổ của cộng sản Đông Âu, họ hy vọng sẽ có một cán bộ cộng sản có lối đứng lên giải thể chế độ, lập nên một nước Việt dân chủ, tự do. Họ cũng ý thức được sự nguy hại của chế độ tư bản khi được áp dụng mù quáng vào một nước chậm tiến. Vì vậy, họ hướng về Âu châu, về một thể chế xã hội tả phái, không cộng sản. Họ không tôn thờ chủ nghĩa cộng sản, nhưng cho rằng chủ trương tận diệt cộng sản một cách toàn diện và tức thời là phi phạm tiềm lực của dân tộc. Để chuẩn bị cho cuộc "cách mạng nhung", họ chủ trương đưa các khuynh hướng dị biệt đến gần nhau hơn, tạo sự thông cảm để sau này đỡ sát hại nhau. Vì vậy, họ cổ vũ **các việc** "giao lưu văn hóa", trao đổi văn nghệ, muốn lấy tình dân tộc hóa giải thù hận. Ít người trong bọn họ để ý rằng tình hình Đông Âu khác hẳn Việt Nam.

Khối cộng sản trước đây có ba thành phần: thứ nhất là siêu cường cộng sản, gồm Liên Xô và Trung Cộng. Không ai có thể giải cộng ở các siêu cường này, ngoài trường hợp tự giải thể do các lãnh tụ yêu nước đề xuất. Thứ hai là những nước Đông Âu đã bị Liên Xô áp đặt chế độ cộng sản sau thế chiến II, và cai trị như một chư hầu của Đế Quốc Đỏ. Khi Liên Xô nói tay, lập tức dân chúng ở các nước đó, kể cả thành phần cộng sản cũng tự giải thể, vung vẩy thoát ra khỏi vòng kiềm tỏa của Liên Xô. Thứ ba là những nước lấy cộng sản chủ nghĩa làm nòng cốt trong cuộc vận động chống thực dân và độc tài và họ đã thành công. Đó là ba nước Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba. Những lãnh tụ loại này được thần thánh hóa, công việc giải thực được qui công cho đảng cộng sản nên khó có sự tinh ngô từ giới lãnh đạo cộng sản. Một

vài nhân vật trung cấp tinh ngô nhưng chưa có đủ khả năng phá bỏ bộ máy kìm kẹp khổng lồ. Bởi thế, ta không ngạc nhiên khi thấy ba nước kể trên, hoàn toàn khác biệt lại cùng đứng vững được khi Đông Âu và Liên Xô tan rã.

Cho đến lúc này, mong chờ một Yeltsin Việt Nam vẫn còn là vô vọng, lại càng vô vọng hơn trong giai đoạn thử thách hậu cấm vận và bang giao với Hoa Kỳ. Nếu khéo léo và sáng suốt, với những người chủ trương hợp tác với Việt cộng thuộc hai thành phần sau cũng có thể góp một phần nhỏ trong việc giảm thiểu sự cách biệt giữa dân hải ngoại và dân trong nước. Nếu không thận trọng, họ sẽ bị mua chuộc làm công cụ cho cộng sản trong việc giao thiệp cam go với cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ trong giai đoạn tới.

d. *Khuynh hướng cộng sản*. Từ trước tới nay, thành phần này vẫn có trong cộng đồng, nhưng mai danh ẩn tích, bao gồm các cán bộ cộng sản đã xâm nhập vào các tổ chức cộng đồng và các thành phần phản chiến còn sót lại. Khi có bang giao, nhóm này sẽ ra mặt, lợi dụng sinh hoạt tự do, dân chủ tại Hoa Kỳ để công khai tuyên truyền cho chế độ cộng sản.Thêm vào đó, sinh viên và cán bộ tu nghiệp, dù muôn dù không cũng đang chịu sự kèm chế của Tòa Đại Sứ Việt Cộng, sẽ tạo thành một thực thể trong cộng đồng, y như trường hợp ở Pháp. Tuy nhiên sự ít và có thể liên tục bị tấn công từ phía cộng đồng, nhóm này có nhiều lợi thế: họ sẽ được tài trợ để hoạt động qui mô, với nhóm làm việc toàn thời gian, có nhiều phương tiện sử dụng lá bài văn hóa, văn nghệ... để tranh thủ ảnh hưởng trong cộng đồng Việt Nam và trong chính quyền Hoa Kỳ. Trong thời gian sắp tới, chắc chắn chúng ta sẽ phải đương đầu với những vấn nạn mới, trực diện với cộng sản. Đây là lúc tập dượt kỹ thuật vô hiệu hóa công tác tuyên truyền công khai hoặc rỉ tai của cộng sản. Cộng đồng tỵ nạn tại Hoa Kỳ rất cần học hỏi kinh nghiệm của các cộng đồng người Việt tự do tại Pháp, Gia Nà Đại... rồi tùy thích ứng vào sinh hoạt dân chủ của Hoa Kỳ mới có thể phản ứng hữu hiệu.

II. Triển vọng của cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trong vài năm tới, những biến động chính trị sẽ gây ra nhiều xáo trộn trong cộng đồng. Nhìn lại quãng đường đầy chông gai đã đi qua suốt 19 năm, tôi tin chắc rằng cộng đồng chúng ta sẽ thích ứng để làm tròn sứ mạng trong ba phạm vi hoạt động:

1. **Trong phạm vi giao thiệp giữa người Việt và người Mỹ** cùng các sắc tộc khác, dân ta đã chứng tỏ cho người Mỹ thấy cộng đồng Việt Nam hiếu hòa, ít có thái độ cực đoan, có khả năng hội nhập cao. Người Mỹ hãy nhớ đến vụ đốt trại Chaffee của dân tỵ nạn Cuba, và vụ bạo loạn tại Los Angeles của dân da đen! Chúng ta ít bị kỳ thị hơn người Mỹ, da đen và da đỏ. Ngược lại ta chưa đạt được sự nể vì như các cộng đồng Đại Hàn, Nhật, Đài Loan. Các thành phần trẻ trong cộng đồng sẽ đi vào nhiều lãnh vực ngoài cộng đồng để góp phần vào việc phát triển của dân tộc Mỹ nói chung. Những việc tốt đẹp đó sẽ được nước Mỹ ghi nhận.

2. **Trong phạm vi giao tiếp giữa cộng đồng và chính quyền Hoa Kỳ**, ta sẽ đạt được nhiều thành quả tốt hơn nữa, nếu ta biết cách sử dụng lá phiếu để thương thảo với những người dân cử. Thông thường việc này được thực hiện gián tiếp qua những người lãnh đạo cộng đồng. Khi những người này có thể tập hợp thành một ban lãnh đạo có uy tín, tiếng nói trung thực của cộng đồng Việt Nam sẽ được chính giới Mỹ lắng nghe và giải quyết thỏa đáng những nhu cầu chính đáng của ta. Tôi đang thấy nhiều

nỗ lực kết hợp lãnh đạo nhằm vào mục tiêu này. Tuy vậy, ảnh hưởng của những sự thương thảo này cũng vẫn còn rất giới hạn, vì cộng đồng Việt Nam còn nhỏ (hơn một triệu trong tổng số hơn 250 triệu dân). Dân ta cũng chưa tích cực đi bầu để đón phiếu cho những người thường tranh đấu cho cộng đồng ta. Ta cũng chưa có nhiều người giữ nhiệm vụ then chốt trong chính quyền và các trung tâm quyền lực. Trong đoán kỳ, ta chỉ có số "tư bản tiêu thụ" là đáng kể, và phải triệt để khai thác lợi thế ấy.

3. Trong phạm vi thăng tiến cuộc sống tại Hoa Kỳ và sự đóng góp vào việc xây dựng đất nước, ta khó lòng tiên đoán vì có quá nhiều ẩn số, nhất là ẩn số chính trị. Tại Hoa Kỳ, trong một thời gian dài nữa, cộng đồng Việt Nam vẫn sống nương tựa vào nhau. Phải đợi một hay hai thế hệ, cộng đồng mới phá bỏ hệ thống cục bộ, rồi hy vọng con em chúng ta sẽ quay về xây dựng một cộng đồng tiến bộ. Nếu ai trong thế hệ thứ nhất còn sống sót sẽ có trách nhiệm lớn của thế hệ "bản lề", giữ vững cho cánh cửa văn minh Việt tộc khỏi hoàn toàn sụp đổ. Nếu nghỉ xa hơn, để phòng sự tàn nhẫn của thời gian, thế hệ di tản đợt một nên chế ra một hệ thống truyền bá, tuyển chọn, nuôi nấng, huấn luyện chuyên viên văn hóa Việt Nam trong số anh em trẻ tuổi. Thực tế hơn cả là viết sách về Việt Nam bằng Anh ngữ để phổ biến sau này, tránh việc cố tình hay vô ý xuyên tạc của các tác giả ngoại quốc.

Tương lai tùy thuộc thành phần trẻ của cộng đồng. Hiện nay sinh viên Việt Nam không còn chiếm ưu thế trong các đại học nữa, dù vẫn có những phần tử ưu tú. Số học sinh trung học bỏ học cũng khá đông. Đó là mối lo trong gan ruột của các người thường ưu tư đến tương lai của cộng đồng.

Việc đóng góp trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam mới tùy thuộc vào biến cố chính trị trong nước và trên thế giới. Khi có điều kiện, bỗn phận của cộng đồng hải ngoại là tiếp sức cho dân trong nước nhiều nhân lực, tài lực và kinh nghiệm phát triển. Dự đoán số người hồi hương không nhiều, cộng đồng nên có một Viện nghiên cứu về Việt Nam với hai thể thức. Thứ nhất, tổ chức "bất vụ lợi (non-profit), nhận tài trợ của các cơ quan quốc tế, để người Việt Nam cùng các chuyên gia ngoại quốc bắt mạch "chậm tiến", cho thuốc "mở mang" nước Việt. Thứ hai, tổ chức vụ lợi (for-profit), giữ việc cố vấn, điều nghiên cho các cơ sở ngoại quốc trong khi cố duy trì "cương thường kinh tế" (economic ethics), một thứ đạo đức kinh tế để bảo vệ dân Việt trước sự thao túng của tư bản, cường quyền hay đám con buôn bất chính. Hai thành phần này hỗ trợ cho nhau về kiến thức và phương tiện. Viện Nghiên Cứu Việt Nam sẽ là xa lộ hai chiều. Trong nước đặt vấn đề đưa ra nhờ giải quyết. Bên ngoài nghiên cứu giải pháp khai thông, căn cứ vào dữ kiện thực tế từ trong đưa ra, hay giúp phần đào tạo nhân tài qua hình thức hội thảo, tu nghiệp, tập sự, gửi người về làm công tác ngắn hạn...

Tôi tin tưởng rằng cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ sẽ đạt được nhiều thành quả tốt trong cả ba phạm vi đó, vì rải rác trong 50 tiểu bang tại Hoa Kỳ, tôi vẫn được biết tiếng, vẫn được học hỏi, vẫn được ngưỡng mộ một số người tự ý thức được trách nhiệm thiêng liêng với dân tộc, bền tâm hoạt động, quyết đem tấm lòng son trái cùng đồng bào, nhiều khi cô đơn chiến đấu trong phương tiện cực kỳ thiếu thốn giữa lúc nhân tâm còn ly tán.

Lê Phục Thủy
(23-7-1994)

Vẫn còn những con người đáng quý

LTS. Chúng tôi nhận được bài sau đây của bà Nguyễn Thị Nhungh, cựu y tá bệnh viện Nhi đồng 2 (trước là Grall) viết về một số người đáng quý, có khả năng và lương tâm nghề nghiệp cao trong ngành Y ở Việt Nam mặc dầu phải làm việc trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Bà Nhungh hiện sinh sống tại Pháp. Xin giới thiệu cùng bạn đọc.

Đọc báo Thông Luận tôi xúc động và xin đóng góp một phần nhỏ của một người y tá già (bệnh viện Grall xưa). Lúc bấy giờ tôi gần 60 tuổi, đáng lẽ phải về hưu nhưng được Ban Giám đốc Bệnh viện Nhi 2 quan tâm cho ở lại để làm việc. Nói đến bác sĩ Trần Đông A thì khắp nước ta không riêng gì Sài Gòn (Miền Nam) biết đến mà cả miền Bắc cũng phải phục trü туệ tài năng của anh. Người bác sĩ này tổng quát đã được đào tạo dưới chế độ cũ, tu nghiệp Mỹ và nghiên cứu rất nhiều qua sách vở của nước ngoài lúc còn là sinh viên Y. Lúc đó hai cháu Việt và Đức sinh ra tại tỉnh Ban Mê Thuột, hai cháu song sinh nhưng dính liền bụng, chỉ một bộ phận sinh dục và ba chân lớn ngắn cụt. Lần sóng khoa học tiếp nhận "đổi mới" bắt đầu, Sở Y Tế thành phố Bác sĩ Dương quang Trung nghiên cứu sau bao nhiêu tháng thực tập quyết định nhặt dao mổ đầu tiên tách rời hai cháu, giao trách nhiệm cho bác sĩ chuyên phẫu thuật nhí tổng quát có tu nghiệp Mỹ như trên. Ngoài ra có cả một đoàn bác sĩ cũ và trẻ mới của các bệnh viện Thành Phố, Bình Dân, Chỉnh Hình, Phụ Sản (Bệnh viện Từ Dũ cũ) mỗi người một bộ phận trên hai thân thể song sinh được Trung Ương quan tâm đem từ làng quê hẻo lánh ra Hà Nội vào Bệnh viện Việt Đức do đó nên có tên hai cháu Việt Đức. Ca mổ Việt Đức tiến hành qua nhiều giai đoạn và giai thoại tràm luân.

Hồi đó tôi làm y tá Nhi 2, nghe dư luận ngoài kề rằng "...hơn một lần bác sĩ Trần Đông A tự ái đến "tension nerveuse", muốn từ chối cầm nhát dao mổ đầu tiên". Lý do là vì đáng lý bác sĩ A phải qua Nhật tham khảo và đem dụng cụ về để sử dụng thì lành đạo lại định giao trách nhiệm cho bác sĩ Trần Thị Ngọc Phượng, nguyên là bác sĩ phụ sản nhí thuận túy chỉ vì bác sĩ Ngọc Phượng được kết nạp vào Đảng, được đề cao và có lần dự hội nghị Phụ Nữ Dân Chủ ở Đông Đức, và bác sĩ Phượng không theo chồng đi Pháp ở lại phục vụ quê hương. Hơn thế nữa bác sĩ Trần Đông A, tuy gia đình thân sinh vốn là lao động nghèo ở thành thị, nhưng có bà con bên vợ ở nước ngoài, e rằng bác sĩ đi Nhật sẽ trốn luôn ở lại. Nhưng bác sĩ Trần Đông A vốn là người ai cũng quý mến và trọng tài năng, ở lại nước ngoài thì còn đâu được trọng vẹn chất xám lưu truyền cho tuổi trẻ mai sau? Và trên toàn kip mổ kia, phần nhiều các bác sĩ tiếng tăm có người là đàn anh đàn chị của bác sĩ A, cũng đã đứng vào mặt trận khoa học lúc bấy giờ. Họ là ai: họ chiếm hết 70%, được chế độ Mỹ, Thiệu, Diệm đào tạo. Thậm chí đến người Cán sự Điều dưỡng Ngọc Bích, Cán sự gây mê chi Đông Ba cũng được đào tạo từ nơi lò căn bản có tay nghề, có đạo đức tác phong của người phụ nữ, không hơn không kém "dáng đứng Bến Tre" của bà Nguyễn Thị Định. Có em chỉ năm thứ II Cán sự Điều dưỡng nhưng rồi trường chuyển tiếp 30.4.75 thì các thầy cô chế độ cũ còn lại, vẫn là thầy giáo, truyền sách vở cho các em một cách có lương tâm...

Nguyễn Thị Nhungh

tạp ghi...

Tình hình Algeria hầu như đã rõ ràng: chế độ quân phiệt sẽ sụp đổ, Mặt Trận Hồi Giáo Cứu Quốc (FIS) sẽ nắm chính quyền. Tất cả những gì các nước dân chủ Phương Tây còn có thể làm chỉ là dàn xếp để chế độ Hồi Giáo sắp tới bớt phần cực đoan.

Cái gì sẽ xảy ra khi Mặt Trận FIS nắm chính quyền không khó tiên liệu: phụ nữ sẽ phải trùm khăn kín mặt và bị cấm làm chính trị, các ý niệm dân chủ tự do sẽ bị xóa bỏ, một chế độ Hồi Giáo toàn nguyên sẽ được thành lập. Chỉ còn lại một đạo Hồi, một luật pháp Hồi Giáo, một chính quyền Hồi Giáo. Báo chí sẽ bị bịt miệng, những người đối lập sẽ bị bỏ tù nếu không bị ám sát. Sẽ có nội chiến và khủng bố. Nước Algeria vốn đã bị đát sẽ còn bi đát hơn nữa.

Đó là hậu quả ba mươi năm chủ nghĩa xã hội kiểu Algeria, một mô thức đã được sự đóng góp tận tình của các nhà lý thuyết cánh tả lỗi lạc nhất của Pháp và đã được xây dựng với những phương thức không lồ do nguồn lợi dầu hỏa. Nếu ở các nước khác người ta đã từng chứng kiến sự phá sản của chủ nghĩa Marx giáo điều, chủ nghĩa Marx hiện thực, chủ nghĩa Marx khoa học, v.v... thì Algeria chính là sự phá sản của chủ nghĩa Marx thông minh.

Hội nghị quốc tế về dân số tại Cairo đã thất bại. Phó tổng thống Mỹ Al Gore tới phó hối về mặt đắc thắng và ra về một cách lặng lẽ. Người ta đã lẩn lộn tất cả mọi vấn đề. Hạn chế dân số lẩn lộn với phá thai, phá thai lẩn lộn với giải phóng phụ nữ, v.v... Thay vì giới hạn vào vấn đề dân số để đi đến thỏa thuận là mọi quốc gia cam kết chặn đứng đà gia tăng dân số bằng những phương thức phù hợp với hoàn cảnh địa lý, văn hóa, tôn giáo của mình, các phái đoàn Âu Châu và Hoa Kỳ lại muốn áp đặt một giải pháp và một nhân sinh quan của họ. Chẳng hạn họ đồng hóa hạn chế dân số với tự do phá thai, một điều mà ngay tại nước họ cũng không có đồng thuận.

Dầu sao thì hội nghị Cairo cũng đã làm được một việc là gây ý thức rằng nạn nhân mãn trên thế giới đang trở thành trầm trọng. Đây là dịp để người Việt Nam chúng ta nghĩ lại mình. Với 72 triệu dân trên một diện tích 330.000 km² chúng ta là một trong những nước có mật độ dân số cao nhất thế giới, gần bằng Ấn Độ và gấp hai Trung Quốc, đất đai sinh sống và canh tác được của ta lại không tới một phần ba lãnh thổ. Đã thế môi trường sinh sống của ta lại đang bị phá hoại trầm trọng, rừng bị đốn trụi, bờ biển bị ô nhiễm nặng. Không gian sinh tồn của ta đã nhỏ còn bị xuống cấp và thu hẹp lại. Chưa hết, trên phần đất ít ỏi còn lại, những vùng đất có giá trị kinh tế nhất đang được đem bán cho người nước ngoài một cách rất thản nhiên. Chúng ta đang chứng kiến cùng một lúc hai hiện tượng phá nước và bán nước. Phá nước và bán nước theo nghĩa đen.

Tình trạng sức khỏe của tổng thống Mitterrand đang gây ngờ vực về khả năng hoàn tất nhiệm kỳ của ông và làm sôi động hẳn lên cuộc vận động tranh cử tổng thống. Hai ứng cử viên nặng

ký nhất là hai ứng cử viên chưa chính thức tuyên bố ứng cử nhưng đã thực sự tranh cử: Jacques Chirac và Edouard Balladur. Cả hai đều thuộc đảng RPR.

Đảng RPR đang bị chấn động nặng vì chính sự thành công của mình. Cuộc khủng hoảng này là hậu quả của chế độ chính trị tại Pháp. Pháp có một tổng thống do dân trực tiếp bầu ra với rất nhiều quyền hành nhưng cũng có một thủ tướng chịu trách nhiệm trước quốc hội. Trên thực tế, ngoại trừ trường hợp rất đặc biệt hiện nay và chắc sẽ khó xảy ra nữa, trong đó tổng thống và thủ tướng thuộc hai đảng đối địch với nhau do sự kiện đảng của tổng thống quá mất tín nhiệm, chế độ của Pháp là một chế độ Tổng Thống.

Chế độ tổng thống là sự gấp gáp giữa một người và một quốc gia. Cử tri chọn một người chứ không chọn một chính đảng và một dự án. Người ta có thể bầu một ông tổng thống vì ông này bảnh trai, có vợ đẹp, ăn nói có duyên, hay quảng cáo giỏi. Ngược lại, khi bầu cho một đảng người ta chọn một nhân sự, một lý tưởng, một dự án. Chế độ tổng thống là tàn dư của chế độ quân chủ ngày xưa, chỉ khác một điều là ông vua được bầu ra với một nhiệm kỳ rõ rệt.

Trái với một thành kiến khá lan tràn, chế độ tổng thống không ổn vững. Hoặc nó đưa tới bế tắc do xung đột không tránh khỏi giữa Tổng Thống và Quốc Hội, hoặc thông thường hơn, nó đưa tới một chế độ độc tài. Trên thực tế, trừ trường hợp duy nhất của Hoa Kỳ, tất cả mọi chế độ tổng thống trên thế giới đều thất bại. Tại Âu Châu, cái nôi của dân chủ, tất cả các quốc gia, trừ Pháp, đều chọn chế độ Đại Nghị.

Các chủ tịch, tổng giám đốc tại Pháp đang sống những ngày khó thở. Nhiều vị bị điều tra, nhiều vị bị giải tòa, nhiều vị bị còng tay và tống giam. Người lấy quyết định này thường là một ông dự thẩm đi xe cù kỵ, mặc quần áo rẻ tiền, lanh lương it.

Dân chủ nhắc lại quyền lực của nó. Các ông chủ các công ty lớn nhiều quyền quâ. Mỗi vị nắm trong tay cuộc sống của hàng trăm ngàn người. Một chọn lựa của họ có thể đẩy hàng ngàn gia đình vào cảnh thất nghiệp. Và họ quyết định một hoàn toàn độc đoán. Ai bầu họ ra và ai kiểm soát họ? Họ mạnh gấp nhiều lần các bộ trưởng và họ muốn làm gì thì làm. Họ ở ngoài và ở trên dân chủ.

Trái với một huyền thoại, các công ty lớn không hiệu lực và cũng không tuyệt đối cần thiết. Họ bàn giấy, quan liêu và phi phạm. Trên thực tế, một công ty lớn cũng chia ra nhiều công ty tách vóc trung bình cạnh tranh với nhau và đôi khi phá đám nhau, nhưng xoắn vào nhau thành những rùng tham nhũng và móc ngoặc rất khó khám phá. Một chi nhánh A hối lộ một quan chức rồi nhận tiền thanh toán ma của một chi nhánh B, chi nhánh B nhận tiền của chi nhánh C trong khi chi nhánh C được một hợp đồng béo bở v.v... Cùng một mạch giao thông đó được dùng để rửa sạch tiền bẩn.

Một nền kinh tế hoàn toàn có thể hình dung được với các công ty tách cỡ trung bình - nghĩa là kiểm soát được và trong đó dân chủ còn tương đối được tôn trọng - hợp tác với nhau để cùng thực hiện những công trình lớn. Công thức phối hợp cần tìm ra. Chắc chắn là không đơn giản vì đây là sự xét lại của cả một xã hội quan. Trong khi chờ đợi, một vài tiếng còng lich kích nhắc lại cho các ông chủ lớn rằng họ không phải là những hoàng đế mới trong thế giới dân chủ này là một điều tốt.

Nguyễn Gia Kiêng

lại chuyện đá sạn (trích)

Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và hạn chế "dịch" viết sai thì phải có một đội ngũ DỌN VƯƠN thật hùng hậu, người chỉ huy phải cấp tướng hay ít nữa cùng bắc đại tá Trần Ngọc Thuận, tác giả bài phê bình này lứa quyển Tùy diễn Bách Khoa... (Đăng báo Hợp Lưu ở Mỹ số tháng 8 & 9-94). Chưa bao giờ tôi được đọc bài phê bình thẳng thắn và sắc sảo như vậy. Mong sẽ được đọc bài "phản công".

* Không có nhà xuất bản hay nhà in nào đặt tên là THOÁI BỘ cả, nhưng sách thì có nhiều. Chỉ xin nêu một ví dụ:

Quyển THƠ CHỦ HÁN NGUYỄN DU của Lê Thước và Trương Chính (Nhà xb VĂN HỌC - Hà Nội - 1965) làm rất nghiêm túc (sách dày 572 trang mà chỉ sai cả Hán và Việt chưa đến 10 chữ). Năm 1978 người ta lấy bản 1965 rồi thay vì chụp thì đưa sấp chữ in lại làm sai be bét mà ngoài bìa vẫn để tên Lê Thước và Trương Chính! (Nxb VĂN HỌC - TP HCM - IN LẦN THỨ HAI). Chỉ riêng phần phiên âm thôi cũng đã có **68 chữ sai** rất quan trọng mà trong bản 1965 không hề có! Tôi có làm bảng đối chiếu, nếu quý vị nào muốn dùng tôi xin biếu. Có tai hại là có người mua làm phải bản 1978 mà tưởng là "của thật" rồi đưa chụp phần phiên âm và dịch lại (bản 1978 không có chữ Hán) làm lây cãi sai ra. Tôi có được đọc bảy bản (5 trong nước, 1 ở Pháp, 1 ở Mỹ) dịch THƠ CHỦ HÁN NGUYỄN DU thì tôi thấy bản 1965 là rất đáng được tái bản. Nên chụp cho khỏi sai và thêm một trương đính chính mấy chữ sai.

* Mấy năm gần đây thấy sách **được** in và tái bản nhiều hơn trước tôi rất mừng. Nhưng niềm vui không trọn vẹn vì có nhiều quyển sách làm cẩu thả quá! Chẳng hạn quyển **'Phê bình Bình luận VĂN HỌC'** (Nxb TỔNG HỢP KHANH HÒA 1992 - LÝ BẠCH - ĐỖ PHỦ - BẠCH CÚ DỊ - THÔI HIỆU - LA QUÁN TRUNG).

Quyển sách chỉ có 126 trang thôi, thế mà chưa nói đến chính tả, chỉ riêng phần phiên âm và phần dịch thơ cùng đã có đến **hơn 60 chữ sai** quan trọng!

a) Phần phiên âm thì có nhiều câu rất khó nhận. Ví dụ:

- ' Vu Sơn, Vu Giáp khí tiễn lâm (tiêu sâm) (Tr 66)
- ' Hầm (Hàn) y xứ xứ thời đạo (đao) xích' (Tr 67)
- ' Vò viễn (Vô biên) lạc mộc tiêu tiêu hạ' (Tr 69)v..v...

b) Phần dịch thơ thì lại buồn cười hơn! Ví dụ:

- ' Lý Bach một đau (đau) thơ trăm thiên (thiên)' (Tr 8)
- ' Thiên thai một ván (vạn) tám nghìn trường (trưởng)' (Tr 12)
- ' Lần đầu (Lần lần) tay chuốc chén son riêng (ngập) ngừng' (Tr 98)
- ' Khắp tiệc hoa tuôn nước (sướt mướt) lệ rơi' (Tr 100)
- ' Âm thăm đau (Ôm sầu mang) giận ngắn ngo' (Tr 102)
- ' Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bay (hay)' (Tr 107) v..v

c) Phần chú giải thì tôi không thể

Trong bài HÀNH LỘ NAN của Lý Bạch (bài này các ông chỉ sửa có ba chữ) có câu: "Bạt kiếm từ cổ tâm mang nhiên" (Tuốt gươm nhìn bốn phía lòng mênh mang).

Các ông sửa (có ý?) chữ cố ra chữ cỗ (Tr 31) để rồi "chú giải" ở trang 33: "Tú cỗ: Tú là bốn, cỗ là ngoại cỗ. Tú có nghĩa là ngoài cỗ (hoặc quay cỗ) nhìn bốn phía. Đây là nhà thơ nhìn, chứ không phải là gươm vung tứ phía." (sic).

Nhà học giả lấy đâu ra "Tú có nghĩa là ngoài cỗ" hay vậy? Còn cỗ là phần cơ thể nối đầu và thân là tiếng Việt, làm sao có trong thơ Lý Bạch được? Hay Lý Bạch cùng người Càn Thơ như nghe nói có ai đó gạ Lý Quang Diệu mà tiên sinh còn ở ờ?

* Rất tiếc là quyển sách làm quá cẩu thả. Nếu làm nghiêm túc thì có thể dùng để giảng văn rất tốt. Bởi vì những bài được chọn in lại đều là do các nhà văn, các nhà nghiên cứu nổi tiếng viết ra và viết rất hay. Tuy nhiên, nếu muốn bàn thêm đôi lời thì vẫn cùng còn có đất. Ví dụ lời giảng câu thơ Lý Bạch trong bài VỌNG LU SƠN BỘC BỐ:

"Nghi thi Ngân Hà lạc cửu thiên":

"Nhà thơ liên tưởng rất tự nhiên đến một giòng sông trên trời. Đó là dải Ngân Hà giống như một giòng sông màu bạc làm bằng ngàn vạn ngôi sao vắt ngang bầu trời. Hình ảnh so sánh hợp lý rất gợi hình và gợi cảm. Khác chăng là một dải Ngân Hà kỳ la, một dải Ngân Hà tuột khỏi mây, một dải Ngân Hà từ già bầu trời, rơi xuống mặt đất từ chín tầng mây." (Cuối chương 36. Bài của Nguyễn Lộc)

Tôi biết nhà văn Nguyễn Lộc thừa hiểu câu thơ, nhưng có lẽ trong lúc thi hứng quá nồng, ông mãi đuổi theo cái hay nên bỏ quên cái sát?

Theo ngữ ý thì chữ Nghi trong câu chữ Hán rất quan trọng. Nhìn dòng thác trên núi Lư đỗ xuống, Lý Bạch nói: Ngõ là sông Ngân Hà từ trên trời rơi xuống chứ làm gì có chuyện "Ngân Hà tuột khỏi mây, từ già bầu trời, rơi xuống mặt đất".

Nhân chữ Nghi của Lý Bạch, tôi lại liên tưởng đến chữ nhu trong câu tuyệt diệu của Cao Bá Quát (Bài HIEU QUÁ HƯƠNG GIANG):

"Trường giang như kiếm lập thanh thiên." [Sông (Hương) như thanh gươm (bạc) dựng giữa trời xanh.]

Nguyễn Hữu Thành

Paris tháng 9-94

Quan hệ Việt Nhật dưới cái nhìn của ba nhà kinh doanh Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản

Bản dịch của Nguyễn Minh

Việt Nam

Hà Nội. Các biệt thự kiểu Tây từ thời thực dân Pháp cạnh các con đường lợp bóng cây xanh bao quanh đang lần lượt được sửa sang lại. Các tấm bảng hiệu của các công ty ngoại quốc, kể cả các công ty Nhật mới được treo lên khắp nơi. Trang phục của phụ nữ đi đường ngày càng màu sắc. Kiểu quần đen áo trắng cũ mèt đi nhanh chóng. Thay vào đó là các loại váy. Áo một mảnh xẻ ngực, mồm rộng vành... Những người ngày xưa vốn chưa quen với danh từ "tiêu thụ" bây giờ đã thay đổi.

Từ khi độc lập đến nay, lần đầu tiên Việt Nam mới đón thủ tướng Nhật đến thăm vào ngày 25 tháng 8. Quỹ Biên giới Việt Nam (Vietnam Frontier Fund) cũng vừa được thành lập vào tháng 7 qua. Tổng ngạch hiện nay 50 triệu đô-la. Quỹ này theo nguyên tắc tập hợp tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài rồi bỏ vốn kinh doanh vào các nghiệp vụ có triển vọng trong nước. Trong danh sách Ban Giám đốc của quỹ này có cả tên ông Colby, nguyên cục trưởng CIA của Mỹ. Các nhà kinh doanh Nhật cũng chủ mục đến quỹ này: "Đây là trò chơi tiền tệ có tính chất quốc tế. Ở thời đại này, nước xã hội chủ nghĩa cũng phải làm như vậy!".

Người chủ chốt lập nên quỹ này là ông Nguyễn Xuân Oánh, 73 tuổi. Chúng tôi được ông mở cho xem danh sách quỹ và được cho biết "tiền đang lần lượt tập hợp. Có các hàng chứng khoán và các ngân hàng Nhật tham gia". Hiện nay ông Oánh làm cố vấn kinh tế cho thủ tướng Kiệt. Ông vốn từng làm thống đốc Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam của chính quyền miền Nam trước đây. Ông là một trong số ít nhà kinh tế hiện đại còn sót lại của nước này. Vào năm 1939, hưởng ứng lời kêu gọi của Phong Trào Đông Du, chủ trương muôn chông được thực dân Pháp "phải học Nhật Bản", ông đã sang Nhật du học. Lúc đầu học Trung học Cao Đẳng ba năm, rồi học kinh tế ở đại học Kyoto. Nhưng nước Nhật mà ông ngưỡng mộ như "nước lãnh đạo Châu Á" ấy trong việc lập khối thịnh vượng chung Đại Đông Á lại bắt tay với Pháp không cho Việt Nam độc lập. "Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á rút cục chỉ vì lợi ích của nước Nhật!..."

Nỗi thất vọng ấy ông Oánh không quên. Sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt, ông qua Mỹ tiếp tục theo học ngành kinh tế ở đại học. Sau tháng 4 năm 1975 ông bị giam lỏng ở nhà. Phải đợi đến khi Việt Nam bắt đầu đường lối đổi mới ông mới được dùng trở lại. Ông đã đề nghị chính sách dùng tư bản nước ngoài để làm đòn bẩy cho nền kinh tế Việt Nam, thay thế viện trợ Liên Xô đã mất.

"Việt Nam không thể nào coi thường quan hệ với Mỹ được. Tuy nhiên nước nắm chìa khóa phát triển của Việt Nam hiện nay là nước Nhật. Thế mà xí nghiệp Nhật cứ chèn chòi!". Ông Oánh vốn khuôn mặt lúc nào cũng tươi cười bồng nghiêm nét mặt lai. Ông khố chịu vì việc tư nhân Nhật đầu tư cho Việt Nam còn kém

cả Đại Hàn, Hồng Kông, Pháp, không tăng bao nhiêu so với trước.

Hoa Kỳ

"Xin mời vào, hoan nghênh quý vị", ông Usine Marsh, 35 tuổi, chào chúng tôi bằng tiếng Nhật. Ông ta theo đúng tục lệ, cúi đầu đưa danh thiếp. Văn phòng tại Hà Nội của ông có treo bức màn viết chữ Nhật "Jinja" (hiếu khách).

Marsh đã du học tại Nhật Bản sau khi tốt nghiệp đại học Harvard ngành luật, và đã làm luật sư. Ông đến Nhật làm việc trong vài xí nghiệp Nhật. Ông lo ngại rằng "Rồi Nhật Bản sẽ độc chiếm hết thị trường Việt Nam", nhưng ông lại nói thêm "đương nhiên xí nghiệp vào trước như xí nghiệp Nhật có vị thế thuận lợi nên không nên chỉ trích. Ở Việt Nam xí nghiệp Mỹ và Nhật có thể bắt tay nhau".

Từ bốn năm nay ông đã sống tại Hà Nội. Vào tháng 2 năm nay ngay sau khi Mỹ ngưng cấm vận Việt Nam, Marsh đã ký được hợp đồng đại lý sử dụng thẻ tín dụng của American Express. Gần đây, ông lại bắt đầu phát hành Newsletter bằng tiếng Anh và tiếng Nhật cho các xí nghiệp Mỹ và Nhật.

Tuy nhiên trên thực tế, Nhật Bản đang trở thành địch thủ lợi hại của Marsh: chính phủ Việt Nam quyết ý xây dựng phi trường mới vào năm ngoái. Ông giám đốc Marsh đã tức tốc làm trung gian giới thiệu công ty đầu tư tiền tệ ở New York, đã ký được bản ghi nhớ về việc điều động tiền vốn giữa hai phía Mỹ - Việt. Thế nhưng sau khi thủ tướng Kiệt ngỏ ý với chính phủ Nhật "Việt Nam muốn mượn tiền của Nhật", thì nghiệp đoàn hợp tác quốc tế (JICA) của Nhật đã quyết định bắt đầu nghiên cứu dự án phi trường này.

Ông Marsh kết luận: "Nhờ có hậu thuẫn viện trợ chính phủ, xí nghiệp Nhật rất mạnh. Đồng yen viện trợ đi trước, thương mại nối đuôi đi sau". Tương phản với việc đầu tư của tư nhân Nhật không tăng, Nhật Bản là nước viện trợ cho Việt Nam lớn nhất. Kim ngạch viện trợ vào năm 1993 lên tới 60 tỉ yen, bằng hơn nửa số tiền các nước viện trợ cho Việt Nam (không kể các tổ chức, ngân hàng quốc tế).

Nhật Bản

Ông Koshiro Iwai, hội trưởng hội mậu dịch Nhật - Việt vào tháng 7 đã được các chiến hữu cũ của ông trong mặt trận Việt Minh đón tại viện Bảo Tàng Quân Đội.

"Ông sống khỏe nhỉ!"

"Khỏe nhé, mập quá trời nhé!", họ ôm nhau, nhận mặt nhau rồi lại ôm nhau.

Khi Nhật đầu hàng Đồng Minh vào cuối thế chiến thứ hai, ông Iwai đã tham gia Việt Minh, đã chỉ huy một tiểu đội du kích vùng

núi để đánh nhau với Pháp. Vết thương bị trúng đạn chạy dài từ má đến tai vẫn còn rõ nét. Trong chiến tranh Đông dương các binh sĩ Nhật tham gia quân đội Việt Minh được gọi là "người Việt Nam mới". Con số ấy khoảng từ mấy trăm đến hai ngàn người.

"Chẳng phải vì những danh từ lớn lao như đại nghĩa, độc lập dân tộc, thực ra tôi đi theo Việt Minh sau khi Nhật bại trận vì nghĩ rằng sẽ có miếng ăn, còn được sống".

Khi trở lại Nhật Bản sau kháng chiến chống Pháp 8 năm, ông đã tham gia vào hội mậu dịch Nhật - Việt, nơi làm cửa ngõ ngoại thương giữa Nhật Bản với miền Bắc Việt Nam lúc hai bên chưa có quan hệ ngoại giao. "Thời đó khi chúng tôi chỉ trích Liên Xô, chúng tôi bị các ông bạn làm ăn Việt Nam phản đối kịch liệt. Bây giờ cùng chính các ông bạn ấy nói với tôi: "Máu mực xây dựng kinh tế chính là Nhật Bản". Gần đây chính phủ Việt Nam bắt đầu trao tặng huân chương cho các cựu binh sĩ Nhật đã tham gia vào Việt Minh. Nhân dịp kỷ niệm 50 thành lập Quân Đội Nhân Dân vào tháng 12, cảnh ông Iwai gặp lại các chiến hữu cũ cũng được ghi lại để làm phim thời sự.

Ông Iwai nói: "Ba thế hệ người Việt Nam đã ném mùi khói sở để chiến đấu với Pháp, Nhật, Mỹ, Trung Quốc. Bây giờ trong tâm tình họ có lẽ mới thực sự bắt đầu thời hậu chiến".

TakaAhi Mizuno
Báo Asahi Shimbun, ngày 24-8-1994
Nguyễn Minh dịch

Ghi chú về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Theo các báo cáo của nhà nước cộng sản Việt Nam, tính đến 27.6.1994 đã có 957 dự án đầu tư được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký là 9,4 tỷ USD. Tính đến hết ba tháng đầu năm 94, vốn đầu tư đưa vào thực hiện là hơn 2,3 tỷ USD, chiếm 28,5% tổng số vốn đầu tư. 10 nước có vốn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam tính đến ngày 24.6.94:

- 1) Đài Loan : 127 dự án, 1,62 tỷ USD
- 2) Hồng Kông : 144 dự án, 1,24 tỷ USD
- 3) Nam Hàn : 62 dự án, 679 triệu USD
- 4) Úc : 37 dự án, 636 triệu USD
- 5) Tân Gia Ba : 60 dự án, 567 triệu USD
- 6) Mã Lai : 26 dự án, 510 triệu USD
- 7) Nhật : 53 dự án, 501 triệu USD
- 8) Pháp : 50 dự án, 487 triệu USD
- 9) Hòa Lan : 13 dự án, 382 triệu USD
- 10) Anh : 12 dự án, 303 triệu USD.

TÙI TỨC

Giang Trạch Dân viếng thăm chính thức Pháp

Chuyến công du ở Pháp của chủ tịch nhà nước Trung Quốc Giang Trạch Dân, ngoài việc khẳng định bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, không đem lại kết quả khả quan về thương mại cho Pháp.

Các hợp đồng chỉ đem lại 2,6 tỷ FF Pháp cho hai hãng Alcatel (điện thoại) và Framatome (trang bị trung tâm nguyên tử). Ngoài ra còn có 13,3 tỷ FF bao gồm việc xây cất một nhà máy lọc dầu ở Thượng Hải do xí nghiệp Elf đảm nhận và 1,2 triệu tấn lúa mì. Nhưng đó chỉ là những ý định thư (lettre d'intention) không có gì chắc chắn.

Sau hai ngày trở về nước, Bắc Kinh liền cho biết là sẽ không mua lúa mì của Pháp vì giá đắt. Các hợp đồng ký với Pháp không đáp ứng lại nỗ lực của Pháp trong những tháng qua như việc bỏ rơi Đài Loan, cuộc viếng thăm của thủ tướng Balladur trong tháng 4 và cuộc viếng thăm cùng 120 kỹ nghệ gia Pháp của tổng trưởng Bộ Công Nghiệp và Ngoại Thương Gérard Longuet trong tháng 7-1994. Trong khi đó phái đoàn Mỹ do bộ trưởng Ngoại thương Ron Brown đã ký nhiều hợp đồng đầu tháng 9 lên đến 6 tỷ USD (32 tỷ FF Pháp). Rõ ràng Trung Quốc đã cảm ơn Mỹ về việc gia hạn quy chế tối huệ quốc về thương mại và việc làm ngơ vi phạm nhân quyền của họ.

Thực ra chuyến công du của họ Giang mang nhiều màu sắc chính trị trong việc tranh chấp nội bộ hiện nay. Người ta có cảm tưởng hai nhân vật đầu não đang "chạy đua" ở chính trường thế giới để tìm thế đứng sau ngày ông Đặng từ trần. Thủ tướng Lý Bằng trong tháng 4 đã liên tiếp viếng thăm năm nước trong đó có bốn nước Trung Á: Ouzbekistan, Turkmenistan, Kazakhstan, Kirzhistan và Mông Cổ. Từ 29-6 đến 12-7-1994, Lý Bằng cùng viếng thăm thêm ba nước ở Âu Châu là Áo, Đức và Lỗ. Họ Giang trái lại liên tục thăm viếng hai nước thành viên thường trực Liên Hiệp Quốc là Nga và Pháp sau khi hội kiến với tổng thống Mỹ Clinton ở Seattle và viếng thăm Brazil và Cuba trong tháng 11-1993. Tờ Giải Phóng (Libération) của Pháp, ngày 7-9-1994, cho biết họ Giang sẽ viếng thăm Việt Nam vào cuối tháng 11-1994. Tin này có lẽ nên thu nhận một cách đề đặt vì quan hệ hai nước chưa hoàn toàn tốt đẹp vì đang tranh chấp lãnh thổ.

Tại Pháp, họ Giang trong bài diễn văn đọc trước Hội đồng quốc gia các chủ xí nghiệp Pháp (CNPF) cho biết tình trạng phát triển kinh tế của Trung Quốc trong 15 năm qua. Mục tiêu là lôi cuốn các kỹ nghệ gia Pháp vào đầu tư ở Trung Quốc. Giang Trạch Dân cho biết từ 1979 đến 1993, có 174.000 xí nghiệp ngoại quốc được chấp thuận với vốn đầu tư đưa vào hoạt động lên đến 63,9 tỷ USD trong đó có 25,8 tỷ trong năm 1993. Bình quân tổng sản lượng quốc gia tăng 9,3% mỗi năm (riêng năm 1993, số tăng trưởng là 13,4%). Nếu tính theo giá cố định tổng sản lượng quốc nội tăng 2,8 lần để đạt tới 500 tỷ USD trong năm 1993. Số thương vụ mậu dịch đối ngoại tăng từ 24 tỷ USD năm 1979 lên đến 195,8 tỷ năm 1993, đưa Trung Quốc từ hàng thứ 32 lên hàng thứ 11 của thế giới.

Những con số phát triển xem qua rất hấp dẫn nhưng tình trạng xã hội, nạn hối lộ tham nhũng, sự cách biệt giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn mỗi ngày một trầm trọng. Liệu Trung

TIN TỨC..THỜI SỰ..TIN TỨC..

Quốc còn có ổn định sau ngày ông Đặng từ trần không? Đó là một chuyên khác.

Giang Trạch Dân gây thêm vây cánh

Sự tranh chấp quyền hành ở Trung Quốc ngày càng gay gắt và Giang Trạch Dân, nhân vật số 1, hình như đang thắng ván đầu. Tại lục địa, thế đứng của họ Giang được tăng cường. Với chức vụ chủ tịch quân ủy trung ương, Giang Trạch Dân vừa chỉnh đốn quân đội và thăng chức cho 19 tướng lãnh. Tuy nhiên sự trung thành của quân đội cũng tùy thuộc tương quan lực lượng giữa chính quyền trung ương và các tỉnh.

Trong hội nghị lần thứ 4 khóa 14, họp từ ngày 25 đến 29-9-1994 tại Bắc Kinh, nhóm Thượng Hải của Giang Trạch Dân được tăng cường ở Bộ chính Trị và Ban Bí Thư. Ngô Bang Quốc, tinh ủy Thượng Hải, ủy viên Bộ Chính Trị được đưa vào Ban Bí Thư cùng với Khương Xuân Vân, tinh ủy Sơn Đông. Thị trưởng Thượng Hải Hoàng Cúc cũng được vào Bộ Chính Trị. Thiết tướng cần nhắc lại là Bộ Chính Trị ở Đại Hội 14 đã có năm nhân vật gốc Thượng Hải; như vậy gần 1/3 ủy viên Bộ Chính Trị là người Thượng Hải.

Ngoài ra các ủy viên khác phần lớn thuộc các tỉnh miền duyên hải. Tỉnh Quảng Đông với ba đặc khu phồn thịnh, chiếm hơn 10% tổng sản lượng toàn nước chỉ có một đại diện. Điều này chắc chắn sẽ làm Quảng Đông không hài lòng. Hội nghị lần thứ 4 lại không đề cập đến chương trình cải tạo kinh tế đã được đưa ra trong năm qua, chỉ nhấn mạnh nên tăng cường "dân chủ tập trung" như trong thời kỳ Mao. Người ta có cảm tưởng là đảng cộng sản Trung Quốc đang co cụm lại, mất lòng tin của dân chúng, nhưng vẫn bám chặt chính quyền không khác gì đảng cộng sản Việt Nam.

Mô thức Trung Quốc bắt đầu bế tắc

Các nguồn tin tình báo Đài Loan cho hay là Đặng Tiểu Bình sắp chết. Một ủy ban đặc nhiệm do tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy chủ tọa đã soạn xong công điện phân ưu sau khi tin họ Đặng được loan báo. Công điện phân ưu sau đã được sửa lại để bỏ qua sự kiện Đặng ra lệnh tàn sát sinh viên tại Thiên An Môn.

Đặng Tiểu Bình sấp qua đồi vào giữa lúc mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" (độc tài về chính trị, tự do về kinh tế) đang đạt tới giới hạn của nó và bắt đầu để lộ những dấu hiệu khủng hoảng. Một cuộc kiểm tra trong tháng 9-1994 cho thấy có ít nhất 60.000 báo cáo kinh tế không đúng sự thật, hậu quả của trên ba mươi năm kinh tế hoạch định. Các quan chức địa phương tùy tiện bịa đặt các con số về tỷ lệ sinh đẻ, sản xuất, dự trữ, giá cả, thất nghiệp. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng tại các thành phố công nghiệp. Có những sai lầm do sự dốt nát của cán bộ, nhưng thường thì các con số được sửa chữa cho đúng chính sách. Số sản xuất được ghi tăng lên khi trung ương kêu gọi tăng trưởng hay hạ thấp xuống khi mục tiêu đề ra là giảm sản xuất để chống lạm phát. Kết quả là cấp lãnh đạo Trung Quốc điều khiển nền kinh tế với những dữ kiện sai.

Chính sách tự do kinh tế, độc tài chính trị cùng đùi tước đoạt quyền phái đối của xã hội dân sự trước bất công, khuyến khích tư bản rùng rú và làm tăng cao sự bất mãn của dân chúng. Một tình trạng xã hội như vậy tất nhiên là không bảo đảm phát triển

kinh tế, và kinh tế Trung Quốc bắt đầu khủng hoảng.

Lạm phát đã lên tới 25%/năm ở các thành phố lớn, mặc dù tỷ lệ phát triển vẫn ở mức 10%. Nạn thất nghiệp gia tăng mau chóng, hiện nay đã có trên 100 triệu người thất nghiệp, các chuyên gia dự đoán vào năm 2000 số người thất nghiệp có thể sẽ lên tới 200 triệu. Nông thôn hau như bị bỏ rơi nên số người cơ cực bỏ nông thôn về thành thị kiếm việc làm rất cao. Số người vô gia cư, vô nghề nghiệp hiện nay lên quá 80 triệu. Họ sống ngoài vòng pháp luật, vì thế nạn trộm cướp giết người gia tăng kinh khủng. Cướp bóc tăng 17% trong năm 1993, các vụ giết người tăng 20%.

Cuối tháng 9 vừa qua, một thanh niên thình lình sá súng AK47 bắn bừa bãi ngoài đường phố Bắc Kinh làm chết 10 người, trong đó có nhà ngoại giao Iran và đứa con trai 9 tuổi của ông này.

Mới đầu Cảnh sát Bắc Kinh tuyên bố đó là một người điên, về sau người ta khám phá ra rằng hung thủ là một trung úy quá phản nô về đồng lương chết đói của anh ta.

Một nhà bình luận nói rằng những tiếng súng của anh ta là điềm báo trước của những biến cố bi thảm hơn sắp tới.

Kim Chính Nhật bị chú "đoạt ngôi"

Khi Kim Nhật Thành mất ngày 8-7-1994, con là Kim Chính Nhật lè ra phải lên thay cha theo như sự xếp đặt sau 49 ngày để tang lễ nhưng thời gian tang lễ chính thức đã trôi qua, Chính Nhật vẫn chưa "lên ngôi", nghĩa là đảm nhận hai chức vụ cao nhất là chủ tịch nhà nước và tổng thư ký đảng cộng sản Bắc Triều Tiên. Sự nối ngôi này đang trực trặc? Nhiều lý do làm các quan sát viên chú ý là sự kiện này có thể xảy ra. Trước hết cơ quan tuyên truyền chế độ lăn đầu thông báo là Chính Nhật sẽ "thừa kế" cha sau khi chôn cất, sau lại nói phải đợi 49 ngày, rồi cuối cùng phải đợi 100 ngày. Sự kiện 100 ngày chỉ là cái có chẳng phù hợp gì với truyền thống Triều Tiên. Kế tiếp giữa tháng 8, nhiều truyền đơn chống đối sự nối ngôi được xuất hiện ở các Toà Đại Sứ ngoại quốc. Cơ quan tuyên truyền của chế độ liền cho đó là do cơ quan tình báo Nam Triều Tiên từ phi cơ thả xuống!

Trong một chế độ bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ các nguồn, cơ quan thông tin, truyền đơn trên chỉ có thể bắt nguồn từ trong chế độ. Người ta đồn là chính quân đội chủ xướng việc này. Đầu tháng 9-1994, Chính Nhật không những vắng mặt trước quần chúng mà còn vắng mặt cùng với bộ trưởng Bộ Quốc Phòng trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 46 ngày thành lập "Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên". Các nguồn tin quốc tế cho biết chính quyền Trung Quốc đã chuẩn bị nhiều trại tị nạn dọc theo sông Áp Lục (Ya Lu), biên giới giữa hai nước hầu dự phòng chặn đứng làn sóng tỵ nạn có thể có của dân Bắc Triều Tiên.

Lý do của sự trực trặc này bắt nguồn từ quân đội. Giới quân nhân đã bất mãn việc Kim Nhật Thành tấn phong con mình thành nguyên soái mặc dù Chính Nhật mù tịt chả biết gì về quân sự. Giới quân đội hình như muốn đem người em của Kim Nhật Thành là Kim Yong Ju lên đảm nhiệm chức vụ chủ tịch nhà nước. Giữa thập niên 1970, người em này được chỉ định thừa kế Kim Nhật Thành nhưng bị thất sủng. Giữa năm 1993, sau 18 năm vắng bóng người em được "bổ sung" vào Bộ Chính Trị và cuối tháng 12 năm 1993 đã trở thành Phó Chủ Tịch nhà nước.

Thật là một cái vòng luẩn quẩn. Con không thể cha thì em lại thế anh. Dòng họ Kim tiếp tục làm trò cười cho thế giới.

THỦ SƯ... TƯỚI

Tin giờ chót cho biết là Bắc Triều Tiên vẫn tiếp tục thách thức không cho tổ chức kiểm soát quốc tế về nguyên tử lực viếng thăm các trung tâm nguyên tử của mình. Tổng Thống Mỳ Clinton hăm dọa sẽ dùng biện pháp "cường bách" nếu Bắc Triều Tiên vẫn giữ thái độ "nửa đóng nửa mở" như từ trước đến nay.

Quân phiệt Miến Điện xin gặp bà Aung San Suu Kyi

Miến Điện, từ khi tướng Ne-win đảo chính năm 1962, đi theo "con đường xã hội chủ nghĩa". Từ một xứ phồn thịnh trong vùng, Miến Điện càng ngày càng tụt hậu. Thu nhập đầu người hiện nay thấp hơn năm 1986 và cơ cấu kinh tế của xứ không khác gì năm 1930! Công nghiệp chỉ chiếm 7,3% lao động và 12,3% tổng sản lượng quốc nội. Mậu dịch đối ngoại không hơn 1,5 tỷ USD và cán cân thương mại thâm hụt gần 500 triệu USD. Từ một xứ đứng đầu xuất cảng gạo trên thế giới, nay không nuôi sống nổi dân chúng.

Tự do dân chủ có dịp đưa xứ này ra khỏi châm tiếm để hòa mình với cộng đồng thế giới. Đó là cuộc thắng cử của bà Aung San Suu Kyi trong năm 1990 với hơn 80 % số phiếu. Trong một chế độ do quân phiệt nắm tất cả các guồng máy dân sự, quân sự, thông tin, tuyên truyền, sự thắng cử của bà Suu Kyi đã thừa sức chứng tỏ là dân chúng đã chán ghét chế độ quân phiệt. Không những không chấp nhận thua cuộc, nhóm quân phiệt lại bỏ tù bà Suu Kyi và đàn áp những người tranh đấu đòi dân chủ. Cộng đồng thế giới đã gay gắt lên án chế độ và đòi chính quyền phải trả tự do cho bà Suu Kyi, người đã được giải Nobel về Hòa Bình năm 1991; chỉ còn Bắc Kinh vẫn tiếp tục che chở cho chế độ quân phiệt.

Vừa qua, hai thành viên đầu não của quân phiệt, tướng Tan Shwe, chủ tịch "Hội Đồng Phục Hưng Luật Pháp và Trật Tự" (tên nghe rất kêu!) và tướng Khin Nyunt, trùm mạt vụ, đã xin gặp bà Suu Kyi ngày 20-9-1994. Người ta cũng không biết ý đồ của phe quân phiệt. Trả chính quyền cho bà Suu Kyi hay dùng bà để làm bình phong, giả dân chủ? Là một người đàn bà gương mẫu thiết tha với vận mạng đất nước và tự do dân chủ, bà Suu Kyi chắc sẽ không để chế độ quân phiệt lường gạt. Điều chắc chắn là chế độ quân phiệt đang ở bước đường cùng. Các nhà tư bản bản xứ và ngoại quốc làm áp lực đòi chế độ phải cải thiện về nhân quyền còn Bắc Kinh thì cho biết không thể "bao thầu" mãi chế độ bị dân chúng nguyên rủa!

Dân chủ thắng cử ở Hồng Kông

Thống đốc Hồng Kông, Kris Patten, vừa tổ chức phổ thông đầu phiếu để tuyển chọn 346 nghị viên do 2,5 triệu cử tri bầu ra sau khi chương trình cải cách dân chủ được nghị viện địa phương (LEGCO) chấp thuận với một phiếu đa số trong tháng 7. Thực ra vai trò các nghị viên này chỉ có tính cách tham khảo như về việc hốt rác hay đề phòng gió bão... Nhưng cuộc bầu cử có ý nghĩa chính trị vì dân chúng Hồng Kông đã chấp nhận chương trình cải cách dân chủ của thống đốc Patten đưa ra mà Bắc Kinh đã chống đối

TỰC... THỦ SƯ

Kết quả cuộc bầu cử ngày 18-9-1994 là hai đảng dân chủ đã thắng thế. Đảng Liên Minh Dân Chủ do luật sư Martin Lee đứng đầu chiếm 77 ghế, đảng Liên Minh cho Dân Chủ chiếm 28 ghế, tổng cộng hai đảng được 105 ghế. Đảng thân Bắc Kinh chỉ được 37 ghế còn đảng thân nhóm kinh tài được 30 ghế. Bắc Kinh vẫn tuyên bố là sẽ áp dụng quy chế "một nước, hai thể chế" sau 1997 để ru ngủ giới kinh tài Hồng Kông nhưng lại sợ bầu cử tự do. Nghĩ cho cùng, độc tài sợ tự do cũng có lý do của nó!

Dân chủ: 5 giai đoạn?

Ngày 27-8-1994, Hội đồng bầu cử thành phố Sài Gòn bầu ông Lê Khắc Bình, chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân và chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc thành phố, làm chủ tịch Hội đồng bầu cử. Ông Bình có nhiệm vụ đứng ra tổ chức bầu cử để chọn 85 đại biểu vào Hội Đồng Nhân Dân thành phố Sài Gòn.

Kế hoạch tổ chức bầu cử của Mặt Trận Tổ Quốc diễn tiến qua năm giai đoạn như sau.

- Giai đoạn 1, từ 8 đến 10-9-1994: *hội nghị hiệp thương lần thứ nhất* để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người ra ứng cử.

- Giai đoạn 2, từ 10 đến 20-9: *hội nghị đề cử người ra ứng cử* và xem xét, biểu quyết những *trường hợp tự ứng cử*.

- Giai đoạn 3, từ 24 đến 26-9: *hội nghị hiệp thương lần thứ hai* thỏa thuận sơ bộ danh sách người được đề cử và tự ứng cử.

- Giai đoạn 4, từ 27-9 đến 10-10: *hội nghị lấy ý kiến cử tri* nói làm việc và nơi cư trú của những người tự ứng cử và được đề cử.

- Giai đoạn 5, từ 15 đến 17-10-1994: *hội nghị hiệp thương lần thứ ba* để thỏa thuận danh sách ứng cử viên chính thức.

Người Việt tại Cam-bốt lâm nguy

Ngày 28-8-1994, quốc hội Cam-bốt đã thông qua luật nhập cư sau gần năm ngày thảo luận. Luật này được công bố khẩn cấp và có hiệu lực ngay sau khi được ban hành.

Luật nhập cư của Cam-bốt gồm 7 chương, 41 điều. Luật này chia người ngoại quốc ở Cam-bốt ra làm ba loại: người ngoại quốc không thuộc diện nhập cư, người ngoại quốc nhập cư và người ngoại quốc nhập cư đồng thời cũng là những nhà đầu tư tư nhân. Luật này cũng qui định những thủ tục chặt chẽ về các điều kiện được cho phép ra vào, di lại, cư trú và làm ăn trên lãnh thổ Cam-bốt áp dụng cho cả ba loại người ngoại quốc nói trên. Khắt khe nhất là những qui định đối với những người ngoại quốc nhập cư không phải là những nhà đầu tư.

Luật này không nói rõ thế nào là một công dân Cam-bốt, chỉ nói chung chung là có quốc tịch Cam-bốt. Những sắc dân thiểu số khác (Hoa, Thái, Chăm, Phnong, đông nhất là người Việt) sinh sống tại Cam-bốt không mang dòng máu Khmer đều bị coi là người ngoại quốc.

Dư luận quốc tế và Việt Nam bày tỏ sự lo ngại về những hậu quả mà người ngoại quốc, chủ yếu là người Việt Nam, phải gánh chịu. Như vậy chính quyền Phnom Penh có quyền lực rộng lớn để xua đuổi người Việt ra khỏi biên giới một cách tùy tiện, những người này đã và đang là nạn nhân của các phe tranh quyền tại

TIN TỨC..THỜI SỰ..TIN TỨC...

Cam-bốt.

Ngay khi dự luật được thông qua, tại một số khu vực ở Phnom Penh, nhiều gia đình người Việt bị hăm dọa, có nơi còn thúc ép những người này bán nhà cửa, tài sản với giá rẻ để trở về Việt Nam. Tại nhiều nơi khác, cảnh sát Cam-bốt đến tống tiền những gia đình người Việt chưa làm thủ tục hồi hương. Phe Khmer đỏ còn tổ chức bắt cóc, ám sát nhiều gia đình người Việt Nam tại Kompong Chnăng.

Chính phủ và Bộ Ngoại Giao Việt Nam đã lên tiếng phản đối dự luật này nhưng quốc hội Cam-bốt không lưu ý đến.

Từ khi lén cầm quyền tháng 11-1993, Sihanouk không ngừng lên tiếng sỉ trục xuất người Việt ra khỏi Cam-bốt. Lời hăm dọa này được cả bốn phe Khmer cầm quyền công khai hoặc ngầm ủng hộ. Trục xuất người Việt Nam là mâu thuẫn của các lực lượng chính trị Cam-bốt. Hàng ngàn gia đình người Việt Nam đã dùng ghe thuyền di tản về vùng biên giới trên hai sông Hậu và sông Tiền lánh nạn. Chính quyền cộng sản Việt Nam không cho phép các gia đình này vào định cư và chính quyền Cam-bốt cũng không cho phép họ trở về thôn xóm cũ quanh Biển Hồ làm ăn; họ đã sống giữa hai biên giới từ đầu năm 1994 đến nay.

Hiện nay có khoảng 400.000 người Việt đang làm ăn sinh sống trên đất Cam-bốt. Con số này không lấy gì làm chính xác: lúc còn đương quyền, Hun Sen cho biết có hơn một trăm ngàn người Việt sinh sống tại Cam-bốt, Sihanouk nói có hơn nửa triệu người Việt, phe Khmer đỏ đưa ra con số trên một triệu.

Thiếu thày, thiếu trườ... ng

Bắt đầu năm học 1994-1995, miền Nam thiếu rất nhiều giáo viên và phòng học.

Tỉnh Tây Ninh thiếu 1.100 giáo viên, trong đó cấp 1 thiếu 660 người, cấp 2 thiếu 250. Tỉnh Long An thiếu gần 500 giáo viên cấp 1. Tỉnh Đắc Lắc thiếu 2.416 giáo viên các cấp. Chỉ tính riêng ở một huyện tỉnh An Giang, huyện Phú Tân thiếu 50 giáo viên cấp 1. Các huyện ngoại thành Sài Gòn thiếu hơn 800 giáo viên cấp 1 và cấp 2.

Tình trạng thiếu phòng học và bàn ghế cũng rất trầm trọng. Trong năm học mới, tỉnh Đắc Lắc cần thêm 800 phòng học và 8.000 bộ bàn ghế, nhưng toàn tỉnh chỉ làm thêm được 300 phòng học và 650 bộ bàn ghế. Tại Sài Gòn, việc xây dựng và sửa chữa trường lớp còn rất chậm, chỉ có 28% số công trình được thực hiện. Cũng nên nhắc lại là trong vài năm vừa qua, các quận huyện trong thành phố đã bán hoặc cho các công ty ngoại quốc thuê các trường lớp gần các trục điểm giao thông lớn để làm cơ sở kinh doanh.

Xuất khẩu phụ nữ

Báo Lao Động số ra ngày 4-9-1994 cho biết Hội Liên Hiệp Phụ Nữ vừa ký hợp đồng với Công ty Dịch vụ Lao động Quốc tế và Cục Hợp tác Quốc tế về Lao động (Bộ Lao động và Thương binh) xuất khẩu 39 phụ nữ sang làm các công việc "tạp vụ gia đình" (đày tớ hay người ở) với thời hạn 24 tháng, nhưng thời hạn này có thể kéo dài thêm. Đây là đợt đầu tiên, thí điểm về hợp tác lao động nữ giữa Việt Nam và Liban, tạo tiền đề cho việc ký những hợp đồng lao động tiếp theo.

Liban là một trong những quốc gia đang có tranh chấp giữa các phe Hồi giáo quá khích và phe Công giáo. Hiện nay phe Hồi giáo đang chiếm ưu thế trong chính quyền và ngoài xã hội (62% trên tổng số 3 triệu dân). Đối với người theo Hồi giáo, vai trò của phụ nữ trong xã hội chỉ là thứ yếu, họ chỉ có nhiệm vụ ở trong nhà, cống hiến xác thịt cho lang quân và sinh con đẻ cái. Phụ nữ Liban còn nổi tiếng là đẹp. Hơn nữa Liban không thiếu phụ nữ để làm những công việc đơn giản.

Thực chất của những hợp đồng này là gì? Xuất khẩu lao động sang Liban để thu về ngoại tệ là điều dễ hiểu nhưng đưa phụ nữ Việt Nam sang làm "đày tớ", thực chất là cung cấp xác thịt để đàn ông Liban giải trí, cho thấy chính quyền cộng sản hiện nay đã không còn gì để bình phẩm nữa. Họ đang làm nhiệm vụ "đưa người cửa trước, rước người cửa sau".

Công nhân Việt Nam bị chủ ngoại quốc kèm kẹp

SMI (Saigon Immobilier International) là một công ty liên doanh giữa công ty Debejarry, Pháp, và Xí nghiệp Đồ Gỗ xuất khẩu thuộc Sở Lâm Nghiệp Sài Gòn. Lúc 16 giờ ngày 3-6-1994, tổng giám đốc người Pháp, Georges Wache, vào phòng xưởng nói qua người thông dịch là "mời" tham dự trò chơi phát vé xem phim. Theo đó, Wache kẹp đầu một công nhân vào háng, nếu nói "có" thì được phát vé, không thì thôi. Công nhân Phạm Đức Thoại (tổ mộc máy) bị gọi lên đầu tiên và sau ba phút bị kẹp, Thoại nói "không". Wache cho gọi hai công nhân khác, Trần Văn Hòa (tổ chạm cẩn) và Nguyễn Hoàng Giang (tổ mộc tay) lên, mỗi người bị kẹp mười phút. Ba thanh niên này cảm thấy rất nhục nhã vì bị đồng nghiệp trêu ghẹo nhưng không dám phản đối chủ vì sợ mất việc.

Dư luận chỉ biết khi Trần Anh Dũng, một cán bộ phụ trách thiết kế, làm đơn xin từ chức và tố cáo trên báo chí sự việc kể trên. Phóng viên Minh Hùng - Đăng Lân, báo Lao Động ngày 6-9-1994 hỏi các nạn nhân tại sao lại để cho chủ ngoại quốc kẹp đầu vào háng như vậy, Thoại nói vì sợ làm trái ý chủ sẽ bị đuổi việc. Hành vi xúc phạm nhân phẩm người Việt của Wache cho đến nay không ai chịu trách nhiệm giải quyết, kể cả Công Đoàn Thành Phố.

Sáng 26-8-1994, gần 200 công nhân hàng Sagoda 3 lại đình công vì bị chuyên gia Đài Loan úc hiếp. Nguyên nhân là một chuyên gia Đài Loan tự ý đuổi cô Phạm Kim Loan vì đã dám cãi lại. Giám đốc xí nghiệp, ông Nguyễn Hữu Thái, không những không dám có thái độ với chuyên gia kể trên mà còn ra lệnh tạm ngưng việc cô Loan ba ngày để làm kiểm điểm. Sagoda là một xí nghiệp quốc doanh may túi xách da cho Đài Loan, chủ chính thức là nhà nước nhưng các phân xưởng đều do người Đài Loan trực tiếp điều khiển. Những người này có quyền điều động, không cho nhiều công nhân có lý do chính đáng nghỉ ốm, nghỉ phép và nhất là muốn đuổi ai thì đuổi. Từ đầu năm 1994 đến nay, công nhân Sagoda 3 phải làm việc liên tục từ 10 đến 12 giờ mỗi ngày, đồng lương thấp, định mức khoán sản phẩm cao, môi trường làm việc nóng bức... Điều đáng nói là trong cuộc đình công này không thấy đại diện công đoàn nào đến can thiệp.

THỜI SỰ..TIN TỨC..THỜI SỰ..

Trong khi công nhân Việt Nam bị chủ ngoại quốc lăng nhục, ban giám đốc Công Đoàn Sở Công Nghiệp Sài Gòn gởi công văn đến các xí nghiệp trực thuộc đề ra các biện pháp ngăn ngừa đình công. Nội dung nhắm vào ba đối tượng chính: giám đốc, công đoàn và người lao động. Giám đốc cần quan tâm giải quyết có hiệu quả các tranh chấp nội bộ; công đoàn phải tổ chức tốt việc giáo dục chính trị tư tưởng cho công nhân; người lao động phải gắn bó với xí nghiệp và giữ gìn nội quy kỷ luật lao động. Qua tinh thần công văn này, chính quyền thực sự xác nhận vai trò làm trung gian cai thầu của mình: thay mặt chủ nước ngoài khai thác sức lao động của công nhân Việt Nam.

Môi trường bị phá hoại và ô nhiễm

Hồ Tây là một thắng cảnh nổi tiếng của thành phố Hà Nội nhưng Hồ Tây bị ô nhiễm đến mức báo động. Nguyên nhân chính là do lượng chất thải từ các nhà máy và hộ dân sinh sống quanh hồ đổ vào các ống cống dẫn ra hồ. Thêm vào đó, lượng bèo phủ trên mặt hồ ngày càng dày đặc và công ty nuôi thủy sản thả quá nhiều thức ăn cho cá khiến độ ô nhiễm tại đây cao hơn 900 lần so với mức độ có thể chấp nhận được.

Quảng Bình là một dãy đất hẹp miền Trung, tài nguyên duy nhất của tỉnh là gỗ quý: lim, mun. Nhưng gỗ quý ở Quảng Bình ngày càng hao kiệt đi do nạn khai phá bừa bãi phát xuất từ dân chúng, cơ quan nhà nước và chính quyền. Chỉ riêng huyện Thanh Lâm mỗi năm khai thác khoảng 3.000 m³ gỗ. Một cây mun trung bình cung cấp khoảng 1 m³ gỗ. Mỗi ngày có hàng người vào rừng đốn cây rồi dùng trâu kéo gỗ quý ra bìa rừng bán, đôi khi họ còn hành hung nhân viên kiểm lâm. Gỗ quý được chở bằng xe tải hay xe lửa vào Nam hay ra Bắc. Ngày nay nhiều khu vực sát chân dãy Trường Sơn, như tại Rào Nan, chỉ còn lại những bãy đất khô mọc đầy cỏ úa.

Trà Khúc, con sông lớn nhất tại **Quảng Ngãi**, cũng bị ô nhiễm nặng bởi hai nguồn chất thải công nghiệp và dân dụng. Quảng Ngãi không có hệ thống thanh lọc nước thải nên mỗi ngày có khoảng 10.500 m³ chảy ra sông. Nhiều lò thủy sản qui hiệm đã bị diệt chủng. Tôm bột, mực ống, cá thái bai, cá bóng gần như bị tiêu diệt, không còn thấy xuất hiện ở cửa sông. Dân cư sinh sống bằng nghề bắt hải sản tại đây đang có nguy cơ thiếu đói.

Theo số liệu khảo sát gần đây, **Bình Định** còn khoảng 143.120 ha rừng. Nhưng mỗi năm Bình Định mất từ 2.500 đến 3.000 ha rừng, với đà này thì trong vòng 50 năm nữa Bình Định sẽ không còn rừng. Chỉ trong 9 năm, hơn 20.000 ha rừng tại đây đã bị phá hoại không tái tạo lại được. Nhiều khu rừng rộng lớn bị phá để trồng cây bạch đàn xuất khẩu. Thân cây bạch đàn được dùng làm nguyên liệu để sản xuất giấy.

Cá tôm quanh khu vực **Cần Giờ**, ngoại ô Sài Gòn, đã biến mất vì bị ô nhiễm dầu. Chính quyền xã Tam Thôn Hiệp đang nghiên cứu kinh phí nạo vét phần đất bùn ở đáy sông bị ô nhiễm dầu để gully dựng lại đàn tôm. Nhiều hộ dân sống bằng nghề bắt tôm cá đã chuyển sang nghề đốn củi. Mỗi ngày có hàng ngàn người đổ bộ lên các vùng sinh lầy chặt đốn cây rừng về làm củi bán. Nhiều vùng đất lớn trước kia là rừng cây nay trơ ra nền đất sinh lầy vào mùa mưa, khô cằn vào mùa nắng. Rừng tràm và rừng mắm chán nước mặn gần cửa biển bị hao kiệt nặng, tôm cá mất nơi trú ẩn đã bỏ đi nơi khác. Nguy nhất là nạn đất trùi lở vì không còn cây rừng

chắn giữ., đất sình tuôn ra lòng sông làm cản trở sự lưu thông của tàu bè qua lại trong vùng.

Bệnh đường ruột đang lan tràn trong các hộ dân tỉnh Đồng Tháp. Vào mùa khô cứ 100 ml nước có từ 1.000 đến 4.000 vi khuẩn fecal coliform-s (một loại vi khuẩn gây bệnh tiêu chảy, tả lị), vào mùa nước có từ 6.000 đến 240.000 con. Theo điều tra của cơ quan y tế, có khoảng 80-85% hộ dân tỉnh Đồng Tháp dùng nước sông rạch, ao hồ đang bị ô nhiễm.

Quân 6 Sài Gòn

Quận 6 không phải là một quận lớn của Sài Gòn, dân số 220.000 người, nhưng tiềm năng kinh tế ngoài quốc doanh của quận rất lớn: 6 công ty cổ phần, 106 công ty trách nhiệm hữu hạn, 64 doanh nghiệp tư nhân, 10 tổ hợp sản xuất và hơn 9.800 hộ kinh doanh cá thể. Hàng năm quận 6 thu về hàng chục tỷ đồng cho ngân sách do các khoảng thuế đánh trên các loại doanh nghiệp.

Về quốc doanh, trong năm 1993, quận có 12 công ty, trong đó công ty chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương nợ 230 tỷ, lỗ hơn 100 tỷ, quận đã giao lại thành phố từ tháng 11-1993. Trong số 11 công ty còn lại này (tổng số vốn 11 tỷ, tổng diện tích mặt bằng gần 49.756 m², 1.020 nhân viên, quỹ tiền lương 5,4 tỷ), chỉ hai công ty làm ăn có lời, đó là công ty xuất nhập khẩu Bình Tây và công ty xuất nhập khẩu dịch vụ tiêu thụ công nghiệp: lời 3,4 tỷ (1993). Nhưng 11 công ty chỉ nộp 1,56 tỷ vào ngân sách, như vậy 9 công ty kia không những làm ăn không có lời mà còn làm thiệt hại 1,84 tỷ. Nếu lấy 11 tỷ đồng vốn gửi vào ngân hàng thì số tiền lời (3%/tháng) sẽ dư trả cho 1.020 nhân viên trong một năm (lương trung bình 400.000 đồng/tháng/người), nhà nước hưởng toàn bộ số lợi nhuận 3,4 tỷ đồng đó, chưa kể khoảng tiền thu được khi cho thuê gần 50.000 m² mặt bằng của các công ty. Hơn nữa các đơn vị này chiếm giữ các địa điểm tốt ở các khu vực trung tâm, đầu mối giao thông, giá thuê mặt bằng tại những nơi này rất cao, đó là chưa kể các khoản thuế phát sinh từ hiệu quả kinh tế do việc cho thuê các mặt bằng này mang lại.

Từ thí dụ của quận 6, có nên duy trì hệ thống kinh tế quốc doanh tap nhap trên toàn quốc hay không?

Nơi an nghỉ cuối cùng

Theo phát giác của công an thành phố Huế, lăng mộ Định Viên quận công cho đến nay đã bị đào trộm lần thứ 21. Một phần của Định Viên nay bị hư hại nặng và mất đi nhiều vật quý.

Định Viễn (1797-1863), tước quận công, là con trai thứ sáu của vua Minh Mạng. Ông là một người giỏi mua bán nên thuở sinh tiền là một người giàu có. Vua Minh Mạng, rất hài lòng về hoàng tử thứ sáu này, đã từng nói: "Phú bát như Định Viễn" (giàu không ai bằng Định Viễn). Theo gia phả Nguyễn Phước tộc, Định Viễn có 15 vợ, 31 con trai và 42 con gái. Sau khi chết ông được con cháu xây cho một lăng mộ đẹp tại làng Nguyệt Biều, Thừa Thiên. Biết ông hoàng Định Viễn giàu, gia đình đã chôn theo nhiều của cải nên kể gian đã không ngừng đào bới, xâm phạm mộ phần của ông để tìm kiếm vàng và đồ châu báu. Ngày 6-3-1990, tám người đào trộm mồ lần thứ 20 đã bị bắt, mỗi người bị xử trung bình ba năm tù giam. Cho đến ngày 8-7-1994, gia

TÙM TỨC... THỜI SỰ... TÙM TỨC...

định mới hay có kẻ đã đào trộm lần thứ 21, có lẽ đã xảy từ tháng 6-1994. Sau khi điều tra, người ta phát giác kẻ gian đã lấy đi một số vàng bạc và đá quý, quan tài và cốt của Định Viễn bị đập nát để lại trong hầm mộ một xương sọ và nhiều mảnh xương vụn.

Buôn lậu tại biên giới Tây Ninh

Đòn Xa Mát là cửa khẩu nằm trên tuyến lộ 22 từ Tây Ninh đi Kongpong Cham là nơi bắt được nhiều vụ buôn lậu lớn. Hàng hóa được đưa đến bến kia cửa khẩu, chờ tối trời và nhất là vào những đêm mưa được chuyển lậu vào địa phận Việt Nam. Chợ Xa Mát trước đây chỉ là một chợ nhỏ lèo tèo vài quán cơm bình dân nay hoạt động rất sầm uất và những tệ nạn xã hội cũng theo đó mà lan tràn. Vàng, ma túy, xe cộ, hàng hóa đủ loại được vận chuyển lậu qua những đồn biên phòng như Phuốc Chỉ, Mộc Bài... Lạch Ghe trước đây như tên gọi chỉ là một con lạch nhỏ, mùa khô cạn nước, mùa mưa chỉ có ghe nhỏ đi qua được, nay con lạch được mở rộng thành con kinh lớn chạy dọc theo biên giới ăn thông ra sông Vàm Cỏ, là con đường chuyển hàng lậu lợi hại, ghe máy có công suất lớn qua lại dễ dàng.

Người ta tự hỏi ai là người có thẩm quyền mang máy móc vét nạo để biến con lạch nhỏ thành hẵn một kinh lớn để dân buôn lậu chuyển hàng được dễ dàng? Phải chăng dân buôn lậu đã làm việc đó hay thực ra các cán bộ chính quyền đang giúp buôn lậu? Những người lính gọi là chiến sĩ biên phòng đang công tác tại đây mà có người bị dân buôn lậu đánh chết, có phải là nạn nhân của chính cấp trên của họ?

Giải thể nhà trẻ

Những người còn ở lại Việt Nam sau 1975 đều được thấy những chương trình rầm rộ về việc mở mang nhà trẻ để "giải phóng các bà mẹ" - như ngôn từ của người cộng sản - nay không khỏi buồn cười khi biết chính sách "đổi mới vẫn như cũ" của chính quyền. Hiện nay đang có một chiến dịch cũng rầm rộ không kém lúc đầu nhằm giải thể hàng loạt các nhà trẻ, nhất là những nhà trẻ tại các cơ quan xí nghiệp. Những bà mẹ có con gửi tại các nhà trẻ này đang lên tiếng kêu cứu, vì với số lương ít ỏi họ không thể thuê người giữ con. Để trả lời cho những nguyên vọng này, một số lãnh đạo cơ quan, xí nghiệp đã tuyên bố: "Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là sản xuất, kinh doanh, việc duy trì hoạt động của nhà trẻ, mẫu giáo trong cơ quan khó thực hiện được vì thiếu kinh phí. Đơn vị đã có trách nhiệm đóng góp với xã hội rồi nên không nhất thiết phải đóng góp thêm một lần nữa cho phúc lợi xã hội", "phải thu hẹp nhà trẻ, mẫu giáo để lấy mặt bằng cho sản xuất kinh doanh".

Việc này cho thấy đối với người cộng sản khi cần tiền thì tình chẳng còn nghĩa lý gì nữa.

Thủ đô tráng lệ

Sau những trận mưa liên tiếp trong hai ngày 29 và 30-8-1994, toàn bộ thành phố Hà Nội bị ngập nước. Hệ thống giao thông bị tắc nghẽn, rác rưởi và mùi hôi thối từ các ống cống tràn lên gây

ô nhiễm nhiều khu phố. Trên 40 đường phố, khu gia cư trong thành phố bị ngập 30 cm nước. Các khu vực Thanh Nhàn, Bach Mai, Quang Trung, Trần Quốc Toản, Ga Hàng Cỏ, Kim Liên, Tân Mai, Trường Định, nước ngập trên 60 cm, có nơi 80 cm. Mực nước ở tất cả sông, mương hồ dâng lên 50 cm. Khu vực Hồ Tây, bèo tràn trối phủ lấp các công viên ven bờ. Tại các ao hồ khác trong thành phố, rác rưởi và chất thải từ các khu vực gia cư và nhà máy cũng tràn lên nằm quanh bờ gây lầy lội, đường phố trơn trượt, sự di lại rất là khó khăn. Ở ngoại ô, mực nước sông Nhuệ dâng lên 5,7m gây ngập úng trên 3.300 ha. Hệ thống cấp điện huyện Từ Liêm không hoạt động được.

Tin vắn

Bác Hồ khó xài

Chính quyền và các công ty quốc doanh tại Sài Gòn đã quyết định sử dụng tên Sài Gòn thay cho danh xưng thành phố Hồ Chí Minh trên nhãn hiệu của các sản phẩm. Lý do: tên Hồ Chí Minh làm cho sản phẩm khó bán.

Khôi hài

Trả lời câu hỏi của đài truyền hình Úc "Máy và chủ tịch Hồ Chí Minh có tiền liệu được và có hài lòng về biến chuyển của xã hội Việt Nam không?", ông Phạm Văn Đồng đã cười lớn và nói: "Câu hỏi của ngài ngộ nghĩnh và có phần khôi hài". Ông nói tiếp Việt Nam vẫn trung thành với Máy và Hồ Chí Minh và chính sách đổi mới hiện nay hoàn toàn phù hợp tư tưởng của hai vị này.

Nhắc lại ông Phạm Văn Đồng năm nay 88 tuổi, đã làm thủ tướng gần 40 năm và hiện vẫn còn giữ chức vụ cố vấn cho Bộ Chính Trị. Việc làm đáng ghi nhớ nhất của ông Đồng là ngày 14-9-1958, ông đã gửi công hàm cho Chu Ân Lai nhìn nhận bản tuyên bố về lãnh hải của Trung Quốc, trong đó Trung Quốc coi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của họ.

Nước Đức nỗi giận

Nước Đức lên án chính quyền Hà Nội là cố ý gởi người bất hợp lệ sang Đức để buôn lậu và trì hoãn trong các cuộc thương thuyết tìm giải đáp cho vấn đề này. Đức đã trả đũa bằng cách ngưng mọi viện trợ cho Việt Nam cho đến khi Hà Nội tỏ ra có thiện chí.

Có gì

Một đảng viên trung cấp sang công tác tại Paris có tiệp xúc với Thông Luận và cho hay chi bộ của anh đã được học tập là đảng cộng sản Việt Nam sẽ chấp nhận đa nguyên đa đảng trong Đại hội VIII sắp tới. Các đảng viên được học tập là phải làm kinh tế để làm giàu; nếu "có gì" xảy ra không được than "tôi tận tụy với Đảng, đến bây giờ chẳng có gì?". Từ đây tới đó các đảng viên phải cố gắng để "có gì" cho mình.

Sai sót và lỗi chính tả

Thông luận là một trong mấy tờ báo mà tôi thích đọc. Bởi vì:

1) Số nào cũng có những bài hay, mỗi bài một vẻ. Xin *khen chung* và *khen riêng* mấy chấm lủng lơ của L.M. Chân Tín (Số tháng 7 và 8 - 1994, tr. 4, cột 2 - sau chữ *ai*, trước chữ *và*). Nếu viết ra chữ thì không hay bằng chấm chấm như vậy. "*Tiếng tơ lặng ngắt bấy giờ càng hay*" (*Thủ thời vô thanh thắng hữu thanh - Tỳ Bà hành*).

2) Quý bạn biết tôn trọng bạn đọc nên thường có những bài *góp ý* chân tình. Bài của ông Phạm Ngọc Trường (Số tháng 7 và 8 - 1994, tr. 31) là một ví dụ.

- Phạm quân nói: "*nên tránh gạch dưới vì độc giả nghĩ là mình bị xúc phạm...*" May nhở không biết nên khi đọc những chữ có gạch dưới tôi chẳng bị xúc phạm gì cả.

"*Thuộc thi số nào cũng có sự sai sót về in ấn...*" Ông Phạm nói rất đúng. Nhưng nếu so sánh với một số sách báo khác - cả trong và ngoài nước - thì về mặt sai sót và nhiều lỗi chính tả, Thông Luận chưa phải là hạng nhất nhì đâu. Tôi chia sai sót ra làm hai loại:

a) **Sai** vì khéo bắn in không kỳ. Với những tay làm báo "chùa", chỉ làm vào buổi tối và ngày nghỉ, lại phải lo ra kịp thời hạn, thì loại sai này chỉ có thể làm giảm đến mức thấp nhất chứ khó làm sạch được hoàn toàn.

b) **Sai** vì người viết bài hay phàn nhiều là do người đánh máy tưởng là đúng. Người đọc - có khi cả tác giả - có thấy cũng "ngại" không muốn nói ra (kẻ viết mấy hàng này không mấy ai ưa vì hay nhặt đá ném ra biển). Xin nêu vài từ gốc Hán làm ví dụ:

* **sáng lạn** (Số tháng 7 và 8 - 1994, tr. 17, cột 1). Nếu viết xán lạn thì đúng chính tả hơn. Chỉ quý ông viết sai thôi, chứ bà Quản Mỹ Lan viết đúng xán lạn (Số tháng 9 - 1994, tr. 11, cột 1).

* **sát nhập** (Số tháng 4 - 1994, tr. 8, cột 2 - hai lần). Tôi vừa đọc tờ báo bên Mỹ họ viết **xát nhập** thì còn sai nặng hơn nữa. Chữ Hán là **sáp nhập**.

* **cấu kết**. Từ này thiên hạ viết sai cung nhiều. Trên Thông Luận thì số nào cũng có một đôi lần. Chữ Hán viết là **câu kết**. *Không có câu kết*. Có từ **kết cấu** nhưng hoàn toàn khác với **câu kết**.

Paris, 9 - 94 Nguyễn Hữu Thành

Không đồng ý lầm

Đọc Thông Luận số tháng 9/94, tôi có mấy ý kiến sau đây:

1. Vấn đề tranh luận về cụm từ "Nhà Nước Pháp Quyền" tuy hay và rất "académique" nhưng khô khan và quá dài, không hợp với khuôn khổ của Thông Luận.

2. Mục Sở Tay: "Tại sao họ khóc?". Tôi ngạc nhiên về ý kiến của Phù Du (phản phong vấn tướng tượng anh Hân). Một thiểu số có thể vong thân, nhưng cả một dân tộc không thể lai vong thân. Đó là lý do tại sao hệ thống cộng sản thế giới phải sụp đổ.

3. Mục Tạp ghi: Tôi không đồng ý lầm với anh Kiểng về cách giải thích hai cụm từ "diễn tiến hòa bình" và "diễn biến hòa bình". "Diễn tiến" là xảy ra theo từng bước xác định. Trong khi "diễn biến" diễn ra một cách tiệm tiến và không nhất thiết phải theo từng bước xác định. Vì vậy điều chúng ta đang muốn xảy ra tại Việt Nam là một "diễn biến hòa bình".

Trần Văn Sơn (Hoa Kỳ)

LTS: Việc tranh luận chỉ chiếm 1/8 nội dung tờ báo nên chúng tôi nghĩ là vẫn còn ở trong tỷ lệ độc giả thích đọc loại bài đó. Xin anh Sơn thông cảm.

Thư cáo lỗi

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi chân thành cảm ơn quý vị đã mua báo Thông Luận dài hạn trong thời gian qua.

Chúng tôi rất tiếc đã có nhiều khuyết điểm về việc quản lý nhất là về mặt ghi nhận thời hạn mua báo trong ba tháng vừa qua. Có những độc giả đã gửi chi phiếu trả giá hạn đặt mua báo nhưng vẫn còn nhận được giấy đòi tiền.

Vì người quản lý cũ của chúng tôi là anh Lê Văn Đăng đột ngột qua đời và anh lại là người thủ quỹ nên chúng tôi chưa kịp điều chỉnh tình trạng. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng các độc giả ở vào các trường hợp nói trên và rất tin tưởng ở sự cảm thông của quý vị.

Để nhanh chóng chấm dứt sự xáo trộn này, chúng tôi sẽ :

- Gởi biểu mẫu báo chí tất cả những độc giả mà chúng tôi nghĩ rằng đã hết hạn.

- Chính đốn và bỏ túc lại hồ sơ độc giả bằng các phương tiện hiện đại và xin quý vị tiếp tay giúp chúng tôi hoàn chỉnh lại hồ sơ bằng cách điền vào "Phiếu đặt mua báo hoặc điều chỉnh" đính kèm số báo này, nếu thấy có sai lầm.

Thông Luận vốn có tham vọng là một diễn đàn chính trị của mọi người, trong đó không có vấn đề nào cấm bàn đến cũng như không có ý kiến nào cấm nêu ra. Thông Luận có vùi việc xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên cho Việt Nam, trong tinh thần hòa giải; hoà hợp dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động.

Nếu nhận thấy một tờ báo như tờ Thông Luận cần được giúp đỡ, xin quý vị ủng hộ chúng tôi bằng cách đặt mua báo dài hạn, và giới thiệu với bạn bè. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Thông Luận

Sở Tay

THE END

Thế là ông Lê Quang Đạo lén làm chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc và ông Nguyễn Hữu Thọ lững thủng về vườn. Hình như chẳng ai quan tâm đến cái không-biến-cố này. Trừ tôi.

Tôi vẫn chờ đợi ở ông Nguyễn Hữu Thọ một cái gì đó. Không lẽ chỉ có vậy thôi sao? Nhưng bây giờ thì tôi đành phải nhìn nhận sự thật phũ phàng: chỉ có thể. Thân thế và sự nghiệp của ông Thọ tầm thường một cách phi thường.

Ông xuất hiện đột ngột cách đây bốn mươi năm với Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình, rồi ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam. Ông vượt ngục và trở thành chủ tịch Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. Khi Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam được khai sinh (còn có ai nhớ là đã có Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam không?), ông làm chủ tịch, nghĩa là ông có danh vị một quốc trưởng. To thật. Cái nước cộng hòa không bao giờ có này bị khai tử ngay sau khi nó được coi là đã toàn thắng và ông trở thành phó chủ tịch quốc hội, rồi phó chủ tịch nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và bất ngờ trở thành quyền chủ tịch nước. Thế là ông làm "quốc trưởng" tới hai lần. Sau đó ông làm chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc cho đến bây giờ.

Cuộc đời ông Nguyễn Hữu Thọ có ít nhất ba nét độc đáo.

Ông suốt đời làm bù nhìn. Ông làm chủ tịch bù nhìn cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, rồi quốc trưởng bù nhìn của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, làm phó chủ tịch bù nhìn của quốc hội bù nhìn, làm quyền chủ tịch - tội nghiệp thay cho chữ "quyền" - nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, sau cùng làm chủ tịch bù nhìn của Mặt Trận Tổ Quốc. Bây giờ về hưu ông vẫn còn giữ chức vụ bù nhìn hão chủ tịch danh dự Mặt Trận Tổ Quốc. Như thế là ông đã và sẽ làm bù nhìn cho đến hơi thở cuối cùng. Phải nói ông là một chuyên gia bù nhìn rất yêu nghề.

Ông suốt đời buôn đồ giả. Ông là luật sư nhưng lại phục vụ cho một đảng ngòi xombok lên luật pháp. Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình của ông chỉ là một chuẩn bị tâm lý cho chiến tranh. Cái Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam của ông thì đã có chứng nhận rõ ràng là đồ giả. Suýt nữa tôi quên là trong thời gian này ông còn giả hiệu "quốc gia", ông thề sống thề chết không phải là cộng sản, chỉ chiến đấu vì lòng yêu nước để chống "Mỹ Ngụy", rồi sau này chính ông khai ra là đã gia nhập đảng cộng sản từ lâu. Còn Mặt Trận Tổ Quốc thì tùy ngôn ngữ của mỗi người có thể gọi nó là cây bón sai hay là một dịch vụ mãi dâm chính trị chứ nhất định không phải là một mặt trận và cũng không có vấn đề tổ quốc.

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Ông không bao giờ có tâm sự. Người ta chỉ đâu ông ngồi đó, người ta bảo sao ông làm vậy. Và người ta làm tất cả cho ông. Người ta lập Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình cho ông. Người ta tổ chức vượt ngục cho ông, người ta tiểu thuyết hóa cuộc vượt ngục này hộ ông, người ta lập Mặt Trận Giải Phóng, Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và cho ông làm chủ tịch, người ta sắp xếp cho ông làm chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc. Tất cả đều có kịch bản sẵn cho ông. Và khi diễn tiến không xảy ra đúng như kịch bản, ông ngoan ngoãn đóng lại theo lệnh đạo diễn mà không có ý kiến nào cả. Việc ông làm quyền chủ tịch nhà nước là điều không có trong kịch bản, mà chỉ là một sự cố kỹ thuật vì ông Nguyễn Lương Bằng không ngờ chết trước ông Tôn Đức Thắng. Được ít lâu người ta sắp xếp lại, bảo ông đi chỗ khác chơi, ông không hề phiền lòng, ông biết ông chỉ là một kép hát. Thờ Phật thì ăn oàn, phục tùng đảng thì được bồi dưỡng.

Kể ra chịu nhịn nhục cũng là một tính tốt. Thích làm bù nhìn và thích chơi đồ giả là quyền của mỗi người. Có người này người nọ, có người từ chối danh vọng thực thì cũng phải có người ham mê danh vọng hão. Có điều là ông không chơi đồ giả mà buôn đồ giả. Và đằng sau những vở hài kịch mà ông đóng vai vua đã có một cuộc chiến đẫm máu trước đây và vô số tù nhân chính trị bảy giờ. Ông không có bần lĩnh chính trị nhưng ông lại lạc vào đó để làm trò chơi cho những người nham hiểm. Thiếu gì những đời người phù phiếm và vô nghĩa, nhưng cuộc đời phù phiếm và vô nghĩa của ông lại bồng bềnh trên một biển máu và nước mắt.

Tôi không là một con người có ăn học có thể nhảm nhí đến thế được nên vẫn nghĩ là có lúc ông sẽ phải có phản ứng, một lời tố giác chẳng hạn. Con giun xéo mãi cũng quằn huống hồ là một con người. Dĩ nhiên là ông sợ, và lại coi bộ vô ông không lấy gì làm can trường, nhưng ông càng già đi tôi càng tin là ông sẽ phản ứng, ở vào tuổi đó ai còn làm gì ông nữa. Nhưng rồi ông lặng lẽ về hưu. Không một lời tuyên bố lịch sử, không cả một tiếng nói của lương tâm. Tôi biết ông mà vẫn bàng hoàng. Thì ra có những con giun không có ngay cả sinh lực để quằn quại. Tôi chung hứng.

Tôi cay cú như người xem phải một phim diễu dở ẹc, xem mãi chẳng thấy gì cười được, cứ đợi mãi rồi bất chợt thấy hai chữ "THE END". Thế là hết. Mất toi tiền mua vé và mất cả thì giờ.

Tôi giận ông quá nhưng tôi làm gì được ông bây giờ? Muốn bỏ tù ông thì không được rồi vì ông không còn thì giờ để đi tù. Muốn phạt vạ ông cũng không được nốt vì chắc ông không có tiền. Dành xí xóa cho ông.

Ông làm tôi nhớ đến một câu thơ của Phan Khôi: "Càng sống càng bé lại, càng sống lại càng tồi". Bây giờ ông đã ngoài tám mươi tuổi mà vẫn chưa được sống, trong cái quỳ thời gian hạn hẹp còn lại xin chúc ông sống những ngày cuối đời rất thật. Và nhất là đừng tự hỏi "ta đã làm chi đời ta?".

Phù Du

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận
hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó